

Số: 2067/DVN-KH
V/v công bố thông tin về báo cáo thường niên
năm 2021

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 4 năm 2022

Kính gửi:

- Ủy ban chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Tên tổ chức: Tổng công ty Dầu Việt Nam – CTCP.

Mã chứng khoán: OIL.

Trụ sở chính: Lầu 14-18, Tòa nhà PetroVietnam, số 1-5 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Tp.HCM.

Điện thoại: 028-39106990 Fax: 028-39106980

Người thực hiện công bố thông tin: Nguyễn Tuấn Tú.

Chức vụ: Phó Tổng giám đốc – Người được ủy quyền thực hiện CBTT theo Giấy ủy quyền số 70/UQ-DVN ngày 01/10/2020.

Loại thông tin công bố: 24h 72h Yêu cầu Bất thường Định kỳ

Nội dung thông tin công bố:

Tổng công ty Dầu Việt Nam – CTCP công bố thông tin về báo cáo thường niên năm 2021 theo quy định trên trang thông tin điện tử của PVOIL vào ngày 05/4/2022 tại đường dẫn <http://pvoil.com.vn> (Mục Quan hệ cổ đông/Báo cáo thường niên).

Chúng tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung đã công bố.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, TGD (để b/c);
- Ban KS, KSNB (để biết);
- Ban CNTT (để p/hợp);
- Lưu: VT, KH, PPN.02b.

**KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Tuấn Tú



PVOIL
Đường xa thêm gần

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2021

TỔNG CÔNG TY DẦU VIỆT NAM – CTCP

Tp. Hồ Chí Minh, tháng 4 năm 2022

MỤC LỤC

PHẦN I	5
THÔNG TIN CHUNG VỀ PVOIL	5
1. Thông tin tổng quát.....	5
2. Quá trình hình thành và phát triển	5
3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh	6
4. Mô hình quản trị công ty	9
5. Các công ty con, công ty liên doanh, liên kết.....	9
6. Ban lãnh đạo Tổng công ty.....	10
7. Định hướng phát triển	14
7.1. Hoạt động sản xuất kinh doanh	15
7.2. Tái cấu trúc, đổi mới doanh nghiệp	15
7.3. Nâng cao năng lực quản trị và phát triển nguồn nhân lực	15
8. Các rủi ro.....	16
PHẦN II	17
QUẢN TRỊ CÔNG TY	17
1. Hội đồng quản trị	17
2. Ban Kiểm soát	20
3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát năm 2021	22
3.1. Lương, phụ cấp đặc thù công việc, thù lao của HĐQT, Ban điều hành và BKS	22
3.2. Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ	22
3.3. Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ.....	23
3.4. Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty	23
PHẦN III	24
TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2021	24
1. Bối cảnh chung.....	24
2. Kết quả sản xuất kinh doanh	25
2.1. Các chỉ tiêu sản lượng.....	25
2.2. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu tài chính chủ yếu.....	26
3. Tổ chức và nhân sự	26
3.1. Ban điều hành Tổng công ty	26
3.2. Những thay đổi trong năm của Ban điều hành	26
3.3. Báo cáo về lao động và chính sách đối với người lao động	27
4. Tình hình đầu tư và thực hiện dự án	29
5. Công tác tái cấu trúc và đổi mới doanh nghiệp.....	29
6. Tình hình tài chính.....	29
7. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.....	30

PHẦN IV	32
BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA BAN ĐIỀU HÀNH	32
1. Đánh giá kết quả hoạt động SKXD của Tổng công ty.....	32
2. Những tiến bộ đạt được trong năm	32
2.1. Ra mắt PV MART – Cửa hàng tiện ích đầu tiên	32
2.2. Công tác ứng dụng công nghệ 4.0 và chuyển đổi số.....	33
2.3. Nghiên cứu xu hướng chuyển đổi năng lượng và các giải pháp ứng phó	33
2.4. Nâng tầm thương hiệu PVOIL.....	34
3. Tình hình tài chính.....	34
3.1. Tình hình tài sản và nguồn vốn.....	34
3.2. Tình hình Nợ phải trả.....	35
4. Kế hoạch SXKD năm 2022.....	36
4.1. Dự báo tình hình.....	36
4.2. Nhiệm vụ trọng tâm	36
4.3. Các chỉ tiêu kế hoạch chủ yếu	37
5. Giải trình của Ban giám đốc đối với ý kiến kiểm toán	38
PHẦN V	41
ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY	41
1. Đánh giá chung về các mặt hoạt động của Tổng công ty	41
2. Đánh giá về hoạt động của Ban Tổng giám đốc.....	42
3. Các kế hoạch và định hướng hoạt động năm 2022.....	43
PHẦN VI	45
BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG	45
1. Thông điệp phát triển bền vững.....	45
2. Nguyên tắc hoạt động của PVOIL đối với các bên liên quan.....	46
3. Báo cáo về công tác an toàn, sức khỏe và bảo vệ môi trường (ATSKMT).....	46
3.1. Duy trì hiệu quả Hệ thống ATSKMT	46
3.2. Công tác An toàn - An ninh, PCCC, ứng cứu tình huống khẩn cấp	47
3.3. Chăm sóc sức khỏe người lao động.....	48
3.4. Công tác bảo vệ môi trường và kiểm soát chất thải.....	48
3.5. Xây dựng văn hóa an toàn sức khỏe, môi trường	49
3.6. Các chỉ số an toàn sức khỏe và nghề nghiệp	49
3.7. Nhiệm vụ chính công tác ATSKMT 2021	50
4. Tuân thủ về môi trường.....	50
5. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường.....	51
5.1. Tác động lên môi trường:	51
5.2. Quản lý nguồn nguyên vật liệu	51
5.3. Tiêu thụ năng lượng	51
5.4. Tiêu thụ nước	51
5.5. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường.....	51



6. Báo cáo các vấn đề về xã hội.....	51
6.1. Việc làm.....	51
6.2. Trách nhiệm sản phẩm, dịch vụ.....	52
6.3. Trách nhiệm đối với cộng đồng	54
PHẦN VII - BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NĂM 2021	56
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	57
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP.....	59
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	62
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	66
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	67
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	69

PHẦN I

THÔNG TIN CHUNG VỀ PVOIL

1. Thông tin tổng quát

- ♦ Tên giao dịch: TỔNG CÔNG TY DẦU VIỆT NAM - CTCP
- ♦ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0305795054
- ♦ Vốn điều lệ: 10.342.295.000.000 đồng
- ♦ Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 10.342.295.000.000 đồng
- ♦ Địa chỉ: Tầng 14-18, Tòa nhà PetroVietnam, số 1-5 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
- ♦ Số điện thoại: (84-28)3910 6990
- ♦ Số fax: (84-28) 3910 6980
- ♦ Website: www.pvoil.com.vn
- ♦ Mã cổ phiếu: OIL, giao dịch trên Upcom từ ngày 07/3/2018

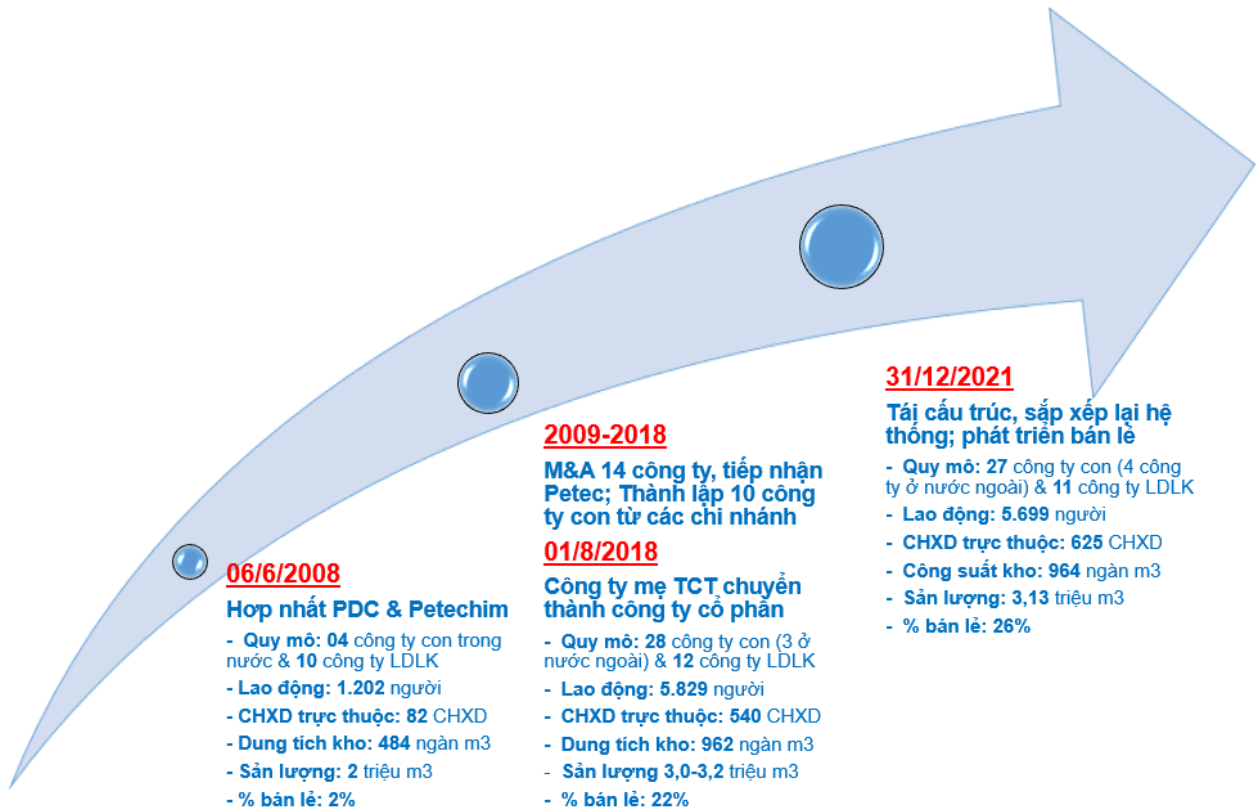
2. Quá trình hình thành và phát triển

Tổng Công ty Dầu Việt Nam (PVOIL) là đơn vị thành viên trực thuộc Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam, được thành lập theo Quyết định số 1250/QĐ-DKVN ngày 06/06/2008 của Tập đoàn trên cơ sở hợp nhất Tổng Công ty Thương mại Dầu khí (Petechim - thành lập tháng 04/1994) và Công ty Chế biến và Kinh doanh Sản phẩm dầu (PDC - thành lập tháng 04/1996).

PVOIL là đơn vị duy nhất của Tập đoàn tham gia phát triển hoàn chỉnh khâu hạ nguồn của ngành Dầu khí trong các lĩnh vực xuất nhập khẩu, kinh doanh dầu thô và chế biến, tồn trữ, phân phối các sản phẩm dầu.

Trong gần 14 năm hoạt động dưới thương hiệu PVOIL, Tổng Công ty đã liên tục phát triển mở rộng hệ thống mạng lưới kinh doanh xăng dầu (KD XD) trong và ngoài nước thông qua mua bán sáp nhập doanh nghiệp. PVOIL cũng đã không ngừng tái cấu trúc, sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp theo định hướng tối ưu bộ máy, tập trung vào các hoạt động cốt lõi nhằm gia tăng hiệu quả hoạt động.

Những dấu mốc lịch sử trong quá trình hình thành và phát triển PVOIL như sau:



3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

3.1. Lĩnh vực kinh doanh chính



Xuất nhập khẩu dầu thô và kinh doanh dầu quốc tế



Kinh doanh phân phối các sản phẩm dầu



Sản xuất, chế biến xăng dầu, dầu mỡ nhờn, nhiên liệu sinh học

+ Lĩnh vực ủy thác xuất/ bán dầu thô và kinh doanh dầu quốc tế

PVOIL là doanh nghiệp duy nhất tại Việt Nam tổ chức tiếp thị và thực hiện dịch vụ ủy thác xuất/ bán dầu thô Việt Nam và dầu thô của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam khai thác tại các mỏ nước ngoài. Với bề dày hơn 36 năm kinh nghiệm thực hiện dịch vụ, PVOIL đã trực tiếp xuất bán an toàn và hiệu quả gần 370 triệu tấn dầu thô các loại khai thác từ 16 mỏ dầu trong và ngoài nước.

PVOIL cũng đảm nhiệm việc cung cấp dầu thô nguyên liệu cho Công ty Lọc hóa dầu Bình Sơn (Nhà máy lọc dầu Dung Quất) với sản lượng bình quân 7 triệu tấn/năm từ nguồn trong nước và nhập khẩu theo yêu cầu.

+ Lĩnh vực sản xuất xăng dầu, dầu mỡ nhờn, nhiên liệu sinh học

Sản xuất xăng dầu: PVOIL thực hiện sản xuất, pha chế xăng dầu sản lượng 500.000 m³/năm từ nguồn condensate khai thác trong nước của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam. Toàn bộ lượng xăng sản xuất tiếp tục được đưa vào pha chế xăng sinh học E5 RON 92.

Sản xuất Nhiên liệu sinh học (NLSH): Thực hiện chủ trương của Chính phủ về việc phát triển nguồn NLSH, PVOIL đã góp vốn đầu tư xây dựng 3 nhà máy sản xuất NLSH (ethanol – E100) tại Bình Phước, Quảng Ngãi và Phú Thọ, với công suất mỗi nhà máy 100.000 m³ E100/năm. Cả 3 dự án đều chưa thể đưa vào vận hành vì thiếu vốn và thị trường không thuận lợi.

PVOIL có hệ thống pha chế xăng E5 trên cả nước với tổng công suất đạt trên 1,5 triệu m³ E5/năm. PVOIL hiện cung ứng ra thị trường gần 500.000 m³ xăng E5 thương phẩm/năm.

Sản xuất dầu mỡ nhờn: PVOIL LUBE, công ty con của PVOIL, với giá trị thương hiệu kế thừa từ VIDAMO - một trong những doanh nghiệp đầu tiên ở Việt Nam sản xuất và kinh doanh dầu mỡ nhờn. Sản phẩm của PVOIL LUBE với hơn 140 loại dầu mỡ bôi trơn được sản xuất từ nguồn nguyên liệu chất lượng cao, chủ yếu cung cấp cho các khách hàng công nghiệp và các nhà thầu dầu khí và đang dần mở rộng đến đối tượng khách hàng lẻ thông qua mạng lưới phân phối xăng dầu của PVOIL. Sản phẩm dầu mỡ nhờn của PVOIL được sản xuất tại nhà máy Bình Chiểu (Tp. Hồ Chí Minh) với công suất 20.000 tấn/năm.

Kinh doanh sản phẩm dầu Trong lĩnh vực kinh doanh phân phối xăng dầu tại thị trường nội địa, PVOIL xếp vị trí thứ 2 về sản lượng tiêu thụ, chiếm khoảng 17% thị phần. Tại Lào, PVOIL đứng đầu về sản lượng nhập khẩu, chiếm 20,5% thị phần và trong top 3 doanh nghiệp kinh doanh phân phối xăng dầu lớn nhất.

Trong suốt gần 14 năm hoạt động, thông qua hoạt động mua bán sáp nhập doanh nghiệp (M&A), PVOIL đã phát triển mạnh mẽ hệ thống phân phối KDXD rộng khắp cả nước và tại nước bạn Lào.

3.2 Địa bàn kinh doanh và hệ thống phân phối

Trong nước:

PVOIL có hệ thống phân phối xăng dầu tại 64/64 tỉnh thành trên cả nước với hơn 1.800 cửa hàng xăng dầu (CHXD), trong đó có hơn 600 CHXD trực thuộc và 1.200 CHXD đại lý/nhượng quyền thương mại.

Nước ngoài:

- **Tại Lào,** PVOIL có 02 công ty con là PVOIL Laos kinh doanh xuất nhập khẩu xăng dầu và PVOIL Laos Trading kinh doanh phân phối xăng dầu tại 16/18 tỉnh/thành của Lào với hệ thống phân phối 125 CHXD.
- **Tại Singapore,** PVOIL có công ty con là PVOIL Singapore chuyên kinh doanh dầu thô và sản phẩm dầu trên thị trường quốc tế.
- **Tại Campuchia,** PVOIL thành lập công ty con là PVOIL Campuchia để nghiên cứu đầu tư xây dựng nhà máy chế biến condensate tại đây.



3.3 Hệ thống cơ sở vật chất phục vụ kinh doanh



- 625 cửa hàng xăng dầu tại 56 tỉnh/thành trên cả nước.
- 125 cửa hàng xăng dầu tại Lào



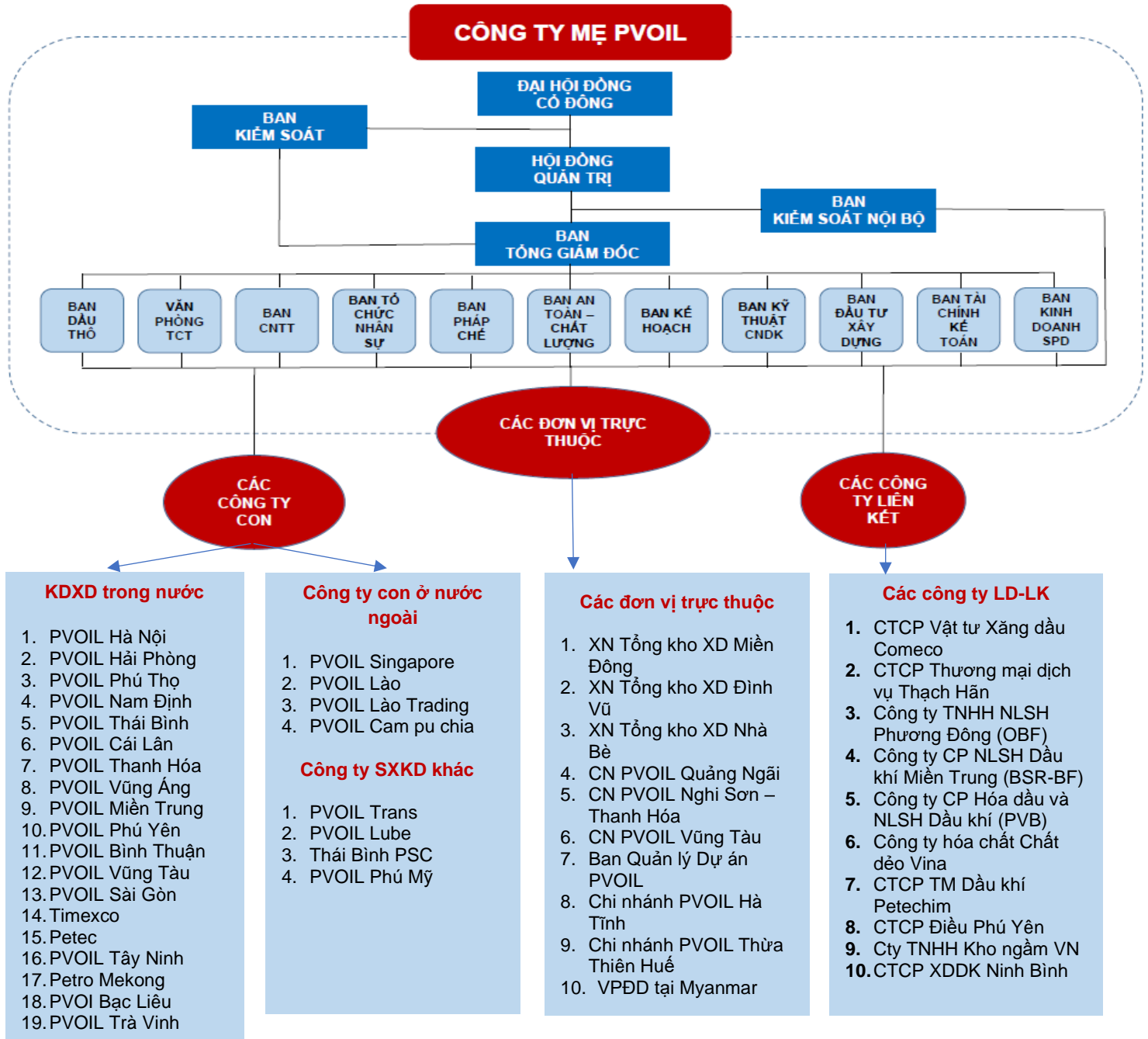
- 31 kho xăng dầu trên cả nước, tổng sức chứa 964 ngàn m³, đáp ứng nhu cầu kinh doanh trong 5-7 năm tới.
- 07 kho xăng dầu tại Lào với tổng sức chứa 6.800 m³



- 125 xe bồn tổng dung tích trên 2.000 m³
 - 7 xà lan tổng dung tích 4.000 m³
 - Đáp ứng khoảng 50% nhu cầu vận chuyển của PVOIL và đại lý
-

4. Mô hình quản trị công ty

Kể từ ngày 01/8/2018, Công ty mẹ Tổng Công ty Dầu Việt Nam chính thức chuyển đổi thành công ty cổ phần với mô hình tổ chức bộ máy như sơ đồ sau:



5. Các công ty con, công ty liên doanh, liên kết

- Các công ty con: Chi tiết xin xem tại thuyết minh BCTC kiểm toán (trang 70 và 71 báo cáo này)
- Các công ty liên doanh, liên kết: Chi tiết xin xem tại thuyết minh BCTC kiểm toán (trang 73 báo cáo này)

6. Ban lãnh đạo Tổng công ty

6.1. Hội đồng quản trị

Cơ cấu Hội đồng quản trị PVOIL được ĐHĐCĐ lần đầu (ngày 30/7/2018) thông qua gồm 7 thành viên, trong đó có 02 thành viên độc lập.

Ông Cao Hoài Dương, Chủ tịch HĐQT

Ngày sinh: 30/01/1972

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Hóa Công nghệ

Kinh nghiệm nghề nghiệp

Ông có gần 29 năm đóng góp cho ngành dầu khí sau khi tốt nghiệp thạc sĩ tại Úc. Trải qua các vị trí từ chuyên viên, lãnh đạo cấp trung đến tham gia quản lý điều hành của ngành Dầu khí như: Phó Tổng giám đốc Liên doanh Lọc hóa dầu Nghi Sơn, Tổng giám đốc Tổng công ty Đạm và Hóa chất Dầu khí (Đạm Phú Mỹ). Với tư duy chiến lược sắc bén và kiến thức sâu rộng trong nhiều lĩnh vực, ông khẳng định uy tín, vai trò qua từng vị trí công tác với nhiều đóng góp quan trọng. Tháng 01/2016, ông được Tập đoàn Dầu khí Việt Nam điều động về Tổng công ty Dầu Việt Nam - Công ty TNHH MTV giữ cương vị Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Tổng công ty. Ông tiếp tục đảm nhận vị trí Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Tổng công ty Dầu Việt Nam - CTCP từ ngày 01/8/2018 đến 23/9/2020. Ông được HĐQT tín nhiệm bầu giữ chức chủ tịch HĐQT PVOIL từ 23/9/2020 đến nay.

Ông Cao Hoài Dương đang nắm giữ 284.667.029 cổ phần (tương đương 27,52% vốn điều lệ) tại PVOIL. Trong đó, 284.661.929 cổ phần là đại diện vốn Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và 5.100 cổ phần là sở hữu của cá nhân.

Ông Đoàn Văn Nhuộm, Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc

Ngày sinh: 07-11-1963

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Trắc địa công trình

Kinh nghiệm nghề nghiệp: Ông có hơn 35 năm đóng góp cho ngành Dầu khí, đã tham gia quản lý điều hành nhiều đơn vị lớn trong ngành như Giám đốc Công ty kinh doanh khí hóa lỏng miền Nam, Tổng giám đốc Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí (PVFCCo), Chủ tịch HĐQT Tổng công ty Vận tải dầu khí (PV Trans). Ông đã có nhiều năm gắn bó với PVOIL, nguyên là Phó Giám đốc Công ty Kinh doanh các sản phẩm dầu mỏ (PDC) – tiền thân của PVOIL và là Tổng giám đốc PVOIL từ tháng 10/2014-12/2015. Với kinh nghiệm lâu năm trong lĩnh vực kinh doanh xăng dầu, tháng 09/2020, ông được Tập đoàn Dầu khí Việt Nam điều động về PVOIL giữ cương vị Tổng Giám đốc Tổng công ty. Tháng 01/2021, ông được ĐHĐCĐ bất thường năm 2021 của PVOIL bầu chọn làm thành viên HĐQT Tổng công ty.

Ông Đoàn Văn Nhuộm đang nắm giữ 237.872.785 cổ phần (tương đương 23% vốn điều lệ) đại diện vốn Tập đoàn Dầu khí Việt Nam tại PVOIL và không có cổ phần sở hữu cá nhân.

Ông Trần Hoài Nam, Thành viên HĐQT PVOIL

Phó Tổng giám đốc CTCP Hàng không Vietjet, Phó Tổng GD HD Bank

Ngày sinh: 14/08/1965

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản lý công nghiệp

Kinh nghiệm nghề nghiệp

Với kinh nghiệm quản lý và điều hành tại các công ty quy mô lớn (như Viện Đo lường Việt Nam, Ngân hàng Citibank Việt Nam, Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam, Ngân hàng TMCP Phát triển TP.HCM, Công ty CP Thương mại Dầu khí - PETECHIM, Công ty Cổ phần Hàng không VietJet...), ông Nam được ĐHĐCĐ lần thứ nhất Tổng công ty Dầu Việt Nam – CTCP tin tưởng và bầu chọn làm thành viên HĐQT (không chuyên trách) từ ngày 01/08/2018 đến nay.

Ông Lê Văn Nghĩa, Thành viên HĐQT

Ngày sinh: 05/07/1966

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán

Kinh nghiệm nghề nghiệp

Ông có nhiều năm kinh nghiệm quản lý và giám sát hoạt động tài chính doanh nghiệp, quản trị rủi ro trước khi về đầu quân cho Tập đoàn Dầu khí Việt Nam. Gia nhập Tổng công ty Dầu Việt Nam từ 02/2011, ông lần lượt nắm giữ các chức vụ như Phó, Trưởng ban Kiểm soát nội bộ, thành viên HĐQT Tổng công ty Dầu Việt Nam - Công ty TNHH MTV. Ông tiếp tục cương vị thành viên HĐQT PVOIL sau khi Tổng công ty chuyển sang hoạt động theo mô hình cổ phần từ ngày 01/08/2018 đến nay.

Ông Lê Văn Nghĩa đang nắm giữ 155.135.025 cổ phần tại PVOIL (tương đương 15% vốn điều lệ của PVOIL). Trong đó, 155.134.425 cổ phần là đại diện vốn Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và 600 cổ phần là sở hữu của cá nhân ông.

Ông Nguyễn Mậu Dũng, Thành viên HĐQT

Ngày sinh: 02/01/1968

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ quản trị kinh doanh

Kinh nghiệm nghề nghiệp

Gia nhập ngành từ hơn 30 năm trước, ông Nguyễn Mậu Dũng đã nắm giữ nhiều vị trí quản lý quan trọng tại các đơn vị lớn và công ty mẹ Tập đoàn dầu khí Việt Nam như: Phó Tổng giám đốc Tổng công ty xây dựng Dầu Khí (PVC), Phó tổng giám đốc Tổng công ty Khí Việt Nam (PVGAS), Trưởng ban Thương mại thị trường Tập đoàn dầu khí Việt Nam (PVN). Ông Dũng được Tập đoàn Dầu khí Việt Nam giới thiệu và ĐHĐCĐ bất thường năm 2021 của PVOIL bầu làm thành viên HĐQT Tổng công ty Dầu Việt Nam - CTCP vào tháng 01/2021.

Ông là người đại diện vốn Tập đoàn Dầu khí Việt Nam tại PVOIL với 155.134.425 cổ phần (tương đương 15% vốn điều lệ của PVOIL) và hiện không sở hữu cổ phần tại PVOIL.

Ông Hạng Anh Minh, Thành viên độc lập HĐQT

Ngày sinh: 10/11/1975

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản lý dự án

Kinh nghiệm nghề nghiệp

Ông Minh đã có 25 năm kinh nghiệm trong ngành dầu khí và từng nắm giữ các chức vụ quan trọng như Phó Ban Đầu tư tại Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, Phó Tổng Giám đốc Tổng công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư (PETEC). Từ ngày 01/08/2018 đến nay, ông được ĐHĐCĐ

tín nhiệm và bầu chọn làm thành viên độc lập HĐQT Tổng công ty Dầu Việt Nam – CTCP.
Hiện ông không có cổ phần sở hữu tại PVOIL.

Ông Lê Ngọc Quang, Thành viên độc lập HĐQT

Ngày sinh: 21/03/1966

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh

Kinh nghiệm nghề nghiệp

Ông có 30 gắn bó với ngành Dầu khí ở nhiều vị trí công tác khác nhau, với kiến thức và kinh nghiệm chuyên sâu trong các lĩnh vực thương mại, quản lý dự án Uy tín, kinh nghiệm và những đóng góp tích cực của ông trong ngành dầu khí là cơ sở để ĐHĐCĐ Tổng Công ty tin tưởng và bầu chọn ông giữ chức vụ thành viên độc lập HĐQT Tổng công ty Dầu Việt Nam – CTCP từ ngày 01/08/2018 đến nay.

Hiện ông không có cổ phần sở hữu tại PVOIL.

6.2. Ban điều hành

Tổng giám đốc Đoàn Văn Nhuộm

Ngày sinh: 07-11-1963

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Trắc địa công trình

Kinh nghiệm nghề nghiệp: Ông có hơn 35 năm đóng góp cho ngành dầu khí, đã tham gia quản lý điều hành nhiều đơn vị lớn trong ngành Dầu khí như Giám đốc Công ty kinh doanh khí hóa lỏng miền Nam, Tổng giám đốc Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí (PVFCCo), Chủ tịch HĐQT Tổng công ty Vận tải dầu khí (PV Trans). Ông đã có nhiều năm gắn bó với PVOIL, nguyên là Phó Giám đốc Công ty Kinh doanh các sản phẩm dầu mỏ (PDC) – tiền thân của PVOIL và là Tổng giám đốc PVOIL từ tháng 10/2014-12/2015. Với kinh nghiệm lâu năm trong lĩnh vực kinh doanh xăng dầu, tháng 09/2020, ông được Tập đoàn Dầu khí Việt nam điều động về PVOIL giữ cương vị Tổng Giám đốc Tổng công ty. Ông cũng được ĐHĐCĐ bất thường năm 2021 của PVOIL bầu chọn làm thành viên HĐQT của Tổng công ty từ tháng 01/2021 đến nay.

Ông Đoàn Văn Nhuộm đang nắm giữ 237.872.785 cổ phần đại diện vốn Tập đoàn Dầu khí Việt Nam tại PVOIL và không có cổ phần sở hữu cá nhân.

Phó Tổng giám đốc Nguyễn Anh Toàn

Ngày sinh: 17/9/1962

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh

Kinh nghiệm nghề nghiệp: Gia nhập ngành dầu khí từ năm 1994, ông đã trải qua các các vị trí phó/trưởng phòng Kinh doanh xăng dầu Công ty Petec, trưởng Ban Sản phẩm xăng dầu Tổng công ty trước khi được bổ nhiệm vào vị trí Phó Tổng Giám đốc Tổng công ty Dầu Việt Nam – Công ty TNHH MTV từ tháng 6/2011. Từ 01/08/2018 đến nay ông tiếp tục tham gia quản lý và điều hành Tổng công ty Dầu Việt Nam – CTCP ở cương vị Phó Tổng giám đốc.

Ông hiện đang sở hữu 1.700 cổ phần tại PVOIL.

Phó Tổng giám đốc Võ Khánh Hưng

Ngày sinh: 28/9/1965

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh

Kinh nghiệm nghề nghiệp: PTGD Võ Khánh Hưng gắn bó với Petechim – đơn vị tiền thân của Tổng công ty ngay từ những ngày đầu thành lập (08/1992), ông Hưng là một trong những gương mặt tiêu biểu về sự cống hiến trong từng bước tiến của Tổng công ty. Trong suốt gần 28 năm công tác, ông đã hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ được giao phó. Ông được bổ nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám đốc Tổng công ty Dầu Việt Nam – Công ty TNHH MTV từ tháng 06/2008 và tiếp tục nắm giữ cương vị này sau khi Tổng công ty chuyển sang hoạt động dưới mô hình CTCP đến nay. Ông hiện đang sở hữu 2.200 cổ phần tại PVOIL.

Phó Tổng giám đốc Lê Xuân Trình

Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc

Ngày sinh: 16/01/1961

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh

Kinh nghiệm nghề nghiệp: Gắn bó với ngành dầu khí ngay từ những năm đầu của thập niên 90 ở các vị trí quản lý cấp cao, ông Lê Xuân Trình là một trong những người có đóng góp tích cực trong quá trình xây dựng và phát triển ngành Dầu khí Việt Nam. Ông từng nắm giữ các vị trí quan trọng tại các công ty dầu khí lớn ở Việt Nam PTSC, Idemitsu, PVTSC, PV Gas. Từ tháng 12/2006 - 06/2008 ông là thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc Công ty TNHH MTV Chế biến và Kinh doanh Sản phẩm Dầu mỡ (PDC) – đơn vị tiền thân của PVOIL. Từ tháng 07/2008 ông được PVOIL bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc Tổng công ty Dầu Việt Nam - Công ty TNHH MTV và tiếp tục nắm giữ cương vị này sau khi Tổng công ty chuyển sang hoạt động dưới mô hình CTCP đến nay. Ông Trình đã có quyết định nghỉ hưu từ ngày 01/5/2021.

Phó Tổng giám đốc Nguyễn Tuấn Tú

Ngày sinh: 30/3/1972

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh

Kinh nghiệm nghề nghiệp: Ông Tú đã có gần 29 năm kinh nghiệm làm việc trong ngành Dầu khí, nắm giữ nhiều vị trí quản lý trong lĩnh vực tài chính kế toán. Gia nhập Tổng Công ty Thương mại Dầu khí (Petechim) - tiền thân của PVOIL từ tháng 05/2006 với cương vị Kế toán trưởng. Từ tháng 06/2011 ông được bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc Tổng công ty Dầu Việt Nam - Công ty TNHH MTV. Hiện ông đang tiếp tục phát huy vai trò, nhiệm vụ ở cương vị này khi Tổng công ty chuyển sang hoạt động theo mô hình cổ phần từ ngày 01/8/2018.

Ông hiện đang sở hữu 1.000 cổ phần tại PVOIL.

Phó Tổng giám đốc Nguyễn Đăng Trình

Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc

Ngày sinh: 20/7/1982

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính doanh nghiệp

Kinh nghiệm nghề nghiệp: Ông có gần 16 năm kinh nghiệm làm việc trong ngành Dầu khí, ở lĩnh vực tài chính kế toán. Ông được tin tưởng và bổ nhiệm chức vụ Kế toán trưởng Tổng công ty từ tháng 12/2014 và đã có nhiều đóng góp vào quá trình hoàn thiện công tác kế toán quản trị tại Tổng công ty. Từ ngày 01/08/2018 khi Tổng công ty chuyển sang hoạt động dưới mô hình CTCP, ông tiếp tục giữ chức Kế toán trưởng và sau đó từ ngày 3/6/2019 đến nay được bổ nhiệm và giữ chức Phó Tổng Giám đốc Tổng công ty. Hiện ông không có cổ phần sở hữu tại PVOIL.

Phó Tổng giám đốc Vũ Hoài Lam

Ngày sinh: 22/4/1971

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Kinh tế Thương mại

Kinh nghiệm nghề nghiệp: Với nhiều năm kinh nghiệm làm việc tại các tổ chức quốc tế uy tín, tháng 05/2011 ông được Tập đoàn Dầu khí Việt Nam bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc Tổng công ty Dầu Việt Nam - Công ty TNHH MTV. Ông tiếp tục giữ cương vị này sau khi Tổng công ty chuyển sang hoạt động dưới mô hình CTCP - từ ngày 01/8/2018 đến nay.

Hiện ông không có cổ phần sở hữu tại PVOIL.

Kế toán trưởng: Ông Nguyễn Ngọc Ninh

Ngày sinh: 07/10/1975

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Đại học Tài chính Kế toán

Kinh nghiệm nghề nghiệp: Ông có 19 năm kinh nghiệm làm việc trong ngành Dầu khí ở lĩnh vực tài chính kế toán. Từng giữ các chức vụ Trưởng phòng Tài chính Kế toán, Trưởng phòng Đầu tư, Trưởng phòng Giao dịch Công ty cổ phần Tài chính Dầu khí. Tháng 11 năm 2011 ông về công tác tại Tổng công ty Dầu Việt Nam ở vị trí Phó ban TCKT và sau đó tháng 10/2017 được bổ nhiệm chức Trưởng ban Kiểm soát nội bộ Tổng công ty. Với năng lực và kinh nghiệm trong công tác quản lý tài chính, kế toán, kiểm toán và quản lý công nợ, từ ngày 9/9/2019 đến nay ông được bổ nhiệm và giữ chức Kế toán trưởng Tổng công ty. Hiện ông không có cổ phần sở hữu tại PVOIL.

7. Định hướng phát triển

PVOIL kiên định với định hướng phát triển Tổng công ty dựa trên các quan điểm sau:

- ☞ Phù hợp với chiến lược phát triển của Công ty mẹ - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam; Tập trung vào 02 lĩnh vực hoạt động chính là XNK kinh doanh dầu thô và sản xuất, kinh doanh sản phẩm dầu.
- ☞ Tiếp tục kiên định với định hướng phát triển hệ thống phân phối, đảm bảo tập trung nguồn lực, nâng cao hiệu quả sử dụng và phát huy tối đa cơ sở hạ tầng đã đầu tư.
- ☞ Phát triển ổn định, bền vững, an toàn và hiệu quả; gắn hoạt động SXKD với bảo vệ môi trường và hướng tới lợi ích chung của toàn xã hội.
- ☞ Không ngừng hoàn thiện mô hình tổ chức quản lý, ứng dụng CNTT, tự động hóa và mô hình quản trị tiên tiến nhằm đạt hiệu quả cao hơn.

Mục tiêu phát triển giai đoạn 2021-2025

❖ Mục tiêu tổng quát

- ✔ PVOIL Là đơn vị duy nhất thực hiện nhiệm vụ xuất khẩu và kinh doanh dầu thô của Tập đoàn, cung cấp dầu thô từ nguồn nội địa cho NMLD Dung Quất.
- ✔ Tăng trưởng sản lượng KDXD bình quân 5%/năm, giữ ổn định thị phần.
- ✔ Tiếp tục hoàn thiện hệ thống phân phối theo hướng gia tăng bán hàng vào các kênh tiêu thụ trực tiếp, phấn đấu tỷ trọng bán lẻ và đại lý trực tiếp đạt tối thiểu 50% vào năm 2025.

❖ Mục tiêu cụ thể

- ✔ Sản lượng KDXD đến 2025 đạt 3,8-4,0 triệu m³/tấn; Tỷ trọng bán lẻ đạt tối thiểu 30% vào năm 2025.
- ✔ Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/vốn điều lệ bình quân 6%.

Trong giai đoạn chuyển tiếp (dự kiến kéo dài tới cuối năm 2023), khi Nhà nước chưa hoàn tất việc thoái vốn, PVOIL đặt mục tiêu phát triển ổn định, tập trung đổi mới về chất làm tiền đề cho các bước phát triển trong tương lai.

7.1. Hoạt động sản xuất kinh doanh



Lĩnh vực ủy thác dầu thô và kinh doanh dầu quốc tế: Xuất/bán an toàn và hiệu quả toàn bộ lượng dầu thô Việt Nam và dầu thô của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam khai thác ở nước ngoài; cung cấp đầy đủ dầu thô nguyên liệu cho NMLD Dung Quất theo yêu cầu. Đồng thời, đẩy mạnh hoạt động kinh doanh dầu quốc tế, khẳng định thương hiệu PVOIL trong lĩnh vực này.



Lĩnh vực sản xuất, pha chế: Triển khai sản xuất pha chế xăng sinh học đáp ứng nhu cầu thị trường và theo lộ trình của Chính phủ; đa dạng hóa và nâng cao chất lượng sản phẩm DMN thương hiệu PVOIL LUBE.



Lĩnh vực kinh doanh xăng dầu: Giữ ổn định thị phần và hệ thống phân phối; tập trung gia tăng tỷ trọng bán hàng vào các kênh tiêu thụ trực tiếp, bền vững (bán lẻ và bán khách hàng công nghiệp) và xúc tiến phát triển các dịch vụ phi xăng dầu tại CHXD.

7.2. Tái cấu trúc, đổi mới doanh nghiệp

Công tác tái cấu trúc đổi mới doanh nghiệp là nhiệm vụ trọng tâm của Tổng công ty trong giai đoạn này với việc tổ chức lại hệ thống công ty thành viên kinh doanh xăng dầu và thoái vốn nhà nước tại PVOIL xuống dưới chi phối theo đúng định hướng của Chính phủ khi cổ phần hóa. PVOIL kỳ vọng sẽ hoàn tất quyết toán cổ phần hóa và thoái vốn Nhà nước trước năm 2023.

7.3. Nâng cao năng lực quản trị và phát triển nguồn nhân lực

Công tác nâng cao năng lực quản trị và phát triển nguồn nhân lực được chú trọng, thông qua các giải pháp:

- ✔ Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ 4.0 trong quản trị điều hành hướng tới mô hình quản trị hiện đại, minh bạch, chuyên nghiệp theo các chuẩn mực quốc tế và áp dụng khoa học công nghệ, số hóa, tự động hóa trong hoạt động sản xuất kinh doanh và dịch vụ khách hàng.
- ✔ Tăng cường đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực.

8. Các rủi ro

Rủi ro lãi suất: Lãi suất là một chỉ số tài chính quan trọng ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động của PVOIL do một phần vốn lưu động và đầu tư là vốn vay. Trong năm 2021, lãi suất cho vay ngắn hạn trên thị trường phổ biến ở mức 6-9%. Tuy nhiên, nhờ có dòng tiền tốt và tín nhiệm cao với các ngân hàng nên PVOIL luôn thu xếp được các khoản vay với lãi suất ưu đãi, giúp giảm thiểu chi phí kinh doanh.

Rủi ro tỷ giá: Là doanh nghiệp nhập khẩu, kinh doanh xăng dầu nên PVOIL chịu ảnh hưởng về biến động tỷ giá. PVOIL đã áp dụng hình thức giao dịch kỳ hạn để hạn chế rủi ro. Tuy nhiên, từ cuối năm 2018, nguồn cung từ 2 NMLD trong nước đã đáp ứng hơn 70% nhu cầu nội địa và PVOIL ưu tiên tiêu thụ nguồn hàng này, chỉ nhập khi thiếu hụt nên đã giảm thiểu được rủi ro về tỷ giá.

Rủi ro về giá dầu: Giá dầu thô và xăng dầu trên thế giới biến động liên tục, rất khó lường, phức tạp và phụ thuộc vào nhiều yếu tố như tình hình địa chính trị, tình hình kinh tế tại các nước như Mỹ, Trung Quốc, châu Âu; diễn biến nhu cầu và nguồn cung trên toàn thế giới cũng như các yếu tố tài chính, tâm lý thị trường. Bên cạnh đó, trong hơn 2 năm qua, đại dịch COVID-19 đã tác động mạnh mẽ và chưa từng có đến nền kinh tế toàn cầu cũng như làm sai lệch những nguyên tắc cơ bản của thị trường dầu mỏ, giá dầu giảm sâu rồi lại phục hồi mạnh mẽ chỉ trong thời gian ngắn. Để ứng phó, PVOIL đặc biệt chú trọng công tác phân tích, dự báo, theo dõi sát diễn biến thị trường và có chính sách điều hành linh hoạt.

Rủi ro về điều hành kinh doanh xăng dầu (KDXD) của Chính phủ: Hoạt động kinh doanh của Công ty có liên quan mật thiết với giá dầu thô và xăng dầu trên thị trường thế giới và điều hành giá của Chính phủ. Điều hành KDXD của Chính phủ trong những năm gần đây đã thể hiện sự minh bạch và tiếp cận thị trường, tuy nhiên vẫn còn những bất cập, tiềm ẩn rủi ro cho doanh nghiệp (biên độ điều chỉnh giá 15 ngày, sử dụng các công cụ điều tiết khác như quỹ bình ổn và thuế nhập khẩu; bắt buộc về tồn kho lưu thông 30 ngày; ấn định mức chi phí và lợi nhuận định mức trong KDXD).

Rủi ro cháy nổ, ô nhiễm môi trường: Kinh doanh xăng dầu là ngành nghề có rủi ro cao về cháy, nổ, hỏa hoạn, ô nhiễm môi trường... Khi có sự cố xảy ra sẽ để lại hệ lụy nặng nề đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Để hạn chế và kiểm soát rủi ro đặc thù này, PVOIL đã đầu tư, trang bị hệ thống phòng cháy chữa cháy theo đúng quy định, tổ chức lực lượng chữa cháy tại chỗ, thuê đơn vị chuyên ngành triển khai các giải pháp phòng, chống tràn dầu và mua đầy đủ các loại bảo hiểm rủi ro tài sản, bảo hiểm cháy nổ...

Rủi ro về pháp luật: Là một công ty cổ phần đại chúng, hoạt động kinh doanh của PVOIL bị chi phối bởi các văn bản pháp luật do Nhà nước quy định, trong đó trọng yếu là Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các văn bản pháp luật khác liên quan đến các ngành nghề hoạt động của Tổng công ty. Để hạn chế tối đa những rủi ro phát sinh liên quan đến yếu tố pháp lý trong quá trình hoạt động, PVOIL luôn theo dõi và cập nhật các văn bản pháp luật có liên quan trong hệ thống, đồng thời tham khảo và thuê tư vấn đối với những vấn đề pháp lý nằm ngoài khả năng của Tổng công ty.

Rủi ro khác: Ngoài các rủi ro đã trình bày trên, hoạt động của PVOIL có thể chịu ảnh hưởng của thiên tai như động đất, dịch bệnh, lũ lụt... mà khi xảy ra có thể gây thiệt hại tài sản cũng như ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty. Tác động kép của đại dịch Covid-19 và suy giảm giá dầu làm nhu cầu tiêu thụ xăng dầu sụt giảm mạnh, giá dầu thô xăng dầu biến động bất thường, ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động SXKD của các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực xăng dầu, dầu khí trong đó có PVOIL.

PHẦN II

QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị

1.1. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

Xin xem tại Mục 6.1 Phần I của báo cáo này

1.2. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

HĐQT không thành lập các tiểu ban trực thuộc mà thành lập ban Kiểm soát nội bộ trực thuộc HĐQT với chức năng kiểm tra, giám sát và kiểm soát nội bộ Tổng công ty.

1.3. Hoạt động của HĐQT trong năm 2021

- ✓ HĐQT hoạt động theo đúng chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn được quy định tại Điều lệ Tổng công ty và Luật Doanh nghiệp; Lãnh đạo Tổng công ty hoàn thành tốt kế hoạch SXKD năm 2021 và các nhiệm vụ trọng tâm khác theo nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên 2021 trong bối cảnh tình hình dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp, ảnh hưởng lớn đến các mặt kinh tế, xã hội trong nước.
- ✓ Trong năm, HĐQT đã tiến hành 12 cuộc họp, ban hành 107 nghị quyết để quản lý/chỉ đạo các hoạt động của PVOIL trên mọi lĩnh vực; Tổ chức giám sát và đánh giá kịp thời kết quả thực hiện nội dung các nghị quyết/quyết định của ĐHĐCĐ và HĐQT.
- ✓ HĐQT luôn đề cao tinh thần làm việc trách nhiệm, dân chủ, xử lý nhanh chóng, kịp thời xem xét các vấn đề, đề xuất kiến nghị của Ban Tổng Giám Đốc và ban hành các nghị quyết, quyết định phù hợp thẩm quyền. Các nghị quyết, quyết định của HĐQT tuân thủ theo nguyên tắc đa số, dựa trên kết quả biểu quyết trực tiếp tại các cuộc họp hoặc biểu quyết thông qua hình thức phiếu lấy ý kiến thành viên HĐQT; Tuân thủ đầy đủ các quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty và Luật Doanh nghiệp.
- ✓ Cuối năm 2021, HĐQT đã tổ chức họp kiểm điểm, nghiêm túc đánh giá công tác lãnh đạo, chỉ đạo cũng như kết quả thực hiện chức năng, nhiệm vụ của HĐQT; Đánh giá về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2021; Kiểm điểm sâu sát về việc khắc phục những hạn chế, khuyết điểm đã được cấp có thẩm quyền kết luận hoặc được chỉ ra ở các kỳ kiểm điểm trước.

1.4. Các cuộc họp HĐQT trong năm 2021:

TT	Thời gian	TV tham dự	Nội dung	Kết quả
1	11-01-21	4/5	Họp về các dự án dở dang "Mở rộng kho chứa Nhà máy Chế biến Condensate" và "Sử dụng hiệu quả Nhiên liệu Nhà máy Chế biến Condensate"	Thảo luận và giao nhiệm vụ cho Ban điều hành và Người đại diện
2	26-01-21	7/7	1. Triển khai công tác tái cấu trúc các đơn vị thành viên 2. Chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu phát hành thêm tăng vốn điều lệ của Công ty Camex	1. Thảo luận và giao nhiệm vụ cho TGD và Người đại diện tại đơn vị 2. 6/7 thành viên thông qua, 1/7 thành viên cần thời gian xin ý kiến chủ sở hữu
3	05-03-21	5/7	1. Báo cáo kết quả SXKD 2 tháng đầu năm 2021	Cuộc họp thảo luận các nội dung và giao cho Tổng

TT	Thời gian	TV tham dự	Nội dung	Kết quả
			<ul style="list-style-type: none"> 2. Cập nhật tình hình các dự án NLSH có vốn góp của PVOIL 3. Kế hoạch tổ chức ĐHĐCĐ thường niên 2021 3. Xây dựng kế hoạch 5 năm giai đoạn 2021 - 2025, chiến lược đến 2035 và tầm nhìn đến 2045 	giám đốc Tổng công ty triển khai thực hiện.
4	09-03-21	7/7	Trao đổi về khả năng tổ chức ĐHĐCĐ trực tuyến năm 2021 trong tình hình dịch bệnh covid diễn biến phức tạp tại TP.HCM	7/7 thành viên dự họp thông qua việc tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 theo hình thức Hội nghị trực tuyến
5	27-04-21	7/7	<ul style="list-style-type: none"> 1. Đánh giá mức độ hoàn thành kế hoạch năm 2020 của Công ty mẹ PVOIL 2. Phê duyệt BCTC 7 tháng đầu năm 2018 và phương án PPLN giai đoạn Công ty TNHH 1TV. 3. Phương án tái cấu trúc tài sản, tái cấu trúc kho Kiên Giang của Petromekong 4. Phê duyệt quỹ tiền lương năm 2020 của Công ty mẹ và các đơn vị thành viên 5. Công tác cán bộ tại các đơn vị thành viên 	7/7 thành viên dự họp đồng ý thông qua các nội dung trình xin ý kiến tại cuộc họp.
6	20-05-21	7/7	<ul style="list-style-type: none"> 1. Thông qua danh sách các đơn vị thuộc diện giám sát tài chính đặc biệt năm 2021. 2. Lựa chọn đơn vị cung cấp dịch vụ kiểm toán BCTC năm 2021 của Công ty mẹ. 3. Bổ sung kế hoạch đầu tư năm 2021 của Petec 4. Dừng dự án Mở rộng nhà máy Condensate tại Cái Mép và dự án Mở rộng nhà máy Condensate tại Cái Mép - phân kỳ 1 	7/7 thành viên dự họp đồng ý thông qua các nội dung trình xin ý kiến tại cuộc họp.
7	01-06-21	7/7	Xem xét chủ trương để PVTrans-PTT đầu tư 01 tàu chở dầu/hóa chất trọng tải 13.000DWT	6/7 thành viên HĐQT tham dự họp không đồng ý thông qua nội dung này
8	14-06-21	6/7	<ul style="list-style-type: none"> 1. Báo cáo kết quả SXKD 5 tháng đầu năm 2021 2. Cập nhật tình hình triển khai công tác tái cấu trúc, thoái vốn tại LGVina, Dương Đông Kiên Giang 	- Cuộc họp thảo luận các nội dung và giao cho Tổng giám đốc Tổng công ty triển khai thực hiện các nội dung số 1,2 và 3

TT	Thời gian	TV tham dự	Nội dung	Kết quả
			3. Bổ sung kế hoạch đầu tư phương tiện vận tải của PVOIL Trans 4. Phương án chuyển nhượng tài sản kho Tắc Cậu - Kiên Giang của Petromekong	- 6/6 thành viên tham dự họp thông qua nội dung số 4
9	20-09-21	6/7	Tìm giải pháp cho hoạt động SXKD của các đơn vị thành viên của Tổng công ty Dầu Việt Nam tại Lào	6/6 thành viên tham dự họp thông qua giao cho Tổng giám đốc thuê đơn vị tư vấn xây dựng giải pháp tổng thể trình HĐQT xem xét.
10	09-11-21	6/7	1. Báo cáo kết quả SXKD 10 tháng đầu năm 2021 2. Báo cáo nhu cầu thị trường và rà soát cơ sở vật chất của PVOIL đáp ứng yêu cầu triển khai Quyết định 49/2021/QĐ-TTg của TTCP. 3. Báo cáo tư vấn về chuyển nhượng cổ phần của PVOIL tại Petec.	Cuộc họp thảo luận các nội dung và giao cho Tổng giám đốc Tổng công ty triển khai thực hiện.
11	19-11-21	7/7	1. Xây dựng chương trình công tác năm 2022 của HĐQT Tổng công ty Dầu Việt Nam. 2. Phân công nhiệm vụ trong HĐQT Tổng công ty	7/7 thành viên tham dự họp thống nhất việc phân công nhiệm vụ trong HĐQT và giao cho bộ phận chuyên môn tiếp thu ý kiến hoàn thiện chương trình công tác năm 2022 của HĐQT
12	21-12-21	6/7	Thảo luận việc triển khai công tác kiểm toán nội bộ theo Nghị định số 05/2019/NĐ-CP ngày 22/01/2019 của Chính Phủ	6/6 thành viên tham dự họp đồng ý với phương án triển khai công tác kiểm toán nội bộ tại PVOIL theo như báo cáo tại cuộc họp

1.5. Hoạt động của thành viên HĐQT độc lập

Cơ cấu Hội đồng quản trị PVOIL được ĐHCĐ lần đầu (ngày 30/7/2018) thông qua gồm 7 thành viên, trong đó có 02 thành viên độc lập. Mỗi thành viên độc lập HĐQT bên cạnh việc thực hiện đầy đủ chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn được quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty, trong năm 2021 còn thực hiện nhiệm vụ phụ trách giám sát các đơn vị thành viên theo sự phân công của HĐQT như sau:

- ☑ Ông Hạng Anh Minh: Theo dõi, giám sát hoạt động 8 công ty con của PVOIL gồm: PVOIL Thanh Hóa, PVOIL Nghi Sơn, PVOIL Vũng Áng, Petec, PVOIL Trà Vinh, PVOIL Bạc Liêu, PVOIL Lào, PVOIL Lào Trading.
- ☑ Ông Lê Ngọc Quang: Theo dõi, giám sát hoạt động 8 công ty con của PVOIL gồm: PVOIL Hải Phòng, PVOIL Đình Vũ, PVOIL Thái Bình, Thái Bình PSC, PVOIL Bình Thuận, PVOIL Phú Mỹ, PVOIL Nhà Bè, Timexco.

Trong năm 2021, các Thành viên độc lập HĐQT đã thực hiện đúng chức trách, nhiệm vụ được giao; Tham gia đầy đủ các cuộc họp HĐQT, có ý kiến và biểu quyết độc lập về các vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của HĐQT; Tham gia giám sát, chỉ đạo hoạt động của Ban điều hành và hoạt động của các ĐVTV theo phân công công việc của HĐQT.

1.6. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty; Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm

Các khóa đào tạo mà thành viên HĐQT đã tham gia liên quan đến quản trị công ty trong năm 2021 như sau:

- ☑ Tháng 6/2021: Chủ tịch HĐQT, 02 thành viên HĐQT (gồm thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Tổng công ty) đã tham gia khóa học "Quản trị doanh nghiệp theo thông lệ tốt nhất: Bài học kinh nghiệm quốc tế cho khối Doanh nghiệp nhà nước".
- ☑ Tháng 8/2021: Chủ tịch HĐQT và thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Tổng công ty đã tham gia khóa học "Chuyển đổi số trong doanh nghiệp dầu khí".
- ☑ Tháng 12/2021: Chủ tịch HĐQT và thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Tổng công ty đã tham gia khóa học "Nhà lãnh đạo dẫn dắt trong thời kỳ biến động".

2. Ban Kiểm soát

2.1. Thông tin về thành viên Ban kiểm soát (BKS)

STT	Thành viên BKS	Chức vụ	Trình độ chuyên môn	Tỷ lệ sở hữu cổ phần (%)
1	Nguyễn Đức Kện	Trưởng ban KS	Cử nhân tài chính – ngân hàng	0%
2	Trần Thị Phượng	Kiểm soát viên	Thạc sĩ QTKD, chứng chỉ Kế toán viên	0%
3	Phạm Thanh Sơn	Kiểm soát viên	Thạc sĩ QTKD	0%

2.2. Hoạt động của Ban Kiểm soát

Trong năm 2021, Ban Kiểm soát đã thực hiện đầy đủ và nghiêm túc các nội dung giám sát theo kế hoạch hoạt động được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 phê duyệt; tuân thủ các yêu cầu giám sát theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty, đồng thời thực hiện giám sát định kỳ theo yêu cầu của cổ đông lớn là Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.

Công tác giám sát được thực hiện thường xuyên, liên tục và có tính hệ thống, bằng hình thức trực tiếp và gián tiếp thông qua việc xem xét các văn bản hàng ngày, các báo cáo định kỳ, đột xuất của Tổng công ty và các đơn vị thành viên; các thông tin Ban điều hành cung cấp; kết quả kiểm tra, kiểm toán của các cơ quan quản lý nhà nước và của cấp trên; phối hợp trực tiếp kiểm tra tại một số đơn vị trực thuộc.

Tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, toàn bộ các thành viên Ban Kiểm soát đều tham dự, có báo cáo đầy đủ các nội dung theo quy định và luôn có các nhận xét, đánh giá và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông nhằm không ngừng hoàn thiện công tác quản trị và kiểm tra, giám sát tại Tổng công ty.

Trong năm, Ban Kiểm soát đã thường xuyên theo dõi, giám sát, đánh giá, đồng thời đã có một số ý kiến tư vấn, cảnh báo và kiến nghị về những tồn tại trong công tác quản lý và điều hành tại Công ty mẹ và các đơn vị thành viên.

Ban Kiểm soát đã tổ chức 02 cuộc họp trong năm 2021, đồng thời thường xuyên trao đổi nội bộ để thống nhất nội dung các báo cáo giám sát định kỳ/đột xuất. Các cuộc họp cụ thể như sau:

TT	Thời gian	TV tham dự	Nội dung	Kết quả
1	07/9/2021	3/3	Thông qua “Báo cáo thẩm định Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2021 của Tổng công ty Dầu Việt Nam – CTCP”	3/3 thành viên đồng ý
2	15/11/2021	3/3	Thông qua “Báo cáo kết quả kiểm tra giám sát năm 2021 và kế hoạch hoạt động năm 2022 của Ban Kiểm soát”	3/3 thành viên đồng ý

❖ Tóm tắt kết quả giám sát trong năm 2021

Về hoạt động sản xuất kinh doanh: Trong năm, mặc dù chịu ảnh hưởng nặng nề của dịch Covid-19, nhưng Tổng công ty đã nỗ lực triển khai hoạt động sản xuất kinh doanh để có được kết quả như báo cáo của Ban điều hành tại phần III của báo cáo này.

Công tác tái cấu trúc và đổi mới doanh nghiệp: được đặc biệt chú trọng, đẩy mạnh phù hợp với định hướng được ĐHĐCĐ thường niên 2021 thông qua.

Công tác quản trị: Tổng công ty đã ban hành và cập nhật thường xuyên hệ thống quy chế, quy định phục vụ quản lý điều hành và phù hợp với quy định về quản trị công ty cổ phần đại chúng.

Công tác tài chính kế toán: Báo cáo tài chính phản ánh hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty. Tổng công ty lập và nộp báo cáo theo đúng quy định của Nhà nước; thực hiện báo cáo và công bố thông tin định kỳ cho Ủy ban kiểm tra chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán theo quy định.

Kết quả giám sát đối với HĐQT: HĐQT đã triển khai thực hiện đầy đủ các nội dung theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thông qua, thường xuyên theo dõi, chỉ đạo, giám sát tình hình thực hiện các nghị quyết/quyết định/chỉ thị và tình hình hoạt động của Tổng công ty, tích cực chỉ đạo, giám sát, hỗ trợ và tạo điều kiện thuận lợi để Ban điều hành thực hiện tốt nhiệm vụ điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh và cơ bản đã hoàn thành các chỉ tiêu do Đại hội đồng cổ đông giao. HĐQT làm việc với tinh thần trách nhiệm và minh bạch trong công tác quản trị, tổ chức đầy đủ các cuộc họp định kỳ và lấy ý kiến bằng văn bản để ra các quyết định.

Kết quả giám sát đối với Tổng giám đốc: Tổng Giám đốc đã chỉ đạo các Ban/đơn vị trực thuộc và công ty thành viên của PVOIL triển khai thực hiện nghiêm túc các Nghị quyết/Quyết định/Chỉ thị của HĐQT Tổng công ty đề ra; tổ chức quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh trong phạm vi được HĐQT phân cấp theo đúng Điều lệ và các quy chế quản lý nội bộ của Tổng công ty.

Tổng giám đốc đã tích cực tìm các giải pháp tháo gỡ các khó khăn vướng mắc trong sản xuất kinh doanh và đầu tư của Tổng công ty và tại mỗi đơn vị; Đã tận dụng được diễn biến thuận lợi của thị trường xăng dầu để đem lại lợi nhuận cho Tổng công ty trong lĩnh vực kinh doanh cốt lõi trong bối cảnh đại dịch Covid 19 diễn biến phức tạp.

Tổng giám đốc chú trọng đẩy mạnh công tác tìm kiếm các cơ hội để hợp tác kinh doanh và tập trung đẩy mạnh công tác đầu tư cửa hàng xăng dầu để phát triển mở rộng hệ thống bán lẻ.

Tổng giám đốc đã có các văn bản giải trình, thực hiện các kiến nghị tại các Biên bản của Kiểm toán nhà nước thực hiện kiểm tra trong năm 2021 và thường xuyên hỗ trợ, tạo điều kiện để Ban Kiểm soát thực hiện chức trách, nhiệm vụ của mình.

Đánh giá sự phối hợp giữa Ban kiểm soát và HĐQT, Ban điều hành: Ban Kiểm soát đã phối hợp chặt chẽ với Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc trong việc thực hiện chức năng nhiệm vụ được giao. Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã tạo điều kiện thuận lợi, cung cấp các thông tin và tài liệu liên quan và cử nhân sự hỗ trợ Ban Kiểm soát thực hiện nhiệm vụ. Ban Kiểm soát được mời tham dự các cuộc họp quan trọng của HĐQT/ban điều hành, bên cạnh đó HĐQT/Ban điều hành cũng thường xuyên trao đổi với Ban kiểm soát để tìm giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong công tác điều hành.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát năm 2021

3.1. Lương, phụ cấp đặc thù công việc, thù lao của HĐQT, Ban điều hành và BKS

a) Tiền lương, phụ cấp đặc thù công việc:

ĐVT: triệu đồng

TT	Chức danh	Số người BQ		Tiền lương, phụ cấp		% TH/KH	Ghi chú
		KH	TH	KH	TH		
1	HĐQT chuyên trách (gồm TV HĐQT kiêm Tổng giám đốc)	5,92	5,93	6.099	7.339	120%	Bổ sung 01 thành viên từ 26/01/2021
2	Ban kiểm soát (chuyên trách)	3	3	2.619	3.144	120%	
3	Ban điều hành (các Phó Tổng giám đốc và Kế toán trưởng)		6,34		7.328		01 Phó TGD nghỉ hưu từ 01/5/2021
	Tổng cộng		15,27		17.811		

b) Thù lao của HĐQT không chuyên trách:

ĐVT: Triệu đồng

TT	Chức danh	Số người	Thù lao 01 tháng	Quỹ thù lao thực hiện 2021	Quỹ thù lao Kế hoạch 2022
1	Thành viên HĐQT	01	15	180	180

3.2. Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Triệu Thị Việt Giang	Vợ ông Hạng Anh Minh, TV HĐQT	21.500		0	0	Bán
2	Trần Thị Phượng	Người nội bộ	9.000		0	0	Bán

3.3. Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ

- ✓ Giao dịch đã được ký kết hoặc đã được thực hiện trong năm giữa Tổng công ty với Người nội bộ: Không phát sinh
- ✓ Giao dịch đã được ký kết hoặc đã được thực hiện trong năm giữa Tổng công ty với Người có liên quan đến người nội bộ: Trong năm PVOIL có giao dịch gửi tiền kỳ hạn tại HD Bank, là bên liên quan đến ông Trần Hoài Nam, Thành viên HĐQT Tổng công ty (Ông Nam đang giữ chức danh Phó giám đốc tại HD Bank).
- ✓ Giao dịch đã được ký kết hoặc đã được thực hiện trong năm giữa các công ty con, các công ty mà Tổng công ty nắm quyền kiểm soát với Người nội bộ: không phát sinh
- ✓ Giao dịch đã được ký kết hoặc đã được thực hiện trong năm giữa các công ty con, các công ty mà Tổng công ty nắm quyền kiểm soát với những Người có liên quan đến Người nội bộ: Trong năm có giao dịch giữa PVOIL Sài Gòn, là công ty con của PVOIL (PVOIL sở hữu 65,18% vốn điều lệ) và Công ty cổ phần vật tư xăng dầu (Comeco) là bên có liên quan của ông Lê Văn Nghĩa, thành viên HĐQT (ông Nghĩa đồng thời là thành viên HĐQT đại diện vốn góp của PVOIL tại Comeco)

3.4. Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty

Tổng công ty tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật về quản trị công ty đại chúng, cụ thể:

- ✓ Tổ chức họp đại hội cổ đông theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.
- ✓ Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát được đảm bảo về nhân sự, hoạt động đúng chức trách nhiệm vụ quy định.
- ✓ Thực hiện đầy đủ và đúng hạn tất cả các nghĩa vụ công bố thông tin định kỳ và bất thường đối với công ty đại chúng.
- ✓ HĐQT ban hành đầy đủ và cập nhật thường xuyên các quy chế, quy định phục vụ quản trị Tổng công ty.
- ✓ Thực hiện đầy đủ và đúng hạn Báo cáo thường niên và Báo cáo quản trị áp dụng đối với công ty đại chúng quy mô lớn.

PHẦN III

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2021

1. Bối cảnh chung

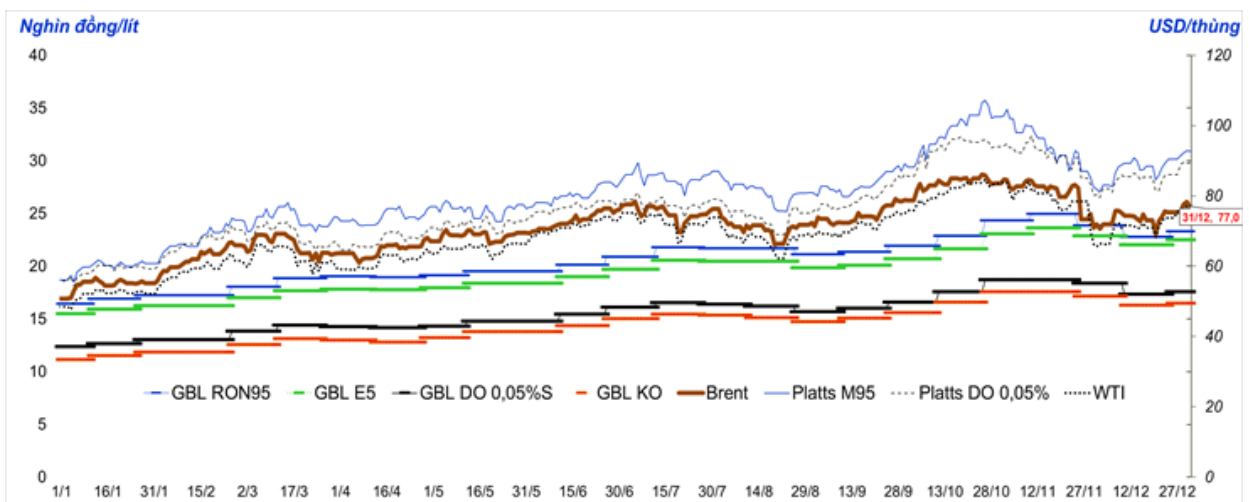
Năm 2021, thế giới tiếp tục chịu ảnh hưởng nặng nề từ đại dịch Covid-19 bất chấp các biện pháp tiêm chủng vaccine và hàng loạt chính sách kích cầu kinh tế của chính phủ các nước. Việc tiêm chủng vaccine đã phần nào ngăn ngừa được sự nguy hiểm của đại dịch nhưng những biến thể mới lây lan nhanh (Delta, Omicron) vẫn khiến các quốc gia dè dặt trong việc mở cửa đất nước khiến nhu cầu đi lại và tiêu thụ xăng dầu thế giới chưa thể hồi phục như kỳ vọng.

Trong nước, sau thời gian dài kiểm soát tốt dịch bệnh, sự xuất hiện của chủng Delta với tốc độ lây lan nhanh gấp nhiều lần chủng cũ đã làm dịch bùng phát nghiêm trọng trên diện rộng, đặc biệt là các thành phố lớn như thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội, Đà Nẵng.... Các biện pháp giãn cách, cách ly xã hội kéo dài trên diện rộng tại nhiều địa phương trên cả nước làm đình trệ các hoạt động sản xuất kinh doanh, vận chuyển... dẫn đến nhu cầu tiêu thụ xăng dầu sụt giảm mạnh.

Giá dầu thô trong năm có mức phục hồi ấn tượng trong 6 tháng đầu năm nhờ một số nền kinh tế lớn khôi phục hoạt động sau đại dịch, giá dầu tiếp tục giữ đà tăng trưởng trong 6 tháng cuối năm, đặc biệt là trong quý IV do chịu ảnh hưởng từ cuộc khủng hoảng nguồn cung năng lượng toàn cầu.

Giá dầu Dated Brent trung bình năm 2021 tăng 69% so với năm 2020 kéo theo giá mặt hàng xăng dầu tăng tương ứng. Trong nước, giá bán lẻ xăng dầu tăng từ 38-42% so với thời điểm cuối năm 2020

Diễn biến giá dầu thế giới và điều hành giá bán lẻ của Nhà nước như sau:



Thị trường xăng dầu trong nước dưới sự điều hành của Chính phủ đã có bước cải thiện đáng kể, cạnh tranh lành mạnh hơn sau hàng loạt nỗ lực kiểm soát thị trường, ngăn chặn các hoạt động phi pháp trong sản xuất pha chế và nhập khẩu lậu xăng dầu. Đây là điểm sáng giúp các doanh nghiệp kinh doanh chân chính như PVOIL giữ vững sản lượng và hiệu quả trong bối cảnh nhu cầu tiêu thụ sụt giảm nghiêm trọng do ảnh hưởng của đại dịch.

Nguồn cung từ các NMLD Dung Quất và Nghi Sơn đáp ứng khoảng 70% nhu cầu tiêu thụ

trong nước, tuy nhiên hoạt động thiếu ổn định của Nhà máy LHD Nghi Sơn cũng gây không ít khó khăn cho các doanh nghiệp trong một số thời điểm.

Trước tình hình diễn biến rất phức tạp của dịch bệnh Covid-19, PVOIL đã triển khai đồng bộ các giải pháp phòng chống dịch với mục tiêu “Đảm bảo sức khỏe cho người lao động, hoạt động SXKD, đầu tư tiếp tục duy trì ổn định, an toàn, tiêu thụ hàng hóa, sản phẩm thông suốt” theo chỉ đạo của Chính phủ, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và các cấp chính quyền địa phương. Cụ thể:

- ✓ Ban hành quy định phòng chống dịch Covid-19 tại các kho xăng dầu của PVOIL và đơn đốc toàn hệ thống tuân thủ các quy định về phòng chống dịch và triển khai giải pháp ứng phó với tình hình diễn biến dịch bệnh tại các địa phương.
- ✓ Thực hiện chế độ làm việc từ xa, họp trực tuyến, áp dụng chữ ký điện tử trong giai đoạn dịch bệnh diễn biến phức tạp; trang bị bảo hộ đảm bảo an toàn cho lực lượng lao động trực tiếp tại cửa hàng xăng dầu.
- ✓ Triển khai “Phương án 3 tại chỗ - Sản xuất tại chỗ, ăn tại chỗ và nghỉ ngơi tại chỗ” tại các kho xăng dầu trong thời gian giãn cách xã hội nhằm đảm bảo duy trì hoạt động của kho thường xuyên, liên tục.
- ✓ Chủ động tiêm vắc xin sớm nhất cho toàn thể người lao động trong hệ thống.

Nhờ chủ động thực hiện tốt công tác phòng chống dịch, PVOIL vẫn đảm bảo duy trì ổn định hoạt động sản xuất kinh doanh trong toàn hệ thống và giảm thiểu tác động của dịch bệnh đến đời sống và sức khỏe của người lao động.

2. Kết quả sản xuất kinh doanh

2.1. Các chỉ tiêu sản lượng

TT	Chỉ tiêu sản lượng (1000 m ³ /tấn)	TH 2020	2021		So với	
			KH	TH	Cùng kỳ	KH
1	Đại lý xuất khẩu dầu thô (bao gồm cung cấp cho NMLD Dung Quất)	9.380	8.586	9.698	103%	113%
2	SX xăng dầu, DMN	455	484	503	111%	104%
	<i>Trong đó: xăng E5</i>	<i>452</i>		<i>500</i>	<i>111%</i>	
3	Kinh doanh xăng dầu	2.938	3.150	3.132	107%	99,4%
4	<i>Tỷ trọng bán lẻ</i>	<i>29,4%</i>	<i>28,6%</i>	<i>25,1%</i>		

Kết quả cụ thể từng lĩnh vực như sau:

2.1.1 Xuất nhập khẩu dầu thô

PVOIL đã xuất bán an toàn, hiệu quả toàn bộ lượng dầu thô của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và các chủ mỏ khác khai thác trên thềm lục địa Việt Nam với sản lượng đạt 9,7 triệu tấn, hoàn thành 113% kế hoạch năm và tăng 3% so với cùng kỳ.

PVOIL cũng đảm bảo cung cấp đầy đủ và kịp thời toàn bộ dầu thô nguyên liệu cho NMLD Dung Quất với tổng sản lượng 6,3 triệu tấn. Trong đó, cung cấp từ nguồn nội địa 5,6 triệu tấn và từ nguồn nhập khẩu 0,71 triệu tấn.

2.1.2 Sản xuất xăng dầu, dầu mỡ nhờn

Sản lượng sản xuất, pha chế trong năm đạt 503 nghìn m³/tấn, hoàn thành 104% kế hoạch và tăng 11% so với cùng kỳ, chủ yếu là xăng sinh học E5 RON92. Trong năm, PVOIL đã tiếp

nhận toàn bộ lượng condensate theo Hợp đồng Liên danh với PV Gas để sản xuất xăng nền xăng RON91, góp phần đáng kể vào lợi nhuận sản xuất kinh doanh năm 2021.

2.1.3 Kinh doanh xăng dầu

Trong bối cảnh chịu ảnh hưởng nặng nề từ đại dịch, nhu cầu tiêu thụ xăng dầu sụt giảm mạnh, nhờ việc áp dụng đồng bộ các giải pháp để vừa phòng chống dịch vừa duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh, tận dụng tối đa các cơ hội của thị trường, sản lượng kinh doanh xăng dầu năm 2021 đạt mức tăng trưởng ấn tượng.

Sản lượng tiêu thụ toàn hệ thống đạt 3.132 nghìn m³/tấn, hoàn thành sắp xỉ 100% kế hoạch năm và tăng trưởng 7% so với thực hiện năm 2020, chủ yếu ở các kênh bán buôn. Sản lượng và tỷ trọng bán lẻ tại các CHXD sụt giảm do ảnh hưởng bởi các đợt giãn cách/cách ly xã hội kéo dài trên diện rộng do đại dịch Covid-19.

2.2. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

ĐVT: tỷ đồng

TT	Chỉ tiêu	TH 2020	Năm 2021		So sánh (%)	
			KH	TH	Cùng kỳ	KH
I	Hợp nhất					
1	Tổng doanh thu	50.541	55.750	58.299	115%	105%
2	Lợi nhuận trước thuế	(111)	400	928	LN âm	232%
3	Lợi nhuận sau thuế	(166)	320	773	LN âm	242%
4	Nộp NSNN	8.340	8.480	8.641	104%	102%
II	Công ty mẹ					
1	Doanh thu	20.953	27.000	33.391	159%	124%
2	Lợi nhuận trước thuế	(152)	300	697	LN âm	232%
3	Lợi nhuận sau thuế	(149)	240	569	LN âm	237%

Tổng doanh thu hợp nhất cả năm đạt 58.299 tỷ đồng, hoàn thành 105% kế hoạch và tăng trưởng 15% so với cùng kỳ. Doanh thu của PVOIL đến từ hai lĩnh vực chính là KDXD (chiếm 67%) và kinh doanh dầu thô quốc tế (chiếm 33%).

Lợi nhuận trước thuế hợp nhất đạt 928 tỷ đồng, công ty mẹ đạt 697 tỷ đồng, gấp 2,3 lần kế hoạch được giao. Kết quả này có được là nhờ sự phục hồi mạnh mẽ của giá dầu, quyết tâm của Chính phủ trong việc kiểm soát thị trường xăng dầu và nỗ lực của tập thể cán bộ, công nhân viên PVOIL trong việc nắm bắt cơ hội thị trường, giữ vững và gia tăng sản lượng kinh doanh trong điều kiện dịch bệnh ảnh hưởng nặng nề đến mọi mặt đời sống kinh tế xã hội.

Nộp NSNN hợp nhất cả năm đạt 8.641 tỷ đồng (không bao gồm số liệu nộp ngân sách của PVOIL Lào cho chính phủ Lào), hoàn thành 102% kế hoạch năm và bằng 104% so với cùng kỳ.

3. Tổ chức và nhân sự

3.1. Ban điều hành Tổng công ty

Xin xem mục 6.2 phần I của báo cáo này

3.2. Những thay đổi trong năm của Ban điều hành

Trong năm 2021 PVOIL có thay đổi về nhân sự Ban điều hành như sau:

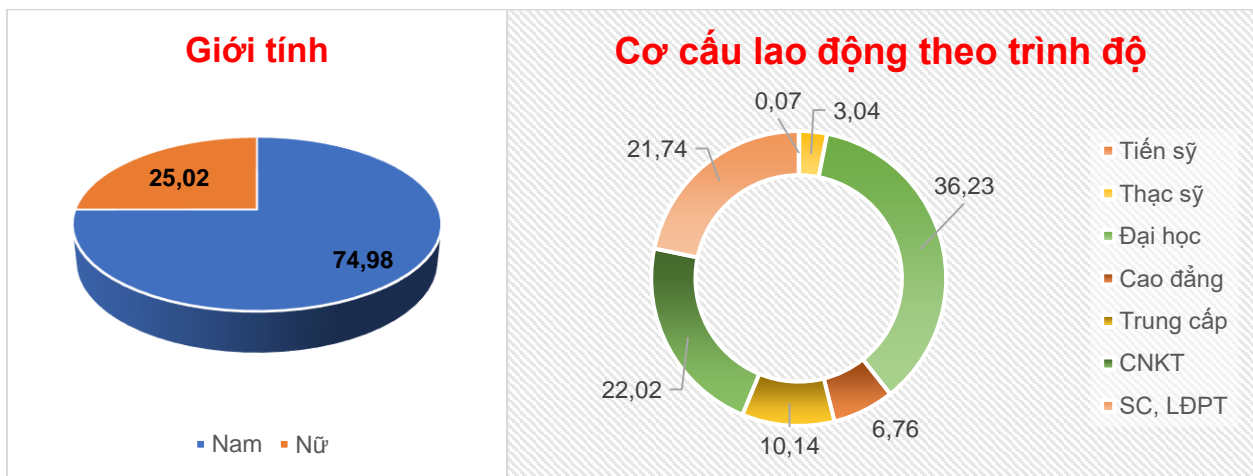
TT	Họ tên	Vị trí	Ngày bỏ nhiệm, miễn nhiệm
1	Ông Lê Xuân Trình	Thôi làm Phó Tổng Giám đốc để nghỉ hưu theo quy định	01/5/2021

3.3. Báo cáo về lao động và chính sách đối với người lao động

3.3.1. Lao động, tiền lương

Tổng số CBCNV toàn Tổng công ty tính đến ngày 31/12/2021 là 5.699 người, thu nhập bình quân của người lao động là 14,68 triệu đồng/người/tháng.

Cơ cấu nguồn nhân lực của PVOIL như sau:



Với đặc thù kinh doanh của PVOIL, phần lớn lực lượng lao động làm việc tại các Kho xăng dầu và cửa hàng xăng dầu nên tỷ lệ lao động nữ thấp, chỉ chiếm 1/4 tổng số lao động toàn Tổng công ty.

Trong giai đoạn vô cùng khó khăn do đại dịch COVID-19, PVOIL vẫn giữ vững niềm tin, chung sức chung lòng, phát huy nội lực, huy động mọi nguồn lực, hoàn thành xuất sắc, vượt mức ấn tượng các chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2021. Vì vậy, đời sống, thu nhập của Người lao động PVOIL cũng được cải thiện đáng kể. Thu nhập bình quân toàn Tổng công ty tăng 15,5% so với năm 2020.

3.3.2. Chính sách đối với Người lao động

Chính sách lao động tiền lương

PVOIL đã xây dựng, ban hành các quy chế, quy định liên quan đến công tác lao động, tiền lương, đào tạo, thi đua khen thưởng... đảm bảo phù hợp các quy định của Nhà nước, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và đặc thù của PVOIL.

- ✓ Đảm bảo được việc làm cho Người lao động, bố trí công việc phù hợp với chuyên môn, khả năng của Người lao động; không có trường hợp nào phải ngừng việc hoặc mất việc làm;
- ✓ Về cơ bản chính sách tiền lương hiện tại Tổng công ty đảm bảo được trả theo chức danh công việc đảm nhiệm, năng lực của mỗi CBNV, có tính cạnh tranh và công bằng;
- ✓ Các loại phụ cấp được áp dụng phù hợp với điều kiện, môi trường làm việc và đặc thù công việc của từng vị trí;
- ✓ Hàng năm, Tổng công ty đã triển khai giao mục tiêu và đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ (KPIs) cho CBNV Công ty mẹ - Tổng công ty nhằm nâng cao ý thức, trách nhiệm và

hiệu quả công việc của từng cá nhân/bộ phận từ đó đề ra kế hoạch đào tạo, phát triển đội ngũ CBNV cũng như tránh được việc cào bằng trong trả lương, trả thưởng;

✔ Tổng công ty luôn nỗ lực triển khai các chính sách về nhân sự, tiền lương nhằm đảm bảo ổn định thu nhập, tạo động lực cho người lao động tiếp tục phấn đấu, cống hiến cho sự nghiệp xây dựng và phát triển PVOIL, gồm:

✔ Chính sách bảo hiểm, chăm sóc sức khỏe: thực hiện tốt chế độ BHXH, BHYT, BHTN theo quy định của Nhà nước; Bảo hiểm sức khỏe, Bảo hiểm hưu trí tự nguyện, bảo hiểm nhân thọ trả sau,...; Khám sức khỏe định kỳ cho toàn thể CBNV, lao động nữ... tại các trung tâm sức khỏe có chất lượng và uy tín.

✔ Tổ chức đối thoại định kỳ để lắng nghe, giải đáp ý kiến của Người lao động cũng như là một kênh để công khai, thông báo, phổ biến đến Người lao động về tình hình SXKD, các quy chế, quy định, nội quy của Tổng công ty, việc trích lập các quỹ.

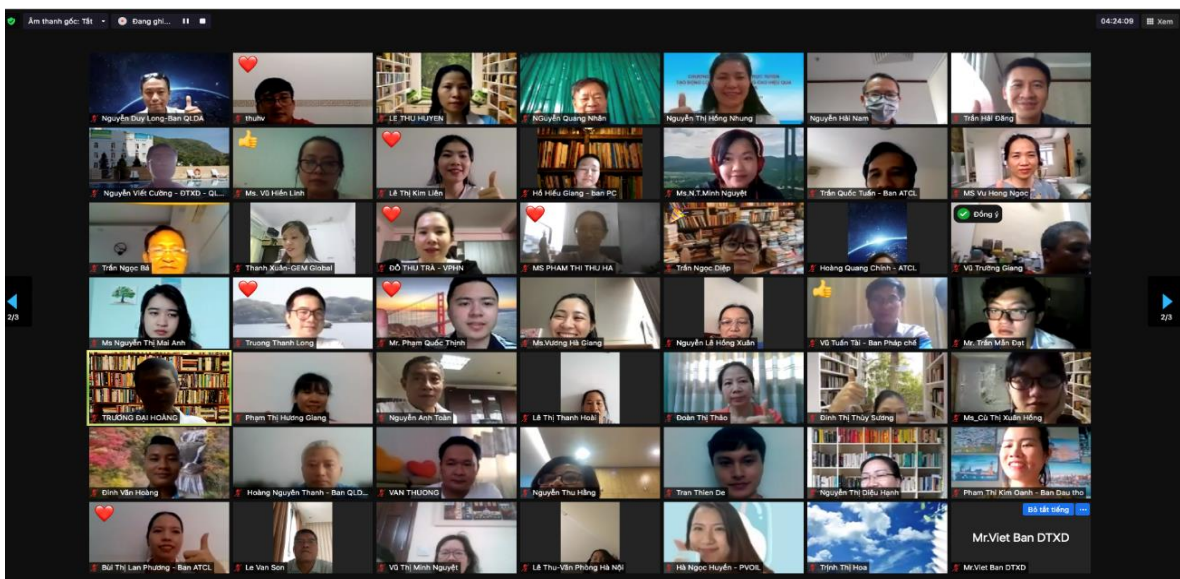
✔ Chính sách phúc lợi khác:

Năm 2021, do ảnh hưởng của dịch bệnh covid-19, thay vì tổ chức tham quan, nghỉ mát hoặc tổ chức các hoạt động văn nghệ, thể thao cho NLĐ, Tổng công ty đã chi hỗ trợ nghỉ dưỡng nâng cao sức khỏe tại nhà và chi các khoản hỗ trợ khác trong phòng chống dịch bệnh covid...

Chính sách đào tạo: Tổng công ty xây dựng kế hoạch đào tạo hàng năm dựa trên cơ sở nhiệm vụ kế hoạch của Ban/Văn phòng/Đơn vị, tiêu chuẩn vị trí chức danh công việc nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển đội ngũ CBNV, sử dụng hiệu quả nguồn nhân lực hướng đến sự phát triển bền vững, phù hợp theo định hướng, chiến lược phát triển của Tổng công ty.

Trước tình hình chung do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19, PVOIL đã chủ động áp dụng các hình thức đào tạo trực tuyến, đào tạo e-learning; các nội dung đào tạo gắn liền với công việc và phù hợp với bối cảnh làm việc trực tuyến như tạo động lực làm việc và kỹ năng làm việc từ xa, tinh thần mới cho bình thường mới... nhằm hỗ trợ tinh thần đồng thời tạo điều kiện cho CBNV bắt kịp xu hướng ứng dụng CNTT để nâng cao hiệu quả công việc. Đồng thời với một số nội dung đặc thù, PVOIL đẩy mạnh công tác đào tạo nội bộ nhằm đồng bộ kiến thức, mang lại hiệu quả cao, tiết kiệm chi phí và thời gian đào tạo.

Trong năm 2021, PVOIL thực hiện đào tạo 8.883 lượt người với chi phí 5,6 tỷ đồng.



Lớp học trực tuyến “Tạo động lực tích cực và nâng cao hiệu quả khi làm việc từ xa”

4. Tình hình đầu tư và thực hiện dự án

Trong năm 2021, thực hiện đầu tư toàn hệ thống đạt 303 tỷ đồng, hoàn thành 49% kế hoạch. Nhiều dự án đầu tư bị chậm tiến độ do đại dịch bùng phát làm đình trệ hầu hết các hoạt động trên diện rộng. Các hạng mục đầu tư chủ yếu gồm:

- ✓ Phát triển hệ thống bán lẻ: trong năm PVOIL đã đầu tư phát triển mới 26 CHXD;
- ✓ PVOIL đã hoàn thành và đưa vào vận hành kho xăng dầu Nghi Sơn giai đoạn 1.

Chi tiết thực hiện đầu tư như sau:

TT	Hạng mục đầu tư	KH 2021	TH 2021	% TH/KH
1	Xây dựng mới và cải tạo kho, cảng	98	46	47%
2	Xây dựng mới và cải tạo CHXD	418	172	41%
3	Mua sắm khác	97	85	88%
	TỔNG CỘNG	613	303	49%
	<i>Trong đó: - Công ty mẹ</i>	<i>428</i>	<i>152</i>	<i>36%</i>
	<i>- Công ty con</i>	<i>186</i>	<i>151</i>	<i>81%</i>
	<i>Đầu tư từ nguồn vốn CSH</i>	<i>521</i>	<i>280</i>	<i>54%</i>

5. Công tác tái cấu trúc và đổi mới doanh nghiệp

Công tác tái cấu trúc, sắp xếp lại hệ thống các đơn vị thành viên KDXD nhằm tối ưu hoạt động và hiệu quả doanh nghiệp tiếp tục được thúc đẩy trong năm 2021 với các hoạt động cụ thể như sau:

- ✓ Hoàn tất sáp nhập 02 nhóm đơn vị thành viên KDXD với mục tiêu thu gọn đầu mối, tiết giảm chi phí, nâng cao năng lực cạnh tranh, gồm: PVOIL Thừa Thiên Huế sáp nhập với PVOIL Miền Trung (từ 01/7/2021) và PVOIL Hà Giang sáp nhập với PVOIL Hà Nội (từ 01/01/2022);
- ✓ Triển khai thí điểm chuyển đổi một số đơn vị thành viên thành TNHH Một thành viên;
- ✓ Tiếp tục thúc đẩy công tác thoái vốn tại Petec và các công ty liên kết; hoàn thành thoái vốn tại công ty cổ phần Dương Đông Kiên Giang;
- ✓ Tiếp tục hỗ trợ đảm bảo an toàn tài sản tại các nhà máy NLSH song song với việc triển khai các giải pháp tái cấu trúc theo chỉ đạo của Chính phủ và công ty mẹ - Tập đoàn dầu khí Việt Nam;
- ✓ Công tác quyết toán cổ phần hóa Tổng công ty: Tiếp tục làm việc với các cơ quan quản lý Nhà nước để xử lý các vướng mắc liên quan đến (i) quyết toán cổ phần hóa PETEC và (ii) sắp xếp, xử lý đất đai theo Nghị định số 167/2017/NĐ-CP.

6. Tình hình tài chính

6.1. Tình hình tài chính (hợp nhất)

TT	Chỉ tiêu tài chính	Năm 2020 (tỷ đồng)	Năm 2021 (tỷ đồng)	So sánh (%)
1	Tổng giá trị tài sản	22.075	27.198	123%
2	Doanh thu thuần	50.028	57.836	116%
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	-137,4	899	LN âm
4	Lợi nhuận khác	26,5	28,8	109%
5	Lợi nhuận trước thuế	-110,9	928	LN âm

TT	Chỉ tiêu tài chính	Năm 2020 (tỷ đồng)	Năm 2021 (tỷ đồng)	So sánh (%)
6	Lợi nhuận sau thuế	-166	773	LN âm

EBITDA:

TT	Chỉ tiêu Hợp nhất	Năm 2020 (tỷ đồng)	Năm 2021 (tỷ đồng)	So sánh (%)
1	Lợi nhuận trước thuế	-110,9	927,8	LN âm
2	Chi phí khấu hao	377,9	346,5	92%
3	Chi phí lãi vay	146,2	144,6	99%
	EBITDA	413,3	1.419,0	343%

6.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu (hợp nhất)

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2020	Năm 2021
1	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
	Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1,46	1,37
	Hệ số thanh toán nhanh	Lần	1,29	1,21
2	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
	Hệ số nợ phải trả/Tổng tài sản	Lần	0,52	0,59
	Hệ số nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu	Lần	1,09	1,43
3	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
	Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	22,50	24,81
	Doanh thu thuần/Tổng tài sản	Lần	2,27	2,13
4	Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
	Hệ số LNST/Doanh thu thuần	%	-0,3%	1,3%
	Hệ số LNST/Vốn chủ sở hữu (ROE)	%	-1,6%	7,1%
	Hệ số LNST/Tổng tài sản bình quân (ROA)	%	-0,7%	3,1%
	Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	-0,3%	1,6%

7. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Cổ phiếu PVOIL được đăng ký giao dịch tại Sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội từ ngày 08/3/2018 với thông tin chi tiết như sau:

- ♦ Mã chứng khoán: OIL
- ♦ Mệnh giá: 10.000 đồng (Mười nghìn đồng)
- ♦ Loại chứng khoán: cổ phiếu phổ thông
- ♦ Room tối đa cho khối ngoại: 6,621%
- ♦ Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 1.034.229.500 cổ phiếu
- ♦ Số lượng cổ phiếu chuyển nhượng tự do: 201.425.936 cổ phiếu

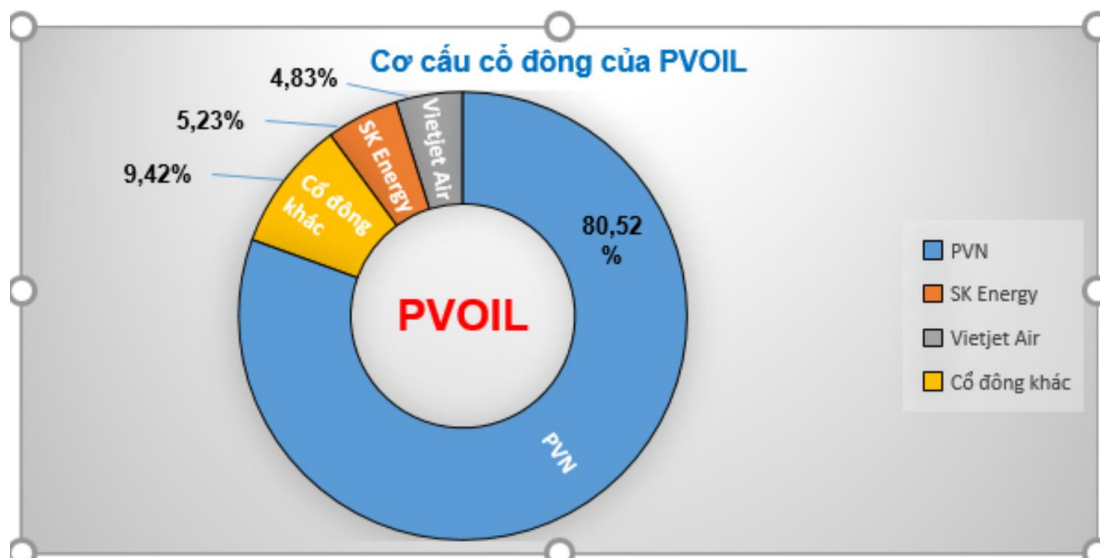
7.1. Cơ cấu cổ đông của Tổng công ty

STT	Cổ đông	Số lượng	Số CP sở hữu	Giá trị (theo mệnh giá) (đồng)	Tỷ lệ %/VDL
I	Cổ đông trong nước				
	Tổ chức	11	884.811.364	8.848.113.640.000	85,55%
	Cá nhân	16.847	86.846.901	868.469.010.000	8,39%
II	Cổ đông nước ngoài				
	Tổ chức	5	57.715.207	577.152.070.000	5,58%
	Cá nhân	69	4.856.028	48.560.280.000	0,48%
III	Cổ phiếu quỹ	0	0	0	0%
Tổng cộng		16.932	1.034.229.500	10.342.295.000.000	100%

Nguồn: Danh sách cổ đông chốt tại ngày 30/3/2022

Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% vốn cổ phần của Tổng công ty đến 31/12/2021:

STT	Cổ đông	Số lượng	Số CP sở hữu	Giá trị (theo mệnh giá) (đồng)	Tỷ lệ %/VDL
1	Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	01	832.803.564	8.328.035.640.000	80,52%
2	SK Energy Co.Ltd.	01	54.121.507	541.215.070.000	5,23%



7.2. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: không có

7.3. Giao dịch cổ phiếu quỹ: không có

7.4. Các chứng khoán khác: không có

PHẦN IV

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

1. Đánh giá kết quả hoạt động SKXD của Tổng công ty

Trải qua một năm thị trường xăng dầu nhiều biến động và đại dịch Covid-19 đã ảnh hưởng đến mọi mặt đời sống xã hội, nhờ các giải pháp ứng phó linh hoạt và hiệu quả, Tổng công ty Dầu Việt Nam đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ kế hoạch được ĐHĐCĐ giao phó với các dấu ấn sau đây:

- ✓ **Hoàn thành và hoàn thành vượt mức hầu hết các chỉ tiêu kế hoạch chủ yếu, đặc biệt chỉ tiêu lợi nhuận có mức tăng trưởng vượt bậc.**
- ✓ **Ủy thác XNK dầu thô:** Xuất bán an toàn và hiệu quả toàn bộ lượng dầu thô Việt Nam; cung cấp đầy đủ, kịp thời dầu thô cho vận hành NMLD Dung Quất.
- ✓ **Sản xuất pha chế xăng dầu:** đảm bảo tuyệt đối nguồn cung xăng E5 Ron 92 đáp ứng nhu cầu thị trường với chất lượng ổn định.
- ✓ **Kinh doanh phân phối xăng dầu:** Tận dụng tốt cơ hội để gia tăng sản lượng đồng thời với việc giữ ổn định hệ thống phân phối, khách hàng truyền thống trong bối cảnh nhu cầu tiêu thụ sụt giảm mạnh vì đại dịch;
- ✓ **Công tác nâng cao chất lượng dịch vụ, năng lực quản trị, quảng bá thương hiệu** tiếp tục được chú trọng và đạt hiệu quả, giúp nâng cao vị thế và giá trị thương hiệu PVOIL, tạo nền tảng vững chắc cho các mục tiêu phát triển dài hạn.
- ✓ **Công tác tái cấu trúc, đổi mới doanh nghiệp** tiếp tục được thúc đẩy và đã đạt được kết quả đáng khích lệ.

2. Những tiến bộ đạt được trong năm

Để tồn tại và vươn lên phát triển bền vững trong một thị trường cạnh tranh khốc liệt và đầy bất ổn, nội tại doanh nghiệp còn nhiều khó khăn đòi hỏi Ban lãnh đạo PVOIL phải thực sự linh hoạt trong quản lý điều hành để có các đối sách phù hợp, đồng thời phải không ngừng tìm tòi đổi mới sáng tạo để tìm kiếm cơ hội phát triển, khẳng định vị thế. Dấu ấn của PVOIL trong những năm qua tiếp tục được phát huy hiệu quả trong năm 2021 là thành tựu trong việc đa dạng hóa, hiện đại hóa trong hoạt động kinh doanh và liên tục cải thiện vị thế, uy tín thương hiệu trên thị trường.

2.1. Ra mắt PV MART – Cửa hàng tiện ích đầu tiên

Ngày 24/10/2021, PVOIL chính thức khai trương cửa hàng tiện ích mang thương hiệu PV MART với quy mô 105 m², đặt trong khuôn viên CHXD Phù Lỗ, tại số 121 Quốc Lộ 2, xã Phù Lỗ, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội.

Đây là cửa hàng tiện ích đầu tiên của PVOIL, đánh dấu bước khởi đầu cho việc hiện thực hóa chiến lược của PVOIL – phát triển kinh doanh các dịch vụ phi xăng dầu tại CHXD.

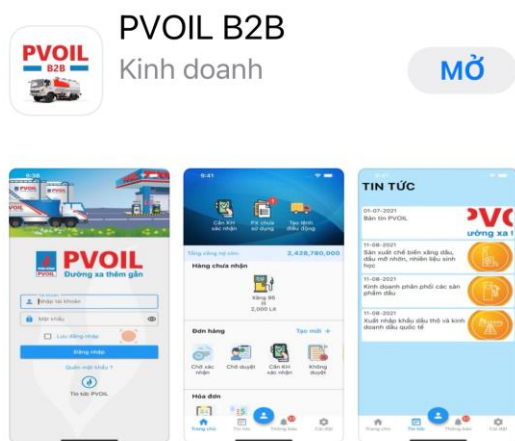


Khai trương PV MART – cửa hàng tiện ích đầu tiên trong khuôn viên CHXD

2.2. Công tác ứng dụng công nghệ 4.0 và chuyển đổi số

Tổng công ty đang tiếp tục đẩy mạnh công tác ứng dụng CNTT, tự động hóa và chuyển đổi số một cách toàn diện vào tất cả các lĩnh vực SXKD với mục tiêu chính là gia tăng hiệu quả vận hành, nâng cao trải nghiệm, làm hài lòng khách hàng và tạo được lợi thế cạnh tranh cho PVOIL trên thị trường với các hoạt động tiêu biểu trong năm như sau:

- ✓ Ra mắt phần mềm “PVOIL B2B” ứng dụng bán hàng cho khách hàng bán buôn và khách hàng công nghiệp. Dự án đã hoàn thành đưa vào vận hành chính thức toàn hệ thống từ ngày 15/10/2021. PVOIL đang tiếp tục phát triển mở rộng ứng dụng đến các khách hàng cá nhân.
- ✓ Triển khai ứng dụng chữ ký điện tử cho tất cả các đơn vị thành viên trong hệ thống, giúp đẩy nhanh tốc độ xử lý, phối hợp trao đổi công việc và tiết kiệm chi phí luân chuyển hồ sơ trong toàn hệ thống PVOIL.
- ✓ Ngoài ra PVOIL cũng đang nghiên cứu để triển khai đồng bộ hệ thống phần mềm quản lý và tự động hóa tại CHXD; đánh giá và nghiên cứu khả thi phương án triển khai hệ thống ERP giai đoạn 2021-2025.



App B2B dành cho khách hàng bán buôn vận hành từ 15/10/2022



PVOIL Easy tích hợp các hình thức thanh toán không dùng tiền mặt

2.3. Nghiên cứu xu hướng chuyển đổi năng lượng và các giải pháp ứng phó

Trước xu thế chuyển đổi năng lượng đang diễn ra mạnh mẽ và xe điện đang từng bước thay thế các phương tiện sử dụng xăng dầu trên phạm vi toàn cầu, PVOIL tiếp tục đẩy mạnh nghiên cứu và tìm giải pháp ứng phó, nhằm “giảm thiểu nguy, tận dụng cơ”. PVOIL đã ký hợp đồng với Viện Dầu khí triển khai nghiên cứu về pin và trạm sạc cho xe ô tô điện và đánh giá ảnh

hường hydro đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty. Đồng thời phối hợp với Nhà máy lọc hóa dầu Bình Sơn (BSR) và Tổng công ty Dịch vụ kỹ thuật Dầu khí (PTSC) trong phạm vi phân phối và sử dụng hydro, tạo liên kết chuỗi từ sản xuất đến phân phối tới người tiêu dùng.

2.4. Nâng tầm thương hiệu PVOIL

Với hàng loạt hoạt động quảng bá dưới nhiều hình thức kết hợp với việc liên tục cải thiện chất lượng dịch vụ khách hàng, hình ảnh thương hiệu PVOIL đã trở nên quen thuộc với người tiêu dùng cả nước, ngày càng khẳng định uy tín trên thị trường về sản phẩm và chất lượng dịch vụ. Trong năm 2021, PVOIL đã tiến hành chỉnh trang đồng bộ nhận diện thương hiệu trên toàn bộ hệ thống xe bồn của Tổng công ty, đồng thời ký hợp đồng dán poster quảng cáo dài hạn trên 114 xe với công ty Tân Hoàng Minh. Bên cạnh đó, PVOIL tiếp tục tham gia tài trợ chính cho giải đua xe địa hình VOC PVOIL Cup 2021.



Chỉnh trang nhận diện thương hiệu và quảng cáo trên xe bồn



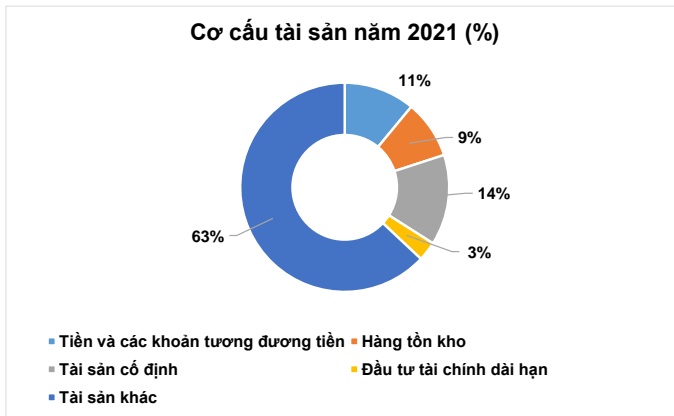
PVOIL tài trợ chính cho giải đua xe địa hình VOC 2021

3. Tình hình tài chính

3.1. Tình hình tài sản và nguồn vốn

Tình hình tài sản

Cơ cấu tài sản	Năm 2020		Năm 2021	
	Giá trị (đồng)	Tỷ trọng	Giá trị (đồng)	Tỷ trọng
Tiền và các khoản tương đương tiền	3.533.617.033.987	16%	2.990.894.028.577	11%
Hàng tồn kho	1.827.498.080.478	8%	2.578.271.658.502	9%
Tài sản cố định	3.737.198.323.785	17%	3.747.949.930.914	14%
Đầu tư tài chính dài hạn	753.953.944.811	3%	801.330.548.617	3%
Tài sản khác	12.222.696.223.590	55%	17.079.117.720.859	63%
Cộng tài sản	22.074.963.606.651	100%	27.197.563.887.469	100%



Tổng tài sản hợp nhất của PVOIL tại thời điểm 31/12/2021 là 27.198 tỷ đồng, tăng 5.123 tỷ đồng (23%) so với đầu năm 2021, bao gồm: tài sản ngắn hạn 21.550 tỷ đồng, tài sản dài hạn 5.648 tỷ đồng. Trong đó:

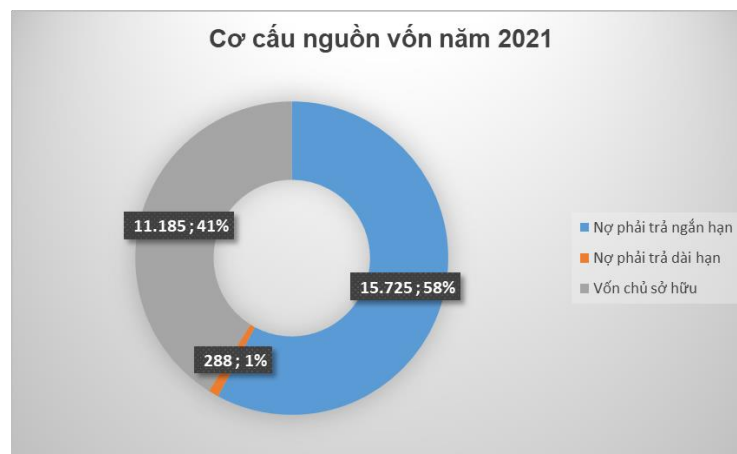
Tài sản ngắn hạn tăng 5.205 tỷ đồng, tập trung chủ yếu tại chỉ tiêu các khoản phải thu ngắn hạn, đầu tư tài chính ngắn hạn và hàng tồn kho.

Tài sản dài hạn giảm 82 tỷ đồng, tập trung ở chỉ tiêu tài sản dở dang dài hạn do kết chuyển tăng tài sản cố định khi kho Nghi Sơn đi vào hoạt động.

➤ Nguồn vốn

Cơ cấu nguồn vốn	Năm 2020		Năm 2021	
	Giá trị (đồng)	Tỷ trọng	Giá trị (đồng)	Tỷ trọng
Nợ phải trả ngắn hạn	11.228.091.311.624	51%	15.724.500.056.614	58%
Nợ phải trả dài hạn	281.017.260.111	1%	287.921.996.006	1%
Vốn chủ sở hữu	10.565.855.034.916	48%	11.185.141.834.849	41%
Cộng nguồn vốn	22.074.963.606.651	100%	27.197.563.887.469	100%

Vốn chủ sở hữu không bao gồm lợi ích cổ đông không kiểm soát của PVOIL tại thời điểm 31/12/2021 là 10.011 tỷ đồng, tăng 523 tỷ đồng so với thời điểm 01/01/2021 nhờ có lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh.



3.2. Tình hình Nợ phải trả

Tổng nợ phải trả hợp nhất thời điểm 31/12/2021 là 16.012 tỷ đồng, tăng 4.503 tỷ đồng (39%) so với thời điểm đầu năm, tập trung chủ yếu ở chỉ tiêu nợ ngắn hạn. Cụ thể:

- ✓ Phải trả người bán ngắn hạn 6.399 tỷ đồng, trong đó: Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu Bình Sơn 2.365 tỷ đồng, Chi nhánh Phân phối Sản phẩm Lọc dầu Nghi Sơn – Tập đoàn DKVN 1.806 tỷ đồng, Brunei Shell Petroleum Company Sdn Bhd 495 tỷ đồng, Premier Oil Vietnam 263 tỷ đồng, Santos Petroleum Ventures B.V 158 tỷ đồng, Tổng Công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí (PVEP) 112 tỷ đồng, các đối tượng khác 1.200 tỷ đồng.

- ✓ Phải trả ngắn hạn khác 3.918 tỷ đồng chủ yếu là các khoản thu hộ, trả hộ tiền dầu thô xuất nhập khẩu ủy thác, thuế xuất khẩu dầu thô thu hộ, trả hộ,...
- ✓ Vay và nợ ngắn hạn 4.634 tỷ đồng; Quỹ Bình ổn giá xăng dầu - 777 tỷ đồng được trích lập, sử dụng theo quy định của Bộ Tài chính tại các thời điểm khác nhau, cụ thể: Thông tư liên tịch số 39/2014/TTLT-BCT-BTC ngày 29/10/2014 và số 90/2016/TTLT-BCT-BTC ngày 24/06/2016 do liên Bộ Công thương – Tài chính ban hành.
- ✓ Các khoản phải trả khác bao gồm tiền thuế, lương và các khoản phải trả khác chưa đến hạn... tổng số 1.838 tỷ đồng.

4. Kế hoạch SXKD năm 2022

4.1. Dự báo tình hình

Đại dịch COVID-19 đã tác động mạnh mẽ và chưa từng có đến nền kinh tế toàn cầu cũng như làm sai lệch những nguyên tắc cơ bản của thị trường dầu mỏ trong những năm qua. Sự xuất hiện của biến thể Omicron đã hạ dự báo giá dầu năm 2022 xuống so với trước đó do những lo ngại về ảnh hưởng tiêu cực của đại dịch Covid-19.



Tuy nhiên, cuộc xung đột Nga-Ukraine, kéo theo các lệnh trừng phạt của Mỹ và các nước đồng minh làm rối loạn thị trường tài chính, các chuỗi cung ứng toàn cầu có nguy cơ đứt gãy và rơi vào tình trạng hỗn loạn. Giá năng lượng tăng vọt và biến động mạnh theo diễn biến của cuộc chiến, nguy cơ về một cuộc khủng hoảng năng lượng toàn diện có thể dẫn đến suy thoái kinh tế toàn cầu đang hiện hữu, tiềm ẩn nhiều rủi ro cho năm tài chính 2022.

Trong nước, cùng với sự thay đổi trong chiến lược phòng chống dịch từ “Zero Covid” sang “Thích ứng an toàn, linh hoạt và kiểm soát hiệu quả”, Chính phủ đã đẩy mạnh tiêm phủ mũi vaccine bổ sung trên toàn quốc và cấp phép sản xuất thuốc kháng virus để hỗ trợ chống dịch. Dịch bệnh đã bùng phát mạnh trên cả nước với số ca nhiễm không ngừng gia tăng nhưng mức độ sát thương đã giảm hẳn. Tuy nhiên, vẫn còn nhiều rủi ro phía trước trong việc kiểm soát dịch bệnh khi đã xuất hiện những chủng mới làm giảm đáng kể hiệu quả của vaccine cũng như hệ lụy để lại do hội chứng covid kéo dài.

Dịch bệnh và biến động giá dầu đã và sẽ tiếp tục ảnh hưởng khó lường đến hoạt động của nền kinh tế nói chung và của PVOIL nói riêng trong năm 2022. Nguồn cung từ NMLD Nghi Sơn chưa thực sự ổn định cũng đang gây khó khăn không ít cho hoạt động kinh doanh của Tổng công ty.

Trong bối cảnh nhiều khó khăn và rủi ro tiềm ẩn, thị trường KDXD trong nước cũng có một số thuận lợi nhất định. Kể từ đầu năm 2022, Nghị định 95/2021/NĐ-CP đã có hiệu lực thi hành, sửa đổi, bổ sung Nghị định 83/2014/NĐ-CP theo hướng tiêm cận hơn với thị trường, giảm rủi ro cho doanh nghiệp. Bên cạnh đó, nhờ nỗ lực trong việc kiểm soát thị trường của Chính phủ, thời gian qua tình trạng buôn lậu và sản xuất xăng giả đã giảm mạnh, cạnh tranh trên thị trường lành mạnh hơn, giúp cho các doanh nghiệp kinh doanh chân chính như PVOIL có cơ hội tốt để vươn lên chiếm lĩnh thị phần.

4.2. Nhiệm vụ trọng tâm

-  **Lĩnh vực Dầu thô:** đảm bảo xuất khẩu/bán toàn bộ khối lượng dầu thô/condensate khai thác được trong và ngoài nước an toàn, hiệu quả; cung cấp đầy đủ dầu thô từ nguồn trong nước cho NMLD Dung Quất.
-  **Sản xuất xăng dầu:** Sản xuất E5 RON 92, dầu mỡ nhờn thương hiệu PVOIL với mục tiêu gia tăng sản lượng đi đôi với chất lượng và hiệu quả pha chế, đảm bảo đáp ứng nhu cầu tiêu thụ của hệ thống và cung ứng cho các doanh nghiệp đầu mối khác.

- ✚ **Kinh doanh xăng dầu:** Tổ chức kinh doanh xăng dầu tuân thủ các quy định của Nhà nước, chính sách của Tổng công ty; phấn đấu gia tăng sản lượng kinh doanh trên cả 3 kênh phân phối để mở rộng thị phần, song song với đảm bảo hiệu quả kinh doanh;
- ✚ **Công tác tái cấu trúc, đổi mới doanh nghiệp:** Đẩy mạnh tái cấu trúc, sắp xếp lại hệ thống các đơn vị thành viên KDXD nhằm tối ưu hoạt động và hiệu quả doanh nghiệp; Tiếp tục hỗ trợ đảm bảo an toàn tài sản tại các nhà máy NLSH song song với việc triển khai các giải pháp tái cấu trúc; Hoàn tất quyết toán cổ phần hóa PVOIL và xúc tiến thoái vốn nhà nước ngay sau đó.
- ✚ **Công tác đầu tư phát triển hệ thống:** Tiếp tục đẩy mạnh đầu tư phát triển CHXD dưới nhiều hình thức. Xúc tiến triển khai các dịch vụ phi xăng dầu tại CHXD, hợp tác phát triển hệ thống năng lượng mặt trời, trạm sạc xe điện tại CHXD.
- ✚ **Công tác quản trị hệ thống:** Tăng cường hiệu quả công tác quản lý dòng tiền và công nợ, tiết giảm chi phí; tiếp tục nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng tại các CHXD và tổng kho xăng dầu; đẩy mạnh nghiên cứu khoa học và ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý điều hành.

4.3. Các chỉ tiêu kế hoạch chủ yếu

✚ Các chỉ tiêu sản lượng và tài chính

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	KH 2022	So với TH 2021
I	Các chỉ tiêu sản lượng			
1	Sản lượng xuất khẩu/bán dầu thô (bao gồm cung cấp cho NMLD Dung Quất)	1000 tấn	10.334	107%
2	SX xăng dầu, dầu mỡ nhờn	1000 m ³ /tấn	484	96%
3	Sản lượng kinh doanh xăng dầu	1000 m ³ /tấn	3.150	101%
	Tỷ trọng bán lẻ	%	28,9%	Tăng 3,8 điểm %
II	Các chỉ tiêu tài chính			
II.1	Hợp nhất			
1	Doanh thu	Tỷ đồng	45.000	77%
2	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	500	54%
3	Lợi nhuận sau thuế		400	52%
4	Nộp NSNN	Tỷ đồng	8.480	98%
II.2	Công ty mẹ			
1	Doanh thu	Tỷ đồng	27.000	81%
2	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	400	57%
3	Lợi nhuận sau thuế		320	56%

✚ Kế hoạch đầu tư XD CB

PVOIL tiếp tục tập trung đầu tư phát triển hệ thống CHXD bán lẻ dưới nhiều hình thức và nâng cấp, cải tạo cơ sở vật chất phục vụ kinh doanh xăng dầu trong năm 2022 với các chỉ tiêu cụ thể như sau:

TT	Hạng mục đầu tư	Số lượng	Giá trị (tỷ đồng)	So với TH 2021
1	Xây dựng mới và cải tạo kho, cảng		131	285%
2	Xây dựng mới và cải tạo CHXD (*)	50 CHXD	217	126%
3	Đầu tư, mua sắm khác		192	226%
	TỔNG CỘNG		540	178%
	Trong đó: - Công ty mẹ		295	194%
	- Công ty con		245	162%
	Đầu tư từ nguồn vốn CSH		447	160%

(*) CHXD được phát triển mới theo các hình thức: xây mới, nhận chuyển nhượng, thuê dài hạn, hợp tác kinh doanh. Giá trị đầu tư kế hoạch được ghi nhận đối với các cửa hàng đầu tư theo hình thức xây mới và nhận chuyển nhượng, đối với CHXD thuê dài hạn, hợp tác kinh doanh chi phí liên quan được tính vào chi phí SXKD.

5. Giải trình của Ban giám đốc đối với ý kiến kiểm toán

Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2021 của PVOIL do công ty TNHH Deloitte Việt Nam thực hiện kiểm toán. Theo đó, báo cáo có 03 điểm loại trừ của đơn vị kiểm toán và ý kiến giải trình của Ban Tổng giám đốc như sau:

Ý kiến của kiểm toán:

“Nhu trình bày tại Thuyết minh số 17 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, giá trị khoản đầu tư của Tổng công ty vào Công ty Cổ phần Hóa dầu và Nhiên liệu Sinh học Dầu khí (công ty liên kết của Tổng công ty) được phản ánh theo phương pháp vốn chủ sở hữu trên báo cáo tài chính hợp nhất với giá trị là 272.915.527.557 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020: 273.373.642.647 đồng). Chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán về những thay đổi trong phần vốn góp của Tổng công ty vào tài sản thuần của Công ty Cổ phần Hóa dầu và Nhiên liệu Sinh học Dầu khí sau ngày mua khoản đầu tư đến ngày 31 tháng 12 năm 2020, dẫn đến việc chúng tôi đã đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ về báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Chúng tôi cũng không thể thu thập đầy đủ các thông tin về những thay đổi trong phần vốn góp của Tổng công ty vào tài sản thuần của Công ty Cổ phần Hóa dầu và Nhiên liệu Sinh học Dầu khí sau ngày mua khoản đầu tư đến ngày 31 tháng 12 năm 2021. Do đó, chúng tôi không thể xác định được liệu có cần thiết phải điều chỉnh số liệu này trên báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng công ty hay không.”

Giải trình của PVOIL:

Khoản đầu tư tại Công ty Cổ phần Hóa dầu và Nhiên liệu Sinh học Dầu khí (PVB) là dự án Nhà máy nhiên liệu sinh học Phú Thọ, đã phát sinh từ trước khi cổ phần hóa PVOIL. Theo Thông báo số 385/TB-VPCP ngày 02 tháng 10 năm 2018 của Văn phòng Chính phủ, dự án Nhà máy nhiên liệu sinh học Phú Thọ được đề nghị xem xét phương án giải thể, phá sản theo quy định pháp luật.

PVOIL đã có văn bản trình Tập đoàn Dầu khí Việt Nam về việc triển khai phương án phá sản Công ty Cổ phần Hóa dầu và Nhiên liệu Sinh học Dầu khí; văn bản đề đề xuất được xác định lại khoản đầu tư này về mức 0 đồng khi thực hiện quyết toán cổ phần hóa (được hiểu là loại khoản đầu tư này ra khỏi công ty cổ phần). Trong quá trình thực hiện thủ tục phá sản dự án, nếu có phát sinh thu hồi từ thanh lý tài sản tại Nhà máy nhiên liệu sinh học Phú Thọ, PVOIL sẽ nộp toàn bộ về Quỹ Hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp. Vấn đề này đã được Tập

đoàn Dầu khí Việt Nam xin ý kiến xử lý của Ủy Ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp trong công văn số 3540/DKVN-HĐTV ngày 01 tháng 7 năm 2019 về sắp xếp lại, xử lý nhà đất và khó khăn vướng mắc trong quyết toán cổ phần hóa PVOIL.

Chính phủ đã đồng ý việc đưa dự án NLSH Phú Thọ ra khỏi danh sách 12 dự án chậm tiến độ, kém hiệu quả thuộc ngành Công Thương và đưa ra khỏi danh sách theo dõi, xử lý của Ban chỉ đạo xử lý các tồn tại, yếu kém của một số dự án, doanh nghiệp chậm tiến độ, kém hiệu quả thuộc ngành Công Thương theo nội dung công văn số 3554/VPCP-KTTH ngày 24/12/2020 của Văn phòng Chính phủ. Đồng thời, giao Tập đoàn DKVN chủ động quyết định và thực hiện theo thẩm quyền. Tuy nhiên, do không thể thực hiện thẩm định giá trị doanh nghiệp làm cơ sở để lập phương án thoái vốn khỏi PVB nên việc triển khai thoái vốn tại PVB không thể thực hiện được. Vì vậy, PVOIL đã có công văn số 50/DVN-KH ngày 01/3/2022 kiến nghị Tập đoàn báo cáo cấp thẩm quyền chấp thuận chuyển sang bước thực hiện phương án phá sản PVB theo đúng quy định của pháp luật.

Tại ngày phát hành báo cáo tài chính này, PVOIL vẫn chưa nhận được phản hồi từ Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, Ủy Ban Quản lý vốn Nhà nước tại doanh nghiệp và các cơ quan có thẩm quyền về việc triển khai phương án phá sản Công ty Cổ phần Hóa dầu và Nhiên liệu Sinh học Dầu khí.

Ý kiến của kiểm toán:

“Nhu trình bày tại Thuyết minh số 07 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, Tổng công ty đang ghi nhận phải thu khác từ Tập đoàn Dầu khí Việt Nam liên quan đến khoản lỗ lũy kế đến ngày 18 tháng 5 năm 2011 - là thời điểm Tổng công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư (“PETEC” - Công ty con của Tổng công ty) chính thức chuyển sang loại hình công ty cổ phần với số tiền là 169.785.513.359 đồng. Khoản phải thu này phát sinh từ việc xác định phần vốn Nhà nước tại PETEC tại ngày 18 tháng 5 năm 2011 nhưng chưa được Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phê duyệt quyết toán. Chúng tôi không thể thu thập đầy đủ thông tin về giá trị quyết toán và khoản chênh lệch (nếu có) so với giá trị ghi nhận trên khoản mục phải thu khác này tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, dẫn đến việc chúng tôi đã đưa ý kiến kiểm toán ngoại trừ về báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Chúng tôi cũng không thể thu thập đầy đủ các thông tin này tại ngày 31 tháng 12 năm 2021. Do đó, chúng tôi không thể xác định được liệu có cần thiết phải điều chỉnh số liệu này trên báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng công ty hay không”.

Giải trình của PVOIL:

Đây là khoản lỗ trong giai đoạn xác định giá trị doanh nghiệp (ngày 30/6/2010) đến thời điểm chính thức chuyển sang công ty cổ phần (ngày 18/05/2011) tại Tổng công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư (PETEC), đang chờ Tập đoàn Dầu khí Việt Nam phê duyệt giá trị phần vốn nhà nước tại thời điểm chính thức chuyển thành Công ty cổ phần của Tổng công ty PETEC.

Ý kiến của kiểm toán:

“Nhu trình bày tại Thuyết minh số 14 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, nguyên giá tài sản cố định vô hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và ngày 31 tháng 12 năm 2020 bao gồm giá trị của các lô đất của Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Sài Gòn (PVOIL Sài Gòn - Công ty con của Tổng công ty) chưa được cấp hoặc sang tên và chưa gia hạn chứng nhận quyền sử dụng đất cho PVOIL Sài Gòn với tổng số tiền là 29.702.935.030 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020: 29.702.935.030 đồng). Chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp về quyền sử dụng và thời gian sử dụng các lô đất này tại ngày 31

tháng 12 năm 2020, dẫn đến việc chúng tôi đã đưa ý kiến kiểm toán ngoại trừ về báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Chúng tôi cũng không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp về quyền sử dụng và thời gian sử dụng các lô đất này tại ngày 31 tháng 12 năm 2021. Do đó, chúng tôi không thể xác định được liệu có cần thiết phải điều chỉnh số liệu này trên báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng công ty hay không”.

Giải trình của PVOIL:

PVOIL Sài Gòn đã khắc phục tình hình hoàn thiện các thủ tục đất đai, giá trị các lô đất theo ý kiến ngoại trừ của kiểm toán từ 32.415.453.930 đồng (năm 2019) giảm còn 29.702.935.030 đồng (31/12/2021).

Đây là giá trị các lô đất do PVOIL Sài Gòn mua để đầu tư, xây dựng cửa hàng bán lẻ xăng dầu nhưng chưa hoàn thành các thủ tục chuyển nhượng sang tên PVOIL Sài Gòn hoặc chưa gia hạn thời gian thuê do các nguyên nhân sau: i) Còn mang tên Xí nghiệp XDDK Sài Gòn (là đơn vị tiền thân của PVOIL Sài Gòn) chưa hoàn thành thủ tục chuyển đổi tên; ii) Chưa hoàn thành thủ tục để chuyển đổi mục đích sử dụng đất từ đất nông nghiệp sang đất SXKD nên chưa chuyển quyền sử dụng đất sang PVOIL Sài Gòn; iii) Đã hết thời hạn thuê nhưng PVOIL Sài Gòn chưa làm xong thủ tục với địa phương để ký hợp đồng thuê đất mới.

PHẦN V

ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY

1. Đánh giá chung về các mặt hoạt động của Tổng công ty

Năm 2021, tình hình dịch bệnh Covid-19 trong nước diễn biến phức tạp, mức độ nghiêm trọng tăng dần từ sau đợt dịch thứ 4 (kể từ cuối tháng 4 năm 2021) và bùng phát mạnh trong quý 3. Dịch bệnh lây lan rộng khắp các tỉnh miền Đông và Tây Nam Bộ. Trong tình trạng độ phủ vaccine còn thấp, các tỉnh miền Nam phải thực hiện các biện pháp giãn cách xã hội tăng cường theo Chỉ thị 16 và 16+ của Chính phủ để hạn chế tình trạng lây nhiễm, dẫn đến nhu cầu tiêu thụ xăng dầu trong nước sụt giảm mạnh. Bước sang quý 4, sau khi dịch bệnh dần được kiểm soát, Chính phủ và các địa phương đã từng bước nới lỏng các biện pháp giãn cách xã hội và các hoạt động kinh tế, xã hội dần được phục hồi. Bên cạnh đó, giá xăng dầu thế giới tiếp tục diễn biến khó lường, tuy nhiên giá dầu thô trong xu hướng tăng phần nào giảm áp lực cho hoạt động kinh doanh xăng dầu. Trong bối cảnh đó, toàn hệ thống PVOIL đã tập trung, nỗ lực triển khai kế hoạch SXKD và các nhiệm vụ trọng tâm đã được ĐHĐCĐ giao; xây dựng và triển khai nhiều nhóm giải pháp ứng phó hiệu quả và kết quả đã đạt được kết quả khả quan như sau:

- ✔ **Nhiệm vụ chính - sản xuất kinh doanh:** Hoàn thành tốt hầu hết các chỉ tiêu SXKD chính theo nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên năm 2021, trong đó chỉ tiêu lợi nhuận trước thuế hợp nhất đạt 232% kế hoạch được giao; Chủ động phối hợp với các đơn vị trong ngành, nghiên cứu và xây dựng chuỗi liên kết sản xuất, chế biến, vận chuyển và phân phối sản phẩm xăng dầu nhằm tối ưu hóa hiệu quả sử dụng các nguồn lực và tận dụng thế mạnh của mỗi đơn vị; Triển khai nhiều giải pháp khả thi, hiệu quả nhằm giữ ổn định thị phần và hệ thống phân phối xăng dầu đồng thời đảm bảo tính hiệu quả và an toàn tuyệt đối trong hoạt động của toàn hệ thống.
- ✔ **Phát triển hệ thống CHXD:** Tiếp tục tập trung đẩy mạnh công tác đầu tư phát triển hệ thống bán lẻ xăng dầu phù hợp với chiến lược phát triển PVOIL; Cải thiện khả năng tiêu thụ qua kênh bán lẻ, qua đó nâng cao hiệu quả kinh doanh chung toàn hệ thống và hướng đến mục tiêu phát triển bền vững.
- ✔ **Công tác đầu tư:** Tập trung đẩy nhanh việc triển khai các dự án chuyển tiếp từ năm 2020, đảm bảo tiến độ và hiệu quả; Đầu tư phát triển CHXD trong toàn hệ thống phù hợp với chiến lược sản xuất kinh doanh của PVOIL; Tiếp tục nghiên cứu, xây dựng đề án phát triển kinh doanh nhiên liệu bay Jet A1; Tập trung xử lý dứt điểm các dự án tạm dừng triển khai từ các năm trước.
- ✔ **Công tác tái cấu trúc:** Tiếp tục thực hiện quyết liệt và có hiệu quả “Kế hoạch sắp xếp, tái cơ cấu Tổng công ty giai đoạn 2020 – 2025” bao gồm: Tái cơ cấu tổ chức Công ty mẹ - PVOIL và từng bước tổ chức, sắp xếp lại các đơn vị thành viên; Đẩy mạnh công tác thoái vốn tại các công ty ngoài ngành/không còn nhu cầu nắm giữ vốn góp; Tiếp tục bám sát các cơ quan có thẩm quyền nhằm đẩy nhanh việc quyết toán cổ phần hóa Petec, củng cố cơ sở pháp lý cho việc thực hiện thoái vốn tại doanh nghiệp này; Theo dõi chặt chẽ việc xem xét, phê duyệt quyết toán cổ phần hóa Tổng công ty, kịp thời báo cáo bổ sung các thông tin liên quan khi được các cơ quan có thẩm quyền yêu cầu.
- ✔ **Quản lý chi phí:** Tăng cường công tác quản lý chi phí, hạ giá thành/giá vốn hàng hóa để nâng cao năng lực cạnh tranh, gia tăng hiệu quả hoạt động từ PVOIL đến các đơn vị thành viên; Chú trọng việc tiết giảm chi phí trong toàn hệ thống PVOIL; Thực hiện việc kiểm toán chi phí xăng dầu theo đúng quy định của Nhà nước.
- ✔ **Quản trị tài chính và rủi ro:** Thực hiện tốt công tác quản lý tài chính, quản trị rủi ro trong toàn hệ thống; Tăng cường hiệu quả công tác cân đối vốn, quản trị dòng tiền và quản lý công nợ; Tổ chức giám sát chặt chẽ và có các giải pháp hỗ trợ các đơn vị kinh doanh

đang gặp khó khăn và/hoặc thuộc diện giám sát tài chính đặc biệt.

- ✓ Ứng dụng khoa học công nghệ: Tiếp tục thực hiện các giải pháp nâng cao năng lực quản trị trong toàn hệ thống; Triển khai ứng dụng mạnh mẽ công nghệ 4.0 để đa dạng hóa phương thức kinh doanh, tạo khả năng cạnh tranh cao; Đẩy mạnh triển khai các đề tài nghiên cứu khoa học và ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, điều hành và kiểm soát hệ thống nhằm nâng cao tính minh bạch, công khai và hiệu quả trong công tác quản trị doanh nghiệp.
- ✓ Công tác phòng chống dịch bệnh Covid-19: đã triển khai đồng bộ các giải pháp phòng chống dịch với mục tiêu “Đảm bảo sức khỏe cho người lao động; Hoạt động SXKD, đầu tư tiếp tục duy trì ổn định, an toàn; Tiêu thụ hàng hóa, sản phẩm thông suốt”; Tuân thủ chỉ đạo của Chính phủ và các cấp chính quyền địa phương trong công tác phòng, chống dịch bệnh.
- ✓ Công tác nghiên cứu khoa học và ứng phó với xu thế chuyển dịch năng lượng: Nhằm ứng phó phù hợp với xu thế chuyển dịch năng lượng và lộ trình phát triển xe điện trên thế giới cũng như tại Việt Nam, PVOIL tập trung nghiên cứu tác động của xu thế chuyển dịch năng lượng đến ngành xăng dầu và các giải pháp làm cơ sở xem xét việc điều chỉnh, bổ sung kịp thời chiến lược, kế hoạch sản xuất kinh doanh của PVOIL cho phù hợp.

2. Đánh giá về hoạt động của Ban Tổng giám đốc

- ✓ Trong bối cảnh năm 2021 hết sức khó khăn và nhiều biến động khó dự đoán do tác động của dịch bệnh Covid-19, Ban Tổng giám đốc đã hoàn thành tốt vai trò điều hành hoạt động kinh doanh của PVOIL theo đúng các mục tiêu, định hướng của ĐHĐCĐ và HĐQT. Kết quả đạt được như sau:
- ✓ Chỉ đạo thực hiện công tác phòng chống dịch Covid-19 an toàn trên toàn hệ thống Tổng công ty; Đảm bảo hoạt động SXKD được diễn ra liên tục, ổn định trên mọi lĩnh vực; Kiểm soát và hạn chế tối đa các tác động tiêu cực của dịch bệnh Covid-19 đến hoạt động của Tổng công ty; Chỉ đạo đẩy nhanh công tác tiêm vaccine phòng ngừa Covid-19 cho người lao động trong hệ thống.
- ✓ ĐHĐCĐ năm 2021 của PVOIL đã diễn ra theo đúng kế hoạch và thành công; Báo cáo thường niên năm 2020 và công tác công bố thông tin thực hiện đầy đủ, minh bạch, đúng thời gian quy định.
- ✓ Về kế hoạch SXKD năm 2021, Ban Tổng giám đốc đã triển khai đầy đủ, nghiêm túc và hoàn thành tốt các chỉ tiêu kế hoạch SXKD chính được ĐHĐCĐ và HĐQT giao, đặc biệt chỉ tiêu lợi nhuận. Bên cạnh đó, Ban Tổng giám đốc cũng đã hoàn thành nhiều nhiệm vụ trọng tâm khác được HĐQT giao như: Thực hiện tốt và có hiệu quả các chuỗi liên kết nguyên liệu – sản xuất – tồn chứa, phân phối sản phẩm dầu với các đơn vị trong ngành; Công tác đầu tư, phát triển CHXD tiếp tục được đẩy mạnh mặc dù bị ảnh hưởng bởi dịch bệnh Covid-19; Công tác kiểm soát, quản trị tài chính an toàn, hiệu quả và kiểm soát các rủi ro trong quá trình hoạt động; Công tác ứng dụng công nghệ 4.0 và chuyển đổi số tiếp tục được triển khai mạnh mẽ; Chất lượng dịch vụ tại CHXD, kho xăng dầu tiếp tục được nâng cao thông qua việc triển khai Đề án 1114, đề án 808, triển khai thí điểm các dịch vụ non-oil tại một số CHXD trong hệ thống; Công tác an ninh, an toàn, PCCN,... được đảm bảo; Các hoạt động đoàn thể, an sinh xã hội, từ thiện, được quan tâm và triển khai tích cực trong toàn hệ thống với nhiều hoạt động ý nghĩa.

Đánh giá chung: Trong quá trình điều hành hoạt động SXKD năm 2021 của PVOIL, Tổng giám đốc và Ban Điều hành đã tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật, đúng phân cấp quản lý tại Điều lệ và các quy chế quản trị nội bộ của PVOIL cũng như các nghị quyết của

ĐHĐCĐ và HĐQT; Đã có nhiều giải pháp điều hành linh hoạt, kịp thời và đạt được nhiều kết quả khả quan; Hoàn thành tốt kế hoạch SXKD và các nhiệm vụ trọng tâm đã được ĐHĐCĐ và HĐQT giao phó; Tuân thủ nghiêm túc các quy định về công bố thông tin đối với công ty đại chúng.

3. Các kế hoạch và định hướng hoạt động năm 2022

Năm 2022, kế hoạch hoạt động của HĐQT sẽ tập trung vào các vấn đề sau:

- ✔ Về hoạt động sản xuất kinh doanh: Giám sát việc tổ chức triển khai kế hoạch SXKD năm 2022 sau khi được ĐHĐCĐ và HĐQT thông qua; Thúc đẩy chủ trương mở rộng thị trường xăng dầu, nhất là tại các địa bàn còn “trống”, chưa có sự hiện diện của hệ thống xăng dầu của PVOIL; Giám sát thường xuyên việc thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch sản SXKD thông qua kết quả hoạt động SXKD hàng tháng/quý và cả năm của Tổng công ty và toàn hệ thống; Chỉ đạo các giải pháp cần thiết nhằm đảm bảo hoàn thành kế hoạch hoạt động SXKD năm 2022.
- ✔ Công tác quản trị tài chính và rủi ro: Chỉ đạo, giám sát công tác quản trị dòng tiền, đảm bảo việc huy động, quản lý, sử dụng vốn an toàn, hiệu quả; Chỉ đạo, giám sát việc quản lý, xử lý, thu hồi công nợ trong toàn hệ thống; Chỉ đạo công tác giám sát, đánh giá hiệu quả đầu tư vốn ra ngoài doanh nghiệp; Giám sát tài chính đặc biệt tại một số đơn vị thành viên theo quy định của pháp luật và các quy định quản lý nội bộ của PVOIL.
- ✔ Công tác đầu tư: Chỉ đạo, đôn đốc và giám sát việc triển khai các dự án đầu tư theo kế hoạch bao gồm cả những dự án chuyển tiếp từ năm 2021, đảm bảo tiến độ và hiệu quả; Tập trung đẩy mạnh công tác đầu tư CHXD phù hợp với chiến lược phát triển của PVOIL; Tiếp tục nhiệm vụ rà soát, sắp xếp quy hoạch hệ thống kho, cảng trong toàn hệ thống PVOIL nhằm tiết giảm chi phí vận hành, tăng cường hiệu quả sử dụng kho cảng; Tiếp tục chỉ đạo việc triển khai nghiên cứu, xây dựng đề án phát triển kinh doanh nhiên liệu bay Jet A1.
- ✔ Công tác tổ chức, lao động và tiền lương: Chỉ đạo việc rà soát, sửa đổi, bổ sung các quy định quản lý nội bộ liên quan đến công tác quản lý cán bộ, lao động và tiền lương; Chỉ đạo các vấn đề liên quan đến đổi mới cơ cấu tổ chức của PVOIL và đơn vị thành viên nhằm tinh gọn bộ máy hoạt động và nâng cao hiệu quả hoạt động của toàn hệ thống; Chỉ đạo việc xây dựng và phê duyệt định biên, kế hoạch sử dụng lao động năm 2022 của PVOIL (Công ty mẹ).
- ✔ Công tác tái cơ cấu, quyết toán cổ phần hóa: Tiếp tục chỉ đạo triển khai thực hiện kế hoạch sắp xếp, tái cơ cấu PVOIL giai đoạn 2020 – 2025; Tiếp tục chỉ đạo triển khai các phương án xử lý đối với các dự án Nhiên liệu sinh học OBF, PVB và BSR-BF; Chỉ đạo bám sát và phối hợp các cơ quan có thẩm quyền để đẩy nhanh việc quyết toán cổ phần hóa PVOIL và PETEC.
- ✔ Đổi mới doanh nghiệp: Tập trung công tác nghiên cứu, dự báo và ứng phó với xu thế chuyển dịch năng lượng đang diễn ra mạnh mẽ trên thế giới và tại Việt Nam; Chỉ đạo công tác chuyển đổi số và ứng dụng công nghệ 4.0 trong toàn hệ thống PVOIL với trọng tâm mở rộng PVOIL Easy, xây dựng ứng dụng bán hàng trên nền tảng internet (App bán hàng), hiện đại hóa/công nghệ hóa công tác quản lý hoạt động CHXD, hệ thống kho cảng; Xây dựng hệ thống ERP trong quản trị doanh nghiệp; Tăng cường sử dụng tối đa hệ thống hạ tầng công nghệ thông tin, công cụ làm việc trực tuyến; Tiếp tục chỉ đạo công tác hợp tác kinh doanh, xây dựng chuỗi liên kết giá trị với các đơn vị trong ngành; Nghiên cứu và triển khai các hình thức hợp tác, xây dựng chuỗi liên kết mới nhằm tối ưu hóa việc sử dụng các nguồn lực và thế mạnh của PVOIL.



- ✓ Công tác kiểm tra, giám sát: Tổ chức giám sát chặt chẽ hoạt động sản xuất kinh doanh của các đơn vị trong hệ thống; Tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát nhằm đảm bảo các đơn vị trong hệ thống vận hành đúng định hướng, mục tiêu đã đặt ra.
- ✓ Tiếp tục bám sát định hướng phát triển ngành xăng dầu và bối cảnh tình hình thực tế để xây dựng; sửa đổi, bổ sung kịp thời chiến lược, kế hoạch sản xuất kinh doanh của PVOIL cho phù hợp.

PHẦN VI

BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

1. Thông điệp phát triển bền vững

Trong hai thập kỷ qua, trên bình diện quốc tế, vấn đề phát triển bền vững ngày càng được đặc biệt quan tâm và trở thành yêu cầu phát triển của toàn cầu. Phát triển bền vững là xu thế chung mà toàn nhân loại đang nỗ lực hướng tới. Điều này càng được chú trọng hơn đối với một doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh xăng dầu – một sản phẩm thiết yếu nhưng lại tiềm ẩn nhiều rủi ro ô nhiễm.

Ngay từ những ngày đầu thành lập PVOIL đã kiên định mục tiêu phát triển Tổng công ty một cách bền vững, phát triển kinh doanh đi cùng với bảo vệ môi trường và làm tròn trách nhiệm với xã hội, cộng đồng. Thể hiện cụ thể qua chiến lược phát triển đối với sản phẩm, con người và thực thi trách nhiệm với cộng đồng của Tổng công ty.








Về sản phẩm, ý thức sâu sắc trách nhiệm trong việc gìn giữ bảo vệ môi trường sống, PVOIL là đơn vị tiên phong cả nước giúp Chính phủ từng bước triển khai lộ trình đưa xăng sinh học E5 ra thị trường để thay thế xăng truyền thống. Xăng sinh học E5 đã được PVOIL đưa vào kinh doanh từ 01/8/2010 và từng bước mở rộng tiêu thụ trong hệ thống phân phối của mình. Sau nhiều năm kiên trì đeo đuổi, nỗ lực tuyên truyền lợi ích của việc sử dụng loại sản phẩm “xanh” và thuyết phục người tiêu dùng bằng chính sản phẩm chất lượng của mình, xăng sinh học E5 đã được Chính phủ quyết định đưa vào kinh doanh thay thế hoàn toàn A92 kể từ ngày 01/01/2018 và được người tiêu dùng đón nhận.

Với yếu tố con người, PVOIL xác định đây vừa là mục tiêu, vừa là nguồn lực để phát triển. Vì vậy, Tổng công ty có chiến lược đào tạo và phát triển nguồn nhân lực bền vững, bao gồm kiến tạo nên môi trường văn hóa doanh nghiệp vừa có nền tảng vững chắc vừa có bản sắc riêng. Đó là môi trường rèn luyện, tôn trọng sự khác biệt để phát huy sáng tạo và luôn luôn đổi mới tư duy để nâng cao trình độ chuyên môn và kỹ năng.



Đối với cộng đồng, PVOIL xác định sự công nhận của cộng đồng chính là thước đo chuẩn xác cho sự phát triển bền vững của Tổng công ty. Vì vậy, PVOIL luôn đảm bảo hài hòa lợi ích giữa các bên liên quan, đồng thời thực thi trách nhiệm với xã hội, cộng đồng thông qua nhiều hoạt động thiết thực và bằng cả tấm lòng.

2. Nguyên tắc hoạt động của PVOIL đối với các bên liên quan

	<p>Đối với nhân viên</p> <p>Xây dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp, an toàn và thân thiện cùng với chính sách đãi ngộ tương xứng với đóng góp của người lao động. PVOIL đang nỗ lực từng bước nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và tính chuyên nghiệp của đội ngũ lao động thông qua đào tạo, giao và đánh giá công việc bằng KPI</p>
	<p>Đối với khách hàng</p> <p>PVOIL đảm bảo cung cấp sản phẩm chất lượng và dịch vụ tốt nhất cho khách hàng. PVOIL là đơn vị tiên phong trong lĩnh vực phát triển kinh doanh xăng sinh học E5 thay thế nhiên liệu hóa thạch, góp phần giảm phát thải, bảo vệ môi trường. Sản phẩm xăng dầu, dầu mỡ nhờn và nhiên liệu sinh học mà PVOIL cung ứng ra thị trường luôn đảm bảo tuyệt đối về chất lượng và đầy đủ về số lượng. Bên cạnh đó, Tổng công ty đã và sẽ tiếp tục duy trì trong toàn hệ thống các chương trình hành động thiết thực như 1114 và 808 nhằm nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng tại các kho xăng dầu và cửa hàng xăng dầu</p>
	<p>Đối với cổ đông và nhà đầu tư</p> <p>PVOIL luôn hướng tới mục tiêu tối đa hóa giá trị doanh nghiệp với các nỗ lực hoàn thành và hoàn thành vượt mức kế hoạch đề ra. Đồng thời, cung cấp đầy đủ, kịp thời, công khai minh bạch thông tin về tình hình hoạt động của Tổng công ty thông qua các buổi hội thảo, các kênh truyền thông, website và các phương tiện công bố thông tin theo quy định.</p>
	<p>Đối với đối tác kinh doanh</p> <p>Tổng công ty giữ nguyên tắc cạnh tranh lành mạnh, hợp tác cùng có lợi và đảm bảo hài hòa lợi ích cho khách hàng</p>
	<p>Đối với cộng đồng và xã hội</p> <p>Tổng công ty cam kết thực hiện trách nhiệm với cộng đồng và xã hội bằng các hoạt động thiết thực.</p>

3. Báo cáo về công tác an toàn, sức khỏe và bảo vệ môi trường (ATSKMT)

3.1. Duy trì hiệu quả Hệ thống ATSKMT

3.1.1. Bộ máy quản lý công tác ATSKMT

- ✓ Bộ máy quản lý công tác ATSKMT tại PVOIL đã được thiết lập, thường xuyên kiện toàn và tổ chức hoạt động đồng bộ, nhịp nhàng, chặt chẽ từ Tổng công ty đến các Đơn vị trực thuộc và các Đơn vị thành viên trong toàn hệ thống, từ các cấp lãnh đạo cao nhất đến chuyên viên chuyên trách/bán chuyên trách.
- ✓ Xây dựng đội ngũ An toàn vệ sinh viên trong toàn Tổng công ty nhằm hỗ trợ trong công tác đảm bảo ATSKMT trong các hoạt động SXKD.

3.1.2. Duy trì, cải tiến hệ thống quản lý ATSKMT

- ✓ Hệ thống quản lý chất lượng tích hợp (HTQLTH) của PVOIL đã triển khai xây dựng, duy trì và tuân thủ từ năm 2012 trong toàn hệ thống và đã được Viện tiêu chuẩn Anh BSI đánh giá và cấp chứng Hệ thống quản lý An toàn - Môi trường - Chất lượng theo yêu cầu của Tiêu chuẩn quốc tế về Hệ thống quản lý an toàn sức khỏe nghề nghiệp ISO 45001:2018, Hệ thống quản lý môi trường ISO 14001:2015 và Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2015. Hệ thống đã được cập nhật, sửa đổi và ban hành mới sau khi PVOIL chính thức chuyển sang hoạt động dưới mô hình công ty cổ phần phù hợp với yêu cầu của tiêu chuẩn ISO phiên bản mới
- ✓ Việc triển khai các đề án 1114 “Nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng tại CHXD” và đề án 808 “Nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng tại Kho xăng dầu” đã đóng góp tích cực trong việc đảm bảo tuân thủ quy trình nghiệp vụ, thành thạo các quy tắc về an toàn PCCC, an toàn vận hành, sử dụng thành thạo trang thiết bị PCCC và xử lý sự cố tại CHXD và các kho trong toàn hệ thống.
- ✓ Việc duy trì tuân thủ và cải tiến HTQLTH được PVOIL thực hiện nghiêm túc, thông qua:
 - ✓ Công tác kiểm tra, đánh giá nội bộ của Tổng công ty về ATSKMT được duy trì thực hiện hàng năm.
 - ✓ Công tác kiểm tra, đánh giá định kỳ hàng tháng đối với Đề án 1114 “Nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng tại CHXD” và Đề án 808 “Nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng tại Kho xăng dầu” với 04 lượt cho tất cả các kho và CHXD trong hệ thống;
 - ✓ Hoạt động đánh giá giám sát định kỳ HTQLTH của Viện Tiêu chuẩn Anh (BSI): Các phát hiện sự không phù hợp và khuyến nghị cải tiến của BSI đều được theo dõi, lập kế hoạch và triển khai khắc phục, phòng ngừa, cải tiến theo Quy trình khắc phục sự không phù hợp.
 - ✓ Đào tạo cho CBCNV về các nội dung liên quan. Trong năm 2021, PVOIL đã đào tạo cho các CBCNV làm việc trực tiếp tại các cửa hàng xăng dầu chuyên đề “Kiến thức an ninh, an toàn và tự vệ tại CHXD” và khóa “Nhận diện, đánh giá chuyên sâu về những mối nguy tràn dầu và xử lý sự cố tràn dầu trong vận hành hệ thống kho xăng dầu của PVOIL”.

3.2. Công tác An toàn - An ninh, PCCC, ứng cứu tình huống khẩn cấp

Trong năm 2021 tình hình dịch bệnh diễn ra nguy hiểm nhưng PVOIL cũng đã triển khai ngay từ 6 tháng đầu năm các biện pháp từ phòng ngừa đến sẵn sàng ứng cứu sự cố để đảm bảo an toàn, PCCN trong toàn hệ thống với các hoạt động tiêu biểu sau:

- ✓ Tất cả các kho, CHXD trong hệ thống PVOIL định kỳ tổ chức diễn tập phương án PCCC, ứng phó sự cố môi trường và cứu nạn thoát hiểm với sự tham gia của lực lượng chức năng địa phương nhằm nâng cao tính sẵn sàng ứng cứu của lực lượng ứng cứu tại chỗ và ý thức an toàn của CBCNV;
- ✓ Bên cạnh các khóa đào tạo trực tiếp, trong bối cảnh dịch bệnh lan rộng, Tổng công ty đã kết hợp tổ chức các khóa đào tạo trực tuyến về ATSKMT theo quy định pháp luật; triển khai “Đánh giá an toàn kho cảng” theo thông lệ quốc tế, đào tạo “phối hợp chữa cháy giữa tàu và bờ”, an toàn vệ sinh lao động, diễn tập, thực tập PCCC định kỳ;
- ✓ Đối với công tác Phòng chống lụt bão, thiên tai, PVOIL thường xuyên theo dõi và cảnh báo kịp thời về các tình huống thiên tai, bão lụt nhằm đảm bảo an toàn cho người lao động làm việc tại các Kho/cảng và giảm thiệt hại về tài sản; Ban chỉ đạo Văn phòng tình huống khẩn cấp thực hiện trực điện thoại 24/24 trong các dịp Lễ, Tết hoặc các thời điểm có bão,

lũ... nhằm kịp thời chỉ đạo, xử lý các tình huống khẩn cấp; Tổ chức lực lượng trực ứng cứu tràn dầu trong quá trình xuất nhập hàng hóa tại tất cả các kho trong hệ thống.

- ✓ Bên cạnh đó, PVOIL duy trì kiểm tra định kỳ và đột xuất công tác an toàn PCCC tại các kho, CHXD thông qua hệ thống camera, đảm bảo công tác PCCC được thực hiện nghiêm túc, các trang thiết bị PCCC luôn trong tình trạng sẵn sàng.

3.3. Chăm sóc sức khỏe người lao động

- ✓ Trong bối cảnh đại dịch bùng phát nghiêm trọng, để bảo vệ cho người lao động làm việc trong môi trường thường xuyên phải tiếp xúc nhiều khách hàng, nguy cơ lây nhiễm cao, PVOIL đã phối hợp với chính quyền các địa phương triển khai tiêm phòng sớm nhất cho toàn bộ người lao động, đồng thời trang bị đầy đủ bảo hộ chống dịch như: nước rửa tay, kính chống giọt bắn, khẩu trang...



Tiêm phòng mũi 1 cho người lao động tại thành phố Hồ Chí Minh (tháng 6/2021)

- ✓ Thực hiện đo kiểm tra môi trường lao động định kỳ và công tác bảo hộ lao động hiệu quả, nhằm đảm bảo sức khỏe cho người lao động và ngăn ngừa bệnh nghề nghiệp.
- ✓ Tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho toàn bộ CBCNV; thực hiện khám bệnh nghề nghiệp cho người lao động trực tiếp, và khám chuyên sâu đối với một số trường hợp có nghi ngờ về mắc bệnh nghề nghiệp.
- ✓ Tổng công ty cũng thực hiện chế độ bồi dưỡng bằng hiện vật cho người lao động làm việc tại Kho cảng/CHXD.
- ✓ Tổ chức và cung cấp các bữa ăn trưa đảm bảo dinh dưỡng và vệ sinh an toàn thực phẩm bằng cách kiểm soát chặt chẽ nguồn gốc thực phẩm sử dụng cho CBCNV; Tổ chức bữa ăn và nơi ở đảm bảo cho người lao động làm việc 3 tại chỗ tại các kho xăng dầu và CHXD trong giai đoạn dịch bệnh bùng phát mạnh đảm tại nhiều địa phương; Nhờ vậy mà người lao động yên tâm công tác và toàn hệ thống PVOIL đã duy trì liên tục hoạt động sản xuất kinh doanh an toàn trong suốt mùa dịch.
- ✓ Ngoài ra, để giúp người lao động được đảm bảo về tài chính trong trường hợp phải khám chữa bệnh và nằm viện, PVOIL nhiều năm qua đã áp dụng chính sách mua bảo hiểm PVI Care cho CBCNV của mình.

3.4. Công tác bảo vệ môi trường và kiểm soát chất thải

- ✓ PVOIL thường xuyên theo dõi, cập nhật triển khai các văn bản pháp luật mới ban hành. Tổng công ty đã phổ biến và triển khai trong toàn hệ thống Luật Bảo vệ môi trường 2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành.

- ✓ Định kỳ giám sát chất lượng môi trường, diễn tập ứng phó sự cố tràn dầu, quản lý chất thải nguy hại, vận hành hiệu quả hệ thống xử lý nước thải. Kết quả giám sát môi trường tại các đơn vị thành viên trong năm 2021 đều đạt tiêu chuẩn theo quy định hiện hành.
- ✓ Hệ thống xử lý nước thải tại các kho của PVOIL được đầu tư, và nâng cấp và thường xuyên bảo trì, bảo dưỡng.
- ✓ Thực hiện nghiêm túc việc phân loại chất thải, trang bị các thùng chứa/nhà chứa chất thải nguy hại để thu gom, lưu giữ một cách an toàn. Việc xử lý chất thải thông thường và chất thải nguy hại được giao cho các đơn vị có chức năng thực hiện theo đúng quy định. Năm 2021, các đơn vị trong hệ thống PVOIL đã thu gom và chuyển giao cho Đơn vị có chức năng xử lý khoảng 118 tấn khối lượng chất thải nguy hại và 700 tấn chất thải thông thường.

3.5. Xây dựng văn hóa an toàn sức khỏe, môi trường

Cùng với việc sử dụng công nghệ, PVOIL còn quan tâm đến việc tuyên truyền nâng cao ý thức bảo vệ môi trường cho CBCNV thông qua việc tổ chức các hoạt động thiết thực như:

- ✓ Duy trì việc tuyên truyền định kỳ tháng hành động vì an toàn vệ sinh lao động, ngày môi trường thế giới, giờ trái đất, ngày toàn dân phòng cháy chữa cháy... Giúp nâng cao nhận thức của cán bộ công nhân viên về tuân thủ yêu cầu Pháp luật về an toàn – phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường và sức khỏe người lao động.
- ✓ Trong năm 2021 do dịch bệnh Covid-19 nên các hội thi tay nghề và an toàn của Tổng công ty và Tập đoàn Dầu khí Việt Nam đã không thể tổ chức định kỳ hàng năm theo kế hoạch.

3.6. Các chỉ số an toàn sức khỏe và nghề nghiệp

Tỷ lệ chấn thương, bệnh nghề nghiệp, ngày nghỉ ốm, sự vắng mặt và số trường hợp tử vong có liên quan đến làm việc theo từng khu vực của Tổng công ty trong năm 2021 được thống kê như sau:

STT	Các chỉ tiêu	ĐVT	Số liệu
1	Tai nạn lao động		0
	- Tổng số vụ tai nạn lao động	Vụ	0
	- Tổng số người bị tai nạn lao động	Người	0
	- Tổng chi phí cho tai nạn lao động (cấp cứu, điều trị, trả lương trong ngày nghỉ, bồi thường, trợ cấp ...)	Triệu đồng	0
	- Thiệt hại về tài sản (tính bằng tiền)	Triệu đồng	0
	- Số ngày công nghỉ vì tai nạn lao động	Ngày	0
2	Bệnh nghề nghiệp		0
	- Tổng số người bị bệnh nghề nghiệp cộng dồn tại thời điểm báo cáo	Người	0
	- Số ngày công nghỉ vì bệnh nghề nghiệp	Ngày	0
	- Số người phải nghỉ trước tuổi hưu vì bệnh nghề nghiệp	Người	
	- Tổng chi phí cho người bị bệnh nghề nghiệp phát sinh trong năm (Các khoản chi không tính trong kế hoạch an toàn - vệ sinh lao động như: điều trị, trả tiền lương trong ngày nghỉ, bồi thường, trợ cấp,...)	Triệu đồng	0
3	Kết quả phân loại sức khỏe của người lao động		
	+ Loại I	Người	349
	+ Loại II	Người	1.376

STT	Các chỉ tiêu	ĐVT	Số liệu
	+ Loại III	Người	3.847
	+ Loại IV	Người	12
	+ Loại V	Người	4
4	Số ngày nghỉ ốm	Ngày	0

3.7. Nhiệm vụ chính công tác ATSKMT 2021

Những thành tích đạt được trong năm 2021 đã khẳng định những nỗ lực không ngừng của Ban lãnh đạo và tập thể cán bộ công nhân viên Tổng công ty trong công tác đảm bảo ATSKMT, củng cố thương hiệu và hình ảnh của PVOIL vì một tương lai an toàn và phát triển bền vững. Để tiếp tục phát huy thành tích đó PVOIL đã xây dựng một số nhiệm vụ chính trong năm 2021 như sau:

- ✓ Đảm bảo hiệu quả trong hoạt động sản xuất và kinh doanh của PVOIL an toàn, chất lượng và tuân thủ đầy đủ các quy định pháp luật về Chất lượng - ATSKMT.
- ✓ Duy trì cập nhật và đánh giá chứng nhận thành công Hệ thống quản lý theo phiên bản mới ISO 9001:2015 và ISO 14001:2015 và ISO 45001:2018.
- ✓ Tăng cường đào tạo và tập huấn để bổ sung kiến thức về an toàn ATVSLĐ nhằm đáp ứng yêu cầu Pháp luật và nâng cao trình độ tay nghề cho người lao động.
- ✓ Không để xảy ra tai nạn lao động nặng trở lên tại các Đơn vị trong toàn Hệ thống.
- ✓ Không để xảy ra sự cố môi trường bị cơ quan chức năng xử phạt và đảm bảo tuân thủ đầy đủ yêu cầu pháp luật về bảo vệ môi trường.
- ✓ Tiếp tục cải thiện điều kiện lao động, phòng ngừa tai nạn lao động và bệnh nghề nghiệp cho CBCNV trong toàn Tổng công ty.
- ✓ Củng cố lực lượng Ứng cứu khẩn cấp, nâng cao tính sẵn sàng ứng phó sự cố bão lũ nhằm ngăn ngừa, giảm thiểu thiệt hại về người và tài sản trong các cơn bão.

4. Tuân thủ về môi trường

Ý thức được hoạt động kinh doanh xăng dầu tiềm ẩn nhiều rủi ro cho môi trường, Tổng công ty đã tuân thủ chặt chẽ các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường, đồng thời triển khai đồng bộ các giải pháp để phòng ngừa và hạn chế rủi ro như:

- ✓ Trang bị đầy đủ thiết bị, bố trí nhân lực đủ năng lực, các hệ thống xử lý môi trường được vận hành, bảo trì, bảo dưỡng theo đúng quy định
- ✓ Tổ chức lực lượng quản lý công tác an toàn, sức khỏe, môi trường và ứng cứu sự cố khẩn cấp tại tất cả các đơn vị trong hệ thống;
- ✓ Xây dựng phương án ứng cứu sự cố tràn dầu và thuê lực lượng ứng cứu chuyên nghiệp tại các kho cảng xăng dầu;
- ✓ Các kho xăng dầu và cửa hàng xăng dầu đều đảm bảo được cơ quan chuyên ngành cấp các giấy phép về an toàn, bảo vệ môi trường (Báo cáo Đánh giá tác động môi trường, cam kết bảo vệ môi trường, giấy phép xả nước thải vào nguồn nước...) trước khi đi vào hoạt động.
- ✓ Duy trì hiệu quả hệ thống quản lý tích hợp về ATSKMT theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015, ISO 14001:2015 và ISO 45001:2018.

5. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường

5.1. Tác động lên môi trường:

- ❖ Tổng phát thải khí nhà kính (GHG) trực tiếp và gián tiếp: 10,47 tấn CO₂.
- ❖ Các sáng kiến và biện pháp giảm thiểu phát thải khí nhà kính của PVOIL:
 - ✓ Lắp đặt mái phao tại các bồn kho xăng dầu;
 - ✓ Thực hiện nghiêm túc việc nhập kín tại các CHXD;
 - ✓ Sử dụng điện năng lượng mặt trời đối với hệ thống đèn doc cầu cảng, khuôn viên kho xăng dầu

5.2. Quản lý nguồn nguyên vật liệu

- ❖ Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm, dịch vụ chính của PVOIL trong năm:
 - ✓ Condensate: 74.000 m³
 - ✓ Dầu gốc sản xuất dầu nhớt: 3.680 tấn
 - ✓ Phụ gia sản xuất dầu nhớt: 320 tấn
 - ✓ Bao bì đóng gói sản phẩm dầu nhớt: 230 tấn
 - ✓ Nước khoáng: 20.891 m³
- ❖ Báo cáo tỷ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức: Không áp dụng

5.3. Tiêu thụ năng lượng

- ❖ Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp: 10.727.157 kw, giảm 1,4 % so với năm 2020
- ❖ Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng và thống kê năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả: chưa thực hiện

5.4. Tiêu thụ nước

- ❖ Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng: Nguồn cung cấp từ nước thủy cục hoặc giếng khoan.
- ❖ Lượng nước sử dụng trong năm 2021 là 271.098 m³, tăng 4,1% so với năm 2020
- ❖ Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng: nước thải tại các kho xăng dầu và CHXD của Tổng công ty phần lớn là nước thải nguy hại (nhiễm dầu), đều đã được xử lý để đảm bảo tiêu chuẩn xả thải ra môi trường. Tuy nhiên, Tổng công ty chưa thực hiện tái chế và tái sử dụng lượng nước thải nêu trên.

5.5. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

- ❖ Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không
- ❖ Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không

6. Báo cáo các vấn đề về xã hội

6.1. Việc làm



Tổng số CBNV PVOIL tính đến ngày 31/12/2021
5.699 người



Thu nhập bình quân tháng của Người lao động
14,68 triệu đồng



Các khoản phúc lợi

- ✓ Thăm quan, nghỉ mát
- ✓ Tổ chức ăn ca, sinh nhật
- ✓ Văn hóa, văn nghệ, thể thao...



Không phân biệt đối xử

PVOIL cam kết không phân biệt đối xử trên cơ sở chủng tộc, màu da, giới tính, tôn giáo, quan điểm chính trị, nguồn gốc quốc gia hoặc xuất thân xã hội. Trong năm 2021 không có vụ việc phân biệt đối xử xảy ra tại PVOIL



Không sử dụng lao động trẻ em và lao động cưỡng bức

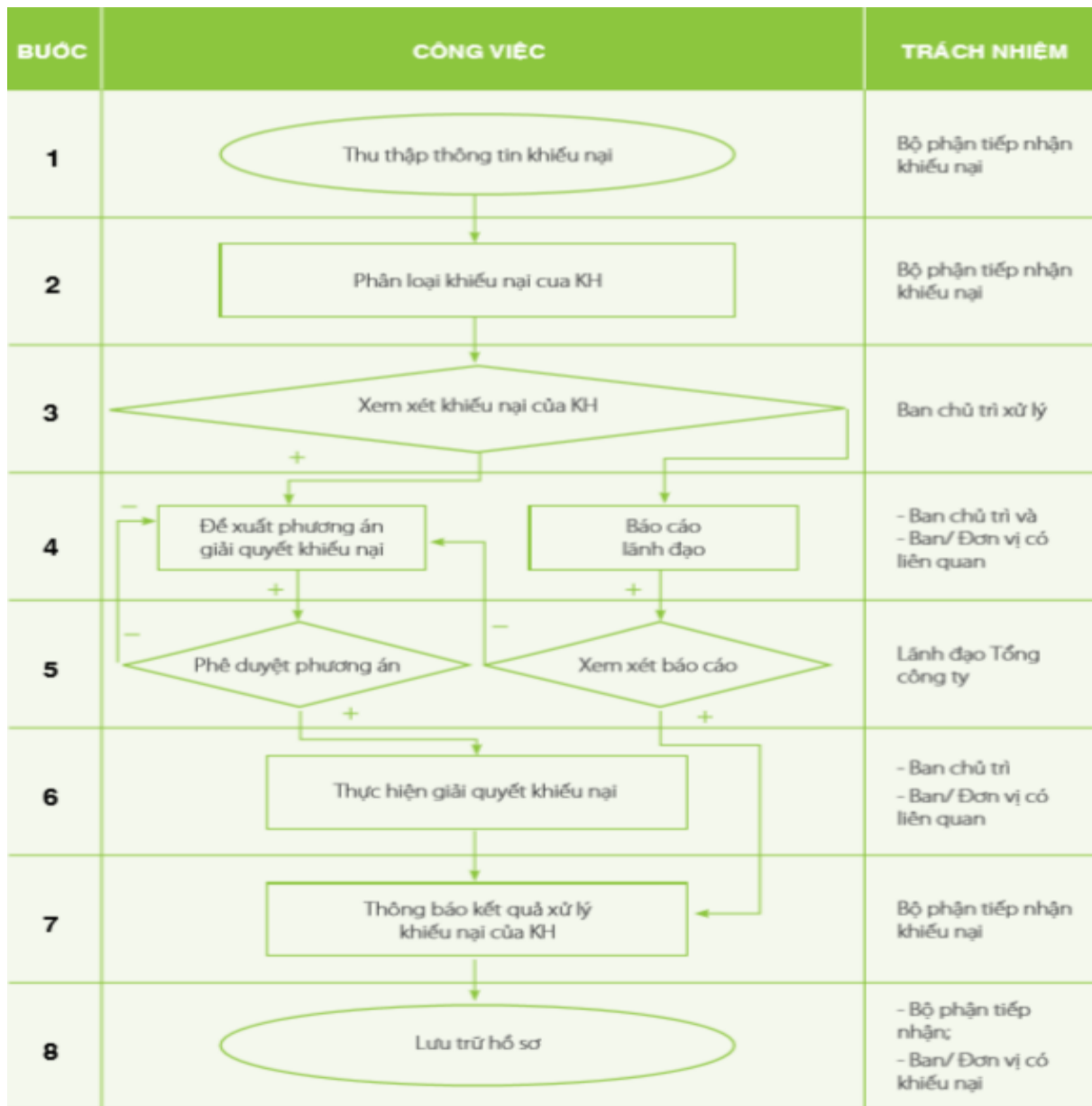
PVOIL cam kết không sử dụng lao động trẻ em và lao động cưỡng bức, sử dụng đúng theo độ tuổi pháp luật quy định

6.2. Trách nhiệm sản phẩm, dịch vụ

PVOIL cung cấp đầy đủ thông tin về sản phẩm, dịch vụ cho khách hàng, người tiêu dùng biết thông qua các kênh thông tin như: Website, Facebook, pano quảng cáo, PVOIL cũng thực hiện giới thiệu dịch vụ mới qua báo chí và các cuộc hội thảo.


Bên cạnh đó PVOIL cũng duy trì các đường dây nóng để tiếp nhận thông tin phản hồi của khách hàng tại tất cả các CHXD và Kho xăng dầu trong toàn hệ thống.


QUY TRÌNH XỬ LÝ KHIẾU NẠI




Khách hàng có thể góp ý, khiếu nại thông qua các hình thức sau:


 Gửi thư tới địa chỉ: **Tổng công ty Dầu Việt Nam - Tầng 14-18 Toà nhà PetroVietnam, số 1-5 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh**

 Gửi email tới địa chỉ: **contact@pvoil.com.vn**


 Gọi điện tới số: **(84.28) 39119333**

 Phản ánh, khiếu nại của khách hàng đối với các kho xăng dầu:

 **0988.43.17.17**: tiếp nhận thông tin phản ánh/ khiếu nại của khách hàng tại các kho xăng dầu từ khu vực Thừa Thiên Huế (kho Chân Mây) trở ra phía Bắc.

 **0988.21.17.17**: tiếp nhận thông tin phản ánh/ khiếu nại của khách hàng tại các kho xăng dầu từ khu vực Đà Nẵng (kho Liên Chiểu) trở vào phía Nam.

 **08.96618800** Hỗ trợ PVOIL Easy trên toàn quốc.

 Phản ánh, khiếu nại của khách hàng đối với CHXD: theo số hotline niêm yết tại cửa hàng.

6.3. Trách nhiệm đối với cộng đồng

Nhận thức đầy đủ trách nhiệm đối với cộng đồng và mong muốn góp phần xây dựng xã hội ngày một tốt đẹp, nhân ái hơn, trong năm 2021 bên cạnh các chương trình xã hội từ thiện mang tính truyền thống từ nhiều năm qua, PVOIL đã đẩy mạnh các hoạt động ý nghĩa thiết thực nhằm chung tay chia sẻ với cộng đồng khi đại dịch Covid-19 bùng phát. Tổng chi phí ủng hộ cho công tác thiện nguyện trong năm đạt trên **26 tỷ đồng** với các hoạt động cụ thể sau:

❖ Hỗ trợ phòng chống dịch Covid-19: 15,3 tỷ đồng

- ✔ Ủng hộ Quỹ vắc xin của Chính phủ và một số địa phương: 6 tỷ đồng.
- ✔ Ủng hộ Bệnh viện/Bệnh viện Dã chiến, Đội thiện nguyện, UBMTTQ TP.HCM; Tài trợ xe cứu thương, trang thiết bị y tế, xăng dầu, nước uống, vật phẩm, nhu yếu phẩm... tại Thành phố Hồ Chí Minh, Bắc Giang, Bắc Ninh, Thanh Hóa, Hưng Yên, tổ chức Bếp ăn 0 đồng, nấu cơm hỗ trợ các y bác sĩ ở tuyến đầu... và chi phí hỗ trợ chống dịch khác: 9,3 tỷ đồng.



Trao tặng xe cứu thương cho Huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên



Hỗ trợ xăng dầu nhớt miễn phí cho đội xe cứu thương thiện nguyện Nhất Tâm

❖ Tài trợ xây dựng cơ sở vật chất cho các địa phương khó khăn: 10,6 tỷ đồng

- ✔ Hỗ trợ xây dựng Trường THCS Việt Hùng, Trục Ninh, Nam Định: 4 tỷ đồng;
- ✔ Ủng hộ xây trường THCS xã Bình Minh, Khoái Châu, Hưng Yên: 5 tỷ đồng;
- ✔ Hỗ trợ cải tạo, nâng cấp đường thôn Phù Cầu, xã Yên Phương, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định: 996 triệu đồng.



Những suất ăn đậm nghĩa tình gửi các y bác sĩ các bệnh viện dã chiến tại Tp.HCM



Sản phẩm mang thương hiệu PVOIL hỗ trợ chống dịch

❖ **Các hoạt động từ thiện, hỗ trợ khác: 837 triệu đồng**

- ✔️ Phụng dưỡng Mẹ Việt Nam Anh Hùng và Mẹ của Liệt sỹ tại huyện Củ Chi: 600 triệu đồng.
- ✔️ Thăm hỏi tặng quà Tết, quà nhân dịp 27/7 cho Mẹ Việt Nam Anh Hùng và Mẹ, Vợ của các Liệt sỹ tại huyện Củ Chi, các cháu các cháu mồ côi do ảnh hưởng Covid-19 tại huyện Nhà Bè, hỗ trợ Trung tâm nuôi dưỡng trẻ mồ côi Thiên Phước: 237 triệu đồng.

XÁC NHẬN CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
TỔNG GIÁM ĐỐC



ĐOÀN VĂN NHUỘM



PHẦN VII - BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NĂM 2021

TỔNG CÔNG TY DẦU VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	57 - 58
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	59 - 61
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	62 - 65
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	66
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	67 - 68
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	69 - 117

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Dầu Việt Nam - Công ty Cổ phần (gọi tắt là “Tổng Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã điều hành Tổng Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Cao Hoài Dương	Chủ tịch
Ông Đoàn Văn Nhuộm	Thành viên (bổ nhiệm ngày 26 tháng 01 năm 2021)
Ông Nguyễn Mậu Dũng	Thành viên (bổ nhiệm ngày 26 tháng 01 năm 2021)
Ông Lê Văn Nghĩa	Thành viên
Ông Hạng Anh Minh	Thành viên
Ông Lê Ngọc Quang	Thành viên
Ông Trần Hoài Nam	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Đoàn Văn Nhuộm	Tổng Giám đốc
Ông Cao Hoài Dương	Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 23 tháng 9 năm 2020)
Ông Lê Xuân Trình	Phó Tổng Giám đốc
Ông Võ Khánh Hưng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Vũ Hoài Lam	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Tuấn Tú	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Anh Toàn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Đăng Trình	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày

báo cáo tài chính hợp nhất. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Đoàn Văn Nhuộm
Tổng Giám đốc

Ngày 16 tháng 3 năm 2022

Số: 0960 /VN1A-HN-BC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Tổng Công ty Dầu Việt Nam - Công ty Cổ phần

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Tổng Công ty Dầu Việt Nam - Công ty Cổ phần (gọi tắt là "Tổng Công ty"), được lập ngày 16 tháng 3 năm 2022, từ trang 6 đến trang 57 bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Như trình bày tại Thuyết minh số 07 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, Tổng Công ty đang ghi nhận phải thu khác từ Tập đoàn Dầu khí Việt Nam liên quan đến khoản lỗ lũy kế đến ngày 18 tháng 5 năm 2011 - là thời điểm Tổng Công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư (“PETEC” - Công ty con của Tổng Công ty) chính thức chuyển sang loại hình công ty cổ phần với số tiền là 169.785.513.359 đồng. Khoản phải thu này phát sinh từ việc xác định phần vốn Nhà nước tại PETEC tại ngày 18 tháng 5 năm 2011 nhưng chưa được Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phê duyệt quyết toán. Chúng tôi không thể thu thập đầy đủ thông tin về giá trị quyết toán và khoản chênh lệch (nếu có) so với giá trị ghi nhận trên khoản mục phải thu khác này tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, dẫn đến việc chúng tôi đã đưa ý kiến kiểm toán ngoại trừ về báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Chúng tôi cũng không thể thu thập đầy đủ các thông tin này tại ngày 31 tháng 12 năm 2021. Do đó, chúng tôi không thể xác định được liệu có cần thiết phải điều chỉnh số liệu này trên báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty hay không.

Như trình bày tại Thuyết minh số 14 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, nguyên giá tài sản cố định vô hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và ngày 31 tháng 12 năm 2020 bao gồm giá trị của các lô đất của Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Sài Gòn (PVOIL Sài Gòn - Công ty con của Tổng Công ty) chưa được cấp hoặc sang tên và chưa gia hạn chứng nhận quyền sử dụng đất cho PVOIL Sài Gòn với tổng số tiền là 29.702.935.030 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020: 29.702.935.030 đồng). Chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp về quyền sử dụng và thời gian sử dụng các lô đất này tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, dẫn đến việc chúng tôi đã đưa ý kiến kiểm toán ngoại trừ về báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Chúng tôi cũng không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp về quyền sử dụng và thời gian sử dụng các lô đất này tại ngày 31 tháng 12 năm 2021. Do đó, chúng tôi không thể xác định được liệu có cần thiết phải điều chỉnh số liệu này trên báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty hay không.

Như trình bày tại Thuyết minh số 17 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, giá trị khoản đầu tư của Tổng Công ty vào Công ty Cổ phần Hóa dầu và Nhiên liệu Sinh học Dầu khí (công ty liên kết của Tổng Công ty) được phản ánh theo phương pháp vốn chủ sở hữu trên báo cáo tài chính hợp nhất với giá trị là 272.915.527.557 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020: 273.373.642.647 đồng). Chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán về những thay đổi trong phần vốn góp của Tổng Công ty vào tài sản thuần của Công ty Cổ phần Hóa dầu và Nhiên liệu Sinh học Dầu khí sau ngày mua khoản đầu tư đến ngày 31 tháng 12 năm 2020, dẫn đến việc chúng tôi đã đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ về báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Chúng tôi cũng không thể thu thập đầy đủ các thông tin về những thay đổi trong phần vốn góp của Tổng Công ty vào tài sản thuần của Công ty Cổ phần Hóa dầu và Nhiên liệu Sinh học Dầu khí sau ngày mua khoản đầu tư đến ngày 31 tháng 12 năm 2021. Do đó, chúng tôi không thể xác định được liệu có cần thiết phải điều chỉnh số liệu này trên báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty hay không.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		21.549.982.060.668	16.345.161.515.226
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	2.990.894.028.577	3.533.617.033.987
1. Tiền	111		2.731.437.695.084	2.506.279.063.350
2. Các khoản tương đương tiền	112		259.456.333.493	1.027.337.970.637
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5	7.925.663.754.088	5.922.370.447.571
1. Chứng khoán kinh doanh	121		33.414.563	797.639.327
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(36.197)	(5.924.643)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		7.925.630.375.722	5.921.578.732.887
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		7.761.018.081.791	4.905.841.222.375
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	4.277.619.452.540	3.158.877.153.148
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		88.002.386.699	72.463.593.521
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	7	4.195.391.436.352	2.518.238.608.319
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	8	(804.492.677.302)	(848.829.267.132)
5. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		4.497.483.502	5.091.134.519
IV. Hàng tồn kho	140	9	2.578.271.658.502	1.827.498.080.478
1. Hàng tồn kho	141		2.579.364.637.993	1.829.246.905.712
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1.092.979.491)	(1.748.825.234)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		294.134.537.710	155.834.730.815
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	10	33.108.480.349	30.318.851.456
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152	11	155.956.761.188	65.983.568.556
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	12	105.069.296.173	59.532.310.803

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		5.647.581.826.801	5.729.802.091.425
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		24.812.466.496	28.876.237.293
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	6	21.888.407.938	24.336.321.374
2. Phải thu dài hạn khác	216	7	25.023.666.496	28.876.237.293
3. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219	8	(22.099.607.938)	(24.336.321.374)
II. Tài sản cố định	220		3.747.949.930.914	3.737.198.323.785
1. Tài sản cố định hữu hình	221	13	2.153.041.993.983	2.208.851.860.179
- Nguyên giá	222		6.468.508.878.504	6.273.653.973.208
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(4.315.466.884.521)	(4.064.802.113.029)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		2.268.507.172	-
- Nguyên giá	225		2.424.911.135	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(156.403.963)	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	14	1.592.639.429.759	1.528.346.463.606
- Nguyên giá	228		1.861.746.293.589	1.767.219.662.077
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(269.106.863.830)	(238.873.198.471)
III. Bất động sản đầu tư	230	15	108.543.572.613	112.566.434.533
- Nguyên giá	231		139.314.852.250	139.372.662.434
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(30.771.279.637)	(26.806.227.901)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		109.572.796.582	250.367.643.699
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	241		585.993.545	585.993.545
dài hạn				
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	16	108.986.803.037	249.781.650.154
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		801.330.548.617	753.953.944.811
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	17	708.439.333.186	707.597.992.068
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	18	118.979.564.661	71.463.046.290
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	18	(26.088.349.230)	(25.107.093.547)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		855.372.511.579	846.839.507.304
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	10	849.242.720.938	837.732.576.309
2. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		21.363.636	-
3. Lợi thế thương mại	269	19	6.108.427.005	9.106.930.995
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270			
(270=100+200)			27.197.563.887.469	22.074.963.606.651

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số Thuyết minh		Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		16.012.422.052.620	11.509.108.571.735
I. Nợ ngắn hạn	310		15.724.500.056.614	11.228.091.311.624
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	20	6.399.024.107.514	2.396.352.602.232
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		76.230.816.531	40.307.498.393
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	12	1.074.337.936.651	734.545.326.327
4. Phải trả người lao động	314		191.836.089.512	101.081.963.984
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	21	48.689.699.837	134.865.125.023
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		6.477.136.557	1.623.783.506
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	22	3.917.626.254.876	3.316.051.837.211
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	23	4.633.571.013.891	4.001.002.454.973
9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	24	46.453.453.571	27.302.545.880
10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		106.943.725.929	35.995.874.659
11. Quỹ bình ổn giá	323	25	(776.690.178.255)	438.962.299.436
II. Nợ dài hạn	330		287.921.996.006	281.017.260.111
1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		23.677.570.475	13.683.370.297
2. Phải trả dài hạn khác	337		26.302.334.547	29.730.436.676
3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	26	104.319.315.734	93.667.086.745
4. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	27	130.346.505.498	140.206.299.008
5. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		3.276.269.752	3.730.067.385



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		11.185.141.834.849	10.565.855.034.916
I. Vốn chủ sở hữu	410	28	11.185.141.834.849	10.565.855.034.916
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		10.342.295.000.000	10.342.295.000.000
2. Vốn khác của chủ sở hữu	414		18.967.801.779	(1.782.841.473)
3. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		(163.981.446.150)	(167.017.350.614)
4. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		(21.113.618.263)	10.658.454.084
5. Quỹ đầu tư phát triển	418		211.457.940.243	206.532.733.644
6. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		19.805.997.473	(10.231.885.928)
7. (Lỗ) lũy kế	421		(401.912.043.108)	(898.817.340.742)
- (Lỗ) lũy kế đến cuối năm trước	421a		(926.446.535.288)	(786.624.745.793)
- Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		524.534.492.180	(112.192.594.949)
8. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		5.326.859.943	5.959.092.576
9. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	429	29	1.174.295.342.932	1.078.259.173.369
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		27.197.563.887.469	22.074.963.606.651

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Phùng Tố Vân
Người lập biểu

Nguyễn Ngọc Ninh
Kế toán trưởng



Đoàn Văn Nhuộm
Tổng Giám đốc

Ngày 16 tháng 3 năm 2022

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

CHỈ TIÊU	Mã số Thuyết minh		Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	32	57.848.309.273.527	50.033.857.003.272
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	32	12.331.415.165	5.569.496.714
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	32	57.835.977.858.362	50.028.287.506.558
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	33	54.657.677.585.567	48.070.683.274.369
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		3.178.300.272.795	1.957.604.232.189
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	35	412.733.591.573	451.700.305.452
7. Chi phí tài chính	22	36	201.054.954.166	210.772.353.351
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		144.565.099.296	146.206.620.298
8. Phần lãi/(lỗ) trong công ty liên kết, liên doanh	24	17	71.038.203.622	(7.775.961.338)
9. Chi phí bán hàng	25	37	1.833.758.314.419	1.606.741.748.359
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	37	728.224.901.968	721.381.472.971
11. Lợi nhuận/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)+24-(25+26))	30		899.033.897.437	(137.366.998.378)
12. Thu nhập khác	31	38	49.849.048.626	60.899.648.340
13. Chi phí khác	32	38	21.037.786.992	34.417.619.860
14. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40	38	28.811.261.634	26.482.028.480
15. Tổng lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế (50=30+40)	50		927.845.159.071	(110.884.969.898)
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	39	164.841.585.527	23.390.818.229
17. (Thu nhập)/chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	27	(9.859.793.510)	31.843.522.540
18. Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		772.863.367.054	(166.119.310.667)
<i>Trong đó:</i>				
18.1. Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế của Công ty mẹ	61		604.820.984.180	(112.192.594.949)
18.2. Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		168.042.382.874	(53.926.715.718)
19. Lãi/(lỗ) cơ bản trên cổ phiếu	70	40	507	(128)


Phùng Tố Vân
Người lập biểu


Nguyễn Ngọc Ninh
Kế toán trưởng


Đoàn Văn Nhuộm
Tổng Giám đốc

Ngày 16 tháng 3 năm 2022



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận/(Lỗ) trước thuế	01	927.845.159.071	(110.884.969.898)
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	346.471.338.897	377.936.450.533
Các khoản dự phòng	03	(27.102.874.081)	(41.202.158)
(Lãi)/Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	22.196.102.434	(10.334.623.807)
(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(459.537.989.046)	(455.386.429.780)
Chi phí lãi vay	06	144.565.099.296	146.206.620.298
Các khoản điều chỉnh khác (i)	07	(1.215.802.131.109)	637.105.029.742
3. (Lỗ)/Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(261.365.294.538)	584.600.874.930
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	(2.941.667.607.364)	3.770.923.540.909
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	(750.117.732.281)	615.935.869.820
Tăng/(giảm) các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	5.109.494.414.161	(3.647.987.605.805)
(Tăng)/giảm chi phí trả trước	12	(11.301.269.532)	136.108.875.497
Giảm chứng khoán kinh doanh	13	764.224.764	1.760.189.193
Tiền lãi vay đã trả	14	(141.240.244.916)	(149.991.171.118)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(112.882.729.112)	(28.755.688.136)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	149.653.418	435.688.829
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh (ii)	17	(168.582.775.148)	(36.933.479.904)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	723.250.639.452	1.246.097.094.215
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(268.110.299.455)	(81.978.035.355)
2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	16.564.342.962	8.490.287.396
3. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(9.255.083.844.529)	(10.362.042.897.584)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	7.251.032.201.694	9.825.549.734.095
5. Tiền thu hồi đầu tư vốn vào đơn vị khác	26	2.445.480.000	76.730.000.000
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	370.536.839.331	378.066.074.963
7. Tiền giảm do chuyển PVOil Ninh Bình thành công ty liên kết		-	(9.091.196.603)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(1.882.615.279.997)	(164.276.033.088)



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ đi vay	33	22.375.464.298.697	16.944.813.720.161
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(21.731.239.596.360)	(17.468.222.693.286)
3. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	(1.003.914.430)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	643.220.787.907	(523.408.973.125)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	(516.143.852.638)	558.412.088.002
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	3.533.617.033.987	2.966.080.861.563
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(26.579.152.772)	9.124.084.422
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)	70	2.990.894.028.577	3.533.617.033.987

- (i) Bao gồm chênh lệch giữa số trích lập với số sử dụng Quỹ Bình ổn giá và lãi tính trên số dư âm Quỹ Bình ổn giá với số tiền lần lượt là 119.681.213.700 đồng và 1.335.483.344.809 đồng.
- (ii) Bao gồm số tiền Tổng Công ty đã chuyển trong năm về Quỹ hỗ trợ và sắp xếp doanh nghiệp liên quan đến khoản phải trả về cổ phần hóa theo hướng dẫn tại Nghị định số 126/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2017 của Chính phủ và Thông tư số 41/2018/TT-BTC ngày 04 tháng 5 năm 2018 của Bộ Tài chính với số tiền 119.996.417.768 đồng.

Phùng Tố Vân
Người lập biểu

Nguyễn Ngọc Ninh
Kế toán trưởng



Đoàn Văn Nhuộm
Tổng Giám đốc

Ngày 16 tháng 3 năm 2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Dầu Việt Nam - Công ty Cổ phần (gọi tắt là “Tổng Công ty” hoặc “PVOIL”), trước đây là Tổng Công ty Dầu Việt Nam - Công ty TNHH Một thành viên, là đơn vị thành viên hạch toán độc lập thuộc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam. Theo Quyết định số 1250/QĐ-DKVN ngày 06 tháng 6 năm 2008 của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, Tổng Công ty Dầu Việt Nam – Công ty TNHH Một thành viên được thành lập trên cơ sở hợp nhất Tổng Công ty TNHH Một thành viên Thương mại Dầu khí và Công ty TNHH Một thành viên Chế biến và Kinh doanh Sản phẩm Dầu mỏ.

Tổng Công ty Dầu Việt Nam – Công ty TNHH Một thành viên được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4104005189 ngày 26 tháng 6 năm 2008 và thay đổi lần thứ 16 ngày 16 tháng 01 năm 2016. Tổng Công ty Dầu Việt Nam – Công ty TNHH Một thành viên chính thức đi vào hoạt động từ ngày 01 tháng 7 năm 2008 với vốn điều lệ là 7.220.000.000.000 đồng. Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 16 ngày 16 tháng 01 năm 2016, vốn điều lệ điều chỉnh của Tổng Công ty Dầu Việt Nam – Công ty TNHH Một thành viên là 10.884.251.000.000 đồng.

Từ ngày 01 tháng 8 năm 2018, Tổng Công ty Dầu Việt Nam – Công ty TNHH Một thành viên chính thức chuyển đổi mô hình hoạt động sang công ty cổ phần với tên gọi là Tổng Công ty Dầu Việt Nam – Công ty Cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 17 ngày 01 tháng 8 năm 2018. Vốn điều lệ của Tổng Công ty sau khi chuyển thành công ty cổ phần là 10.342.295.000.000 đồng.

Cổ phiếu của Tổng Công ty được chấp thuận giao dịch trên Thị trường công ty đại chúng chưa niêm yết (“UPCoM”) vào ngày 07 tháng 3 năm 2018 với mã chứng khoán là OIL.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, tổng số nhân viên tại Tổng Công ty (không bao gồm các công ty con) là 699 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020: 685 người).

Hoạt động chính

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty mẹ Tổng Công ty là xuất nhập khẩu và kinh doanh dầu thô trong và ngoài nước; Xuất nhập khẩu và kinh doanh sản phẩm dầu trong và ngoài nước; Xuất nhập khẩu thiết bị, vật tư máy móc và dịch vụ thương mại; Sản xuất sản phẩm dầu; Xây dựng các hệ thống bồn chứa, phân phối và kinh doanh sản phẩm dầu; Xuất nhập khẩu sản phẩm dầu và các sản phẩm có nguồn gốc từ dầu, hóa chất, vật tư, thiết bị và phương tiện phục vụ công tác chế biến và kinh doanh sản phẩm dầu; Kinh doanh vật tư thiết bị hóa chất trong lĩnh vực chế biến sản phẩm dầu; Môi giới và cung ứng tàu biển; Kinh doanh khách sạn, du lịch (không kinh doanh khách sạn tại trụ sở); Dịch vụ cho thuê xe bồn, bể chứa xăng dầu và kho bãi; Mua bán phân bón, các sản phẩm hóa dầu. Dịch vụ lấy mẫu, phân tích và thử nghiệm mẫu xăng dầu.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Tổng Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Tổng Công ty gồm Công ty mẹ và 27 công ty con. Danh sách các công ty con như sau:

Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền BQ nắm giữ (%)	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Dầu khí Mê Kông	Cần Thơ	89,37%	89,37%	Xây dựng tổng kho xăng dầu. Chế biến và kinh doanh các sản phẩm dầu khí, xuất nhập khẩu các sản phẩm dầu mỏ.
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Vũng Áng	Hà Tĩnh	56,50%	56,50%	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan. Kho bãi và lưu giữ hàng hoá. Vận tải hàng hoá bằng đường thuỷ nội địa.
Công ty Cổ phần Dầu nhờn PV Oil	Tp. Hồ Chí Minh	62,67%	62,67%	Khai thác, sản xuất, vận chuyển, bán buôn và bán lẻ các sản phẩm liên quan đến xăng, dầu và khí đốt.
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Trà Vinh	Trà Vinh	96,27%	96,27%	Kinh doanh xăng dầu. Kinh doanh hàng tiêu dùng.
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Bạc Liêu	Bạc Liêu	96,10%	96,10%	Bán buôn thực phẩm. Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Mua bán xăng dầu và các sản phẩm liên quan.
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Bình Thuận	Bình Thuận	79,68%	79,68%	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan. Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Vận tải hàng hoá bằng đường bộ.
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thanh Hóa	Thanh Hoá	56,86%	56,86%	Kinh doanh xăng, dầu các loại; kinh doanh thương mại, dịch vụ thương mại; kinh doanh xuất nhập khẩu; khai thác, chế biến khoáng sản; kinh doanh bất động sản...
Công ty Cổ phần Sản xuất và Chế biến Dầu khí Phú Mỹ	Vũng Tàu	67,64%	67,64%	Bán buôn, bán lẻ xăng dầu và các sản phẩm có liên quan. Sản xuất chế biến nhiên liệu và dung môi. Kinh doanh nhiên liệu sinh học.
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Sài Gòn	Tp. Hồ Chí Minh	65,18%	66,93%	Kinh doanh xăng dầu. Khai thác dầu thô. Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác dầu thô và khí tự nhiên. Sản xuất hoá chất cơ bản.
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Vũng Tàu	Vũng Tàu	57,18%	57,18%	Bán buôn, bán lẻ xăng dầu và các sản phẩm có liên quan. Sản xuất chế biến nhiên liệu và dung môi. Kinh doanh nhiên liệu sinh học.
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hà Nội (iii)	Hà Nội	71,84%	71,84%	Kinh doanh xăng dầu và các sản phẩm có liên quan. Dịch vụ kho cảng. Vận tải hàng hoá.
Công ty TNHH MTV Kinh doanh dầu nội địa PVOIL Lào	Lào	100,00 %	100,00%	Bán lẻ xăng dầu và các sản phẩm có liên quan.
Công ty TNHH MTV Xăng dầu Dầu khí Lào	Lào	100,00 %	100,00%	Bán buôn xăng dầu và các sản phẩm có liên quan.
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thái Bình	Thái Bình	68,00%	68,00%	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan. Xây dựng nhà các loại.
Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí Thái Bình	Thái Bình	51,00%	51,00%	Bán buôn và kinh doanh nước khoáng.

Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền BQ nắm giữ (%)	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Nam Định	Nam Định	56,75%	56,75%	Mua bán, kinh doanh các sản phẩm dầu mỏ. Đại lý bán buôn, bán lẻ xăng dầu. Kinh doanh nhiên liệu sinh học.
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Tây Ninh	Tây Ninh	78,62%	78,62%	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan. Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Vận tải hàng hoá đường thuỷ nội địa.
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Cái Lân	Quảng Ninh	80,19%	80,19%	Kho bãi và lưu giữ hàng hoá. Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan. Vận tải hàng hoá và đường bộ và thuỷ.
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Phú Yên	Phú Yên	67,13%	67,13%	Mua bán xăng dầu và các sản phẩm liên quan; mua bán khí đốt; vận tải hàng hoá.
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Phú Thọ	Phú Thọ	71,68%	71,68%	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan. Vận chuyển các sản phẩm dầu khí.
Công ty TNHH MTV Kinh doanh dầu Quốc tế Singapore	Singapore	51,00%	51,00%	Mua bán, kinh doanh các loại dầu thô và các sản phẩm dầu trên thị trường quốc tế. Tham gia mua bán và cung cấp dầu thô tại Việt Nam.
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí PV Oil Miền Trung (ii)	Quảng Ngãi	72,29%	72,29%	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan. Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Vận tải hàng hoá đường thuỷ nội địa.
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí PV Oil Hải Phòng	Hải Phòng	72,00%	72,00%	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan. Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Vận tải hàng hoá đường thuỷ nội địa.
Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Dầu khí Việt Nam	Tp. Hồ Chí Minh	71,00%	71,00%	Vận tải hàng hoá đường bộ. Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí. Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh.
Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu Thủ Đức	Tp. Hồ Chí Minh	51,01%	51,01%	Kinh doanh xăng, dầu, mỡ, nhớt. Kinh doanh vận tải xăng dầu. Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác. Kinh doanh sắt thép, vật liệu xây dựng.
Tổng Công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư (PETEC) - CTCP (i)	Tp. Hồ Chí Minh	94,78%	95,09%	Xuất nhập khẩu, tổ chức kênh bán buôn xăng dầu; chi tiết xuất nhập khẩu thiết bị toàn bộ, máy móc và thiết bị lẻ; xuất nhập khẩu phân bón; cung cấp dịch vụ hàng hải.
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Campuchia	Campuchia	51,00%	51,00%	Đang trong quá trình thành lập
Công ty Cổ phần Thương mại Du lịch Xăng dầu Dầu khí Hà Giang (iii)	Hà Giang	0,00%	0,00%	Trong năm, Công ty đã được sáp nhập vào Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hà Nội.
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thừa Thiên Huế (ii)	Thừa Thiên Huế	0,00%	0,00%	Trong năm, Công ty đã được sáp nhập vào Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí PV Oil Miền Trung.

- (i) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Tổng Công ty ghi nhận và phản ánh trên báo cáo tài chính riêng của Công ty mẹ - Tổng Công ty khoản góp vốn cổ phần vào PETEC lớn hơn giá trị PETEC đang theo dõi và hạch toán với số tiền 111.225.298.544 đồng. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty tin tưởng rằng khoản chênh lệch này sẽ được xử lý khi PETEC thực hiện xong công tác quyết toán cổ phần hóa. Theo đó, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã quyết định điều chỉnh tăng vốn điều lệ tại công ty con để loại trừ khoản chênh lệch này trước khi thực hiện hợp nhất báo cáo tài chính của Tổng Công ty.

Ngày 29 tháng 3 năm 2021, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam đã ban hành Nghị quyết số 1474/NQ-DKVN thông qua chủ trương về việc Tổng công ty Khí Việt Nam – CTCP (“PVGAS”) nhận chuyển nhượng toàn bộ cổ phần của Tổng Công ty tại Công ty Thương mại và Kỹ thuật Đầu tư – CTCP (“PETEC”). Ngày 31 tháng 3 năm 2021, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam đã có công văn số 1574/DKVN-KTĐT đề nghị Người đại diện phần vốn của Tập đoàn tại PVGAS và Tổng Công ty báo cáo Thủ tướng Chính phủ và chỉ đạo tổ chức triển khai các bước tiếp theo đảm bảo lợi ích của Tổng Công ty và PVGAS.

- (ii) Trong năm 2021, Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thừa Thiên Huế (“PVOIL Thừa Thiên Huế”) đã hoàn tất các thủ tục sáp nhập vào Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí PVOIL Miền Trung (“PVOIL Miền Trung”) căn cứ theo Nghị quyết số 07/NQ-DVN ngày 01 tháng 7 năm 2021 của Hội đồng Quản trị Tổng Công ty về việc phê duyệt phương án sáp nhập PVOIL Thừa Thiên Huế vào PVOIL Miền Trung và hợp đồng sáp nhập số 25/PVOILMT.KHĐT-PVOILTTH/05-21 ký ngày 15 tháng 5 năm 2021 giữa PVOIL Miền Trung và PVOIL Thừa Thiên Huế. Ngày 01 tháng 7 năm 2021, PVOIL Miền Trung đã được cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sửa đổi lần thứ 9. Theo đó, kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2021, mọi giao dịch, nghĩa vụ và quyền lợi liên quan đến khách hàng, đối tác của PVOIL Thừa Thiên Huế được chuyển giao và thực hiện tại PVOIL Miền Trung.
- (iii) Trong năm 2021, Công ty Cổ phần Thương mại Du lịch Xăng dầu Dầu khí Hà Giang (“PVOIL Hà Giang”) đã hoàn tất các thủ tục sáp nhập vào Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hà Nội (“PVOIL Hà Nội”) căn cứ theo Nghị quyết số 18/NQ-DVN ngày 19 tháng 01 năm 2021 của Hội đồng Quản trị Tổng Công ty về việc phê duyệt phương án sáp nhập PVOIL Hà Giang vào PVOIL Hà Nội và hợp đồng sáp nhập số 99/PVOILHN -PVOILHG/10-21/K ký ngày 25 tháng 10 năm 2021 giữa PVOIL Hà Nội và PVOIL Hà Giang. Ngày 29 tháng 12 năm 2021, PVOIL Hà Nội đã được cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sửa đổi lần thứ 12. Theo đó, kể từ ngày 29 tháng 12 năm 2021, mọi giao dịch, nghĩa vụ và quyền lợi liên quan đến khách hàng, đối tác của PVOIL Hà Giang được chuyển giao và thực hiện tại PVOIL Hà Nội.

Danh sách các công ty liên doanh sở hữu trực tiếp:

Tên công ty liên doanh	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ sở hữu %	Hoạt động chính
Công ty TNHH Kho ngầm Xăng dầu Dầu khí Việt Nam	Bà Rịa - Vũng Tàu	19,00%	Đầu tư xây dựng kho ngầm chứa xăng dầu
Công ty TNHH Hoá chất LG VINA (i)	Đồng Nai	15,00%	Sản xuất và kinh doanh dầu hoá dẻo DOP
Công ty Cổ phần Nhiên liệu Sinh học Phương Đông	Bình Phước	30,01%	Sản xuất kinh doanh nhiên liệu sinh học

(i) Tại Biên bản kỳ họp Hội đồng thành viên bất thường lần thứ 27/2 năm tài chính 2020 ngày 30 tháng 12 năm 2020, Công ty TNHH Hóa chất LG-Vina đã quyết định tăng thêm vốn thông qua phân phối lợi nhuận năm 2019. Theo đó, Tổng công ty sẽ sở hữu vốn góp tăng thêm từ lợi nhuận chưa phân phối năm 2019 là 285.000 USD theo tỷ lệ sở hữu vốn góp 15%. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, vốn góp của Tổng công ty tại Công ty TNHH Hóa chất LG-Vina là 855.000 USD (tại 31 tháng 12 năm 2020 là 570.000 USD).

Danh sách các công ty liên kết sở hữu trực tiếp:

Tên công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Hóa dầu và Nhiên liệu Sinh học Dầu khí	Hà Nội	39,76	39,76	Sản xuất, kinh doanh nhiên liệu sinh học
Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí	Tp. Hồ Chí Minh	29,00	29,00	Mua bán thiết bị, phụ tùng, vật tư, hóa chất ngành dầu khí
Công ty Cổ phần Vật tư - Xăng dầu	Tp. Hồ Chí Minh	44,87	44,94	Xuất nhập khẩu xăng dầu, vận chuyển hàng hóa
Công ty Cổ phần Thương mại Thạch Hãn	Quảng Trị	45,00	45,00	Kinh doanh xăng dầu, công nghệ phẩm, nông sản, thực phẩm...
Công ty Cổ phần Hóa dầu và Nhiên liệu Sinh học Dầu khí Miền Trung	Quảng Ngãi	34,28	34,28	Sản xuất, kinh doanh nhiên liệu sinh học
Công ty Cổ phần Điều Phú Yên	Phú Yên	47,79	47,79	Sản xuất, chế biến hàng nông sản xuất khẩu...
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Ninh Bình	Ninh Bình	20,26	33,30	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan. Chuẩn bị mặt bằng. Kho bãi và lưu giữ hàng hoá. Vận tải hàng hoá ven biển và viễn dương
Công ty Cổ phần Dầu khí Dương Đông Kiên Giang (i)	Kiên Giang	0,00	0,00	Kinh doanh xăng dầu, xi măng

Ngày 14 tháng 5 năm 2021, Hội đồng Quản trị Tổng công ty ban hành Nghị quyết số 61/NQ-DVN về việc "thông qua phương án thoái vốn gắn với thu hồi công nợ của Tổng công ty Dầu Việt Nam tại Công ty Cổ phần Dầu khí Dương Đông Kiên Giang". Ngày 15 tháng 6 năm 2021, Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh đã có công văn số 92/CKDK-TV gửi Tổng Công ty về việc "thông báo kết quả chào bán cạnh tranh theo lô chuyển nhượng vốn của Tổng Công ty Dầu Việt Nam - CTCP tại Công ty Cổ phần Dầu khí Dương Đông Kiên Giang". Theo đó, tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Tổng Công ty đã thoái toàn bộ vốn tại Công ty Cổ phần Dầu khí Dương Đông Kiên Giang.

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính hợp nhất

Số liệu so sánh là số liệu báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Quyết toán cổ phần hóa

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 chưa bao gồm các điều chỉnh (nếu có) liên quan đến việc quyết toán cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng Công ty do Tổng Công ty chưa có biên bản phê duyệt quyết toán cổ phần hóa tại ngày Công ty mẹ - Tổng Công ty chính thức chuyển thành công ty cổ phần.

Năm tài chính

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính riêng của Công ty mẹ - Tổng Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty mẹ kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty mẹ có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty mẹ và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư chủ yếu giữa Công ty mẹ với các công ty con và giữa các công ty con với nhau được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tổng Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Tổng Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Tổng Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Tổng Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Tổng Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Tổng Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Tổng Công ty vào công ty liên kết được loại trừ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất.

Góp vốn liên doanh

Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Tổng Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát.

Trong trường hợp một công ty thành viên trực tiếp thực hiện hoạt động kinh doanh theo các thoả thuận liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và bất kỳ khoản nợ phải trả phát sinh chung phải gánh chịu cùng với các bên góp vốn liên doanh khác từ hoạt động của liên doanh được hạch toán vào báo cáo tài chính của công ty tương ứng và được phân loại

theo bản chất của nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Các khoản công nợ và chi phí phát sinh có liên quan trực tiếp đến phần vốn góp trong phần tài sản đồng kiểm soát được hạch toán trên cơ sở dồn tích. Các khoản thu nhập từ việc bán hàng hoặc sử dụng phần sản phẩm được chia từ hoạt động của liên doanh và phần chi phí phát sinh phải gánh chịu được ghi nhận khi chắc chắn khoản lợi ích kinh tế có được từ các giao dịch này được chuyển tới hoặc chuyển ra khỏi Tổng Công ty và các khoản lợi ích kinh tế này có thể được xác định một cách đáng tin cậy.

Các thỏa thuận góp vốn liên doanh liên quan đến việc thành lập một cơ sở kinh doanh độc lập trong đó có các bên tham gia góp vốn liên doanh được gọi là cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Tổng Công ty lập báo cáo về các khoản lợi ích trong các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Bất kỳ lợi thế kinh doanh nào có được từ việc mua lại phần góp vốn của Tổng Công ty tại đơn vị góp vốn liên doanh đồng kiểm soát được kế toán phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty liên quan đến lợi thế thương mại có được từ việc mua công ty con.

Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại trên báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Tổng Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết, hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được coi là một loại tài sản vô hình, được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế kinh doanh trong vòng 10 năm.

Lợi thế kinh doanh có được từ việc mua công ty liên kết được tính vào giá trị ghi sổ của công ty liên kết. Lợi thế kinh doanh từ việc mua các công ty con được trình bày riêng như một loại tài sản có khác trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Khi bán công ty con, công ty liên kết hoặc đơn vị góp vốn liên doanh, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được hạch toán vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán được Tổng Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận bắt đầu từ ngày Tổng Công ty có quyền sở hữu và được xác định giá trị ban đầu theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Tổng Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tổng Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư góp vốn nhưng Tổng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác là cổ phiếu niêm yết được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Tổng Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Tổng Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà xưởng và vật kiến trúc	5 - 50
Máy móc và thiết bị	3 - 20
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	6 - 20
Thiết bị quản lý	3 - 10
Tài sản cố định hữu hình khác	4 - 25

Các tài sản cố định hữu hình của Công ty mẹ - Tổng Công ty được đánh giá lại khi thực hiện cổ phần hóa. Nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được điều chỉnh theo kết quả đánh giá lại đã được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được xem là thuê hoạt động.

Tổng Công ty ghi nhận tài sản thuê tài chính là tài sản của Tổng Công ty theo giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản hoặc theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu, nếu giá trị này thấp hơn. Nợ phải trả bên cho thuê tương ứng được ghi nhận trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất như một khoản nợ phải trả về thuê tài chính. Các khoản thanh toán tiền thuê được chia thành chi phí tài chính và khoản phải trả nợ gốc nhằm đảm bảo tỷ lệ lãi suất định kỳ cố định trên số dư nợ còn lại. Chi phí thuê tài chính được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh, trừ khi các chi phí này trực tiếp hình thành nên tài sản đi thuê, trong trường hợp đó sẽ được vốn hóa theo chính sách kế toán của Tổng Công ty về chi phí đi vay (xem trình bày dưới đây).

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu nhằm tạo điều kiện ký kết hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Các tài sản đi thuê tài chính được khấu hao trên thời gian hữu dụng ước tính tương tự như áp dụng với tài sản thuộc sở hữu của Tổng Công ty. Tuy nhiên, nếu không chắc chắn là bên thuê sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản thuê sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời hạn thuê hoặc thời gian sử dụng hữu ích của tài sản đó, cụ thể như sau:

	Số năm
Phương tiện vận tải	4 - 10

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện quyền sử dụng đất, các phần mềm máy tính và các tài sản cố định vô hình khác được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Quyền sử dụng đất không có thời hạn không trích khấu hao. Quyền sử dụng đất có thời hạn được phân bổ theo thời hạn quy định trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 3 đến 5 năm.

Các tài sản cố định vô hình của Công ty mẹ - Tổng Công ty đã được đánh giá lại khi thực hiện cổ phần hóa. Nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được điều chỉnh theo kết quả đánh giá lại đã được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản lý hoặc cho các mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác có liên quan phù hợp với

chính sách kế toán của Tổng Công ty. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

Theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng của các công trình xây dựng cơ bản có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền.

Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và nhà xưởng, vật kiến trúc do Tổng Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác. Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm giá trị tiền thuê đất, thuê văn phòng, giá trị thương hiệu và lợi thế vị trí địa lý, lợi thế kinh doanh và các chi phí trả trước khác.

Giá trị thương hiệu và lợi thế vị trí địa lý thể hiện giá trị thương hiệu và giá trị lợi thế vị trí địa lý đối với đất thuê trả tiền hàng năm. Giá trị thương hiệu và lợi thế vị trí địa lý được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê đất còn lại hoặc theo thời gian sử dụng của tài sản cố định trên đất.

Lợi thế kinh doanh phản ánh giá trị thương hiệu và tiềm năng phát triển của Tổng Công ty tính vào giá trị doanh nghiệp, được ghi nhận theo Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Tổng Công ty Dầu Việt Nam – Công ty TNHH Một Thành viên (đơn vị cổ phần hóa) đã được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Lợi thế kinh doanh được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo quy định hiện hành kể từ thời điểm Tổng Công ty chính thức chuyển thành công ty cổ phần.

Tiền thuê đất, thuê văn phòng, thuê tài sản thể hiện số tiền thuê đã được trả trước. Tiền thuê trả trước được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Chi phí trả trước khác bao gồm chi phí san lấp mặt bằng, giá trị công cụ, dụng cụ xuất dùng, chi phí sửa chữa, bảo dưỡng chờ phân bổ và các chi phí khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Tổng Công ty. Các chi phí này được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, sử dụng phương pháp đường thẳng theo thời gian sử dụng hữu ích ước tính và các quy định hiện hành.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Tổng Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Tổng Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và

(e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán hợp nhất của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán hợp nhất; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng. Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Tổng Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Theo hướng dẫn tại Công văn số 4360/DKVN-TCKT ngày 30 tháng 6 năm 2015 và Công văn số 3124/DKVN-TCKT ngày 13 tháng 5 năm 2015 của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, Tổng Công ty áp dụng tỷ giá mua vào do Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam công bố để chuyển đổi các khoản mục tiền tệ gốc ngoại tệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2021. Tỷ giá này có sự khác biệt so với tỷ giá quy định của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính về hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp. Theo đánh giá của Ban Tổng Giám đốc, sự khác biệt này không gây ảnh hưởng trọng yếu đến Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

Để phục vụ mục đích hợp nhất báo cáo tài chính, tài sản và công nợ liên quan đến hoạt động của Tổng Công ty tại nước ngoài (bao gồm cả số liệu so sánh) được chuyển đổi sang đơn vị tiền tệ của báo cáo theo tỷ giá tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Các khoản thu nhập và chi phí (bao gồm cả số liệu so sánh) được chuyển đổi theo tỷ giá bình quân của năm báo cáo trừ khi tỷ giá này có biến động lớn trong năm, trong trường hợp đó sẽ áp dụng tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá hối đoái, nếu có, sẽ được phân loại vào nguồn vốn chủ sở hữu và được ghi nhận vào khoản mục “Chênh lệch tỷ giá hối đoái”. Chênh lệch tỷ giá được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của năm chấm dứt hoạt động tại nước ngoài của Tổng Công ty.

Lợi thế thương mại và các điều chỉnh giá trị hợp lý phát sinh khi Tổng Công ty thực hiện hoạt động tại nước ngoài được kế toán như tài sản và nợ phải trả liên quan đến hoạt động tại nước ngoài và được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày kết thúc hoạt động này.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài

sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Tổng Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Tổng Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Quỹ bình ổn giá xăng dầu

Quỹ Bình ổn giá xăng dầu được trích lập và sử dụng theo quy định tại Thông tư liên tịch số 39/2014/TTLT-BCT-BTC của liên Bộ Tài chính và Bộ Công thương ngày 29 tháng 10 năm 2014 (có hiệu lực từ ngày 01 tháng 11 năm 2014) về việc “Quy định về phương pháp tính giá cơ sở; cơ chế hình thành, quản lý, sử dụng Quỹ Bình ổn giá và điều hành giá xăng dầu theo quy định tại Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu” và Thông tư liên tịch số 90/2016/TTLT-BCT-BTC của liên Bộ Tài chính và Bộ Công thương ngày 24 tháng 6 năm 2016 (có hiệu lực thi hành từ ngày 15 tháng 8 năm 2016) sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư liên tịch số 39/2014/TTLT-BCT-BTC ngày 29 tháng 10 năm 2014 nói trên.

Quỹ bình ổn giá xăng dầu được trích lập bằng một khoản tiền cụ thể, cố định trong giá cơ sở của lượng xăng dầu thực tế tiêu thụ và được xác định là một khoản mục chi phí trong cơ cấu giá cơ sở (mức trích căn cứ theo quy định từng thời kỳ của Bộ Tài chính).

Quỹ bình ổn giá xăng dầu được sử dụng theo công văn chỉ đạo của Bộ Công thương từng thời kỳ. Việc sử dụng quỹ bình ổn giá xăng dầu dựa trên sản lượng thực tế tiêu thụ nhân mức sử dụng trên một lít xăng dầu theo quy định của Bộ Công thương.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tổng Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền mặt	27.883.342.955	25.772.599.412
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn (i)	2.703.326.926.079	2.478.648.768.039
<i>Trong đó:</i>		
<i>Số dư tài khoản Quỹ Bình ổn giá xăng dầu</i>		
<i>(ii)</i>	-	524.881.731.236
Tiền đang chuyển	227.426.050	1.857.695.899
Các khoản tương đương tiền (i)	259.456.333.493	1.027.337.970.637
	2.990.894.028.577	3.533.617.033.987

- i. Các khoản tương đương tiền tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 thể hiện các khoản tiền gửi tại ngân hàng thương mại có kỳ hạn gốc dưới 3 tháng và hưởng lãi suất từ 0,2% đến 3,5%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020: từ 3% đến 6,3%/năm).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm số tiền 5.200.417.367 Việt Nam đồng, 3.776.074 Đô la Mỹ là tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020: 7.733.019.292 Việt Nam đồng và 3.776.074 Đô la Mỹ) và 1.014.000.000 Việt Nam đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020: 1.014.000.000 Việt Nam đồng) là các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc dưới 3 tháng (“tương đương tiền”); đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm khoản tiền gửi có kỳ hạn với số tiền 274.312.164.697 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020: 270.568.036.997 đồng) là các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc từ 6 tháng đến 12 tháng (được trình bày tại Thuyết minh số 05) tại Ngân hàng TMCP Đại Dương (nay là Ngân hàng Thương mại TNHH Một thành viên Đại Dương) bị hạn chế chi trả theo chỉ thị số 600/2015/CT-TGD ngày 13 tháng 02 năm 2015 của Ngân hàng TMCP Đại Dương về việc tạm dừng cung cấp dịch vụ thanh toán cho các tổ chức kinh tế thuộc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam để tiến hành rà soát, thẩm định hồ sơ thanh toán của khách hàng. Hiện nay Ngân hàng Thương mại TNHH Một thành viên Đại Dương đã chuyển thành ngân hàng sở hữu 100% vốn bởi Nhà nước, theo đó ban Tổng Giám đốc đánh giá và tin tưởng rằng khoản tiền gửi này sẽ được giao dịch trở lại trong thời gian tới khi có quyết định từ phía Ngân hàng Nhà nước.

- ii. Tổng Công ty mở tài khoản ngân hàng và theo dõi riêng số kết chuyển từ Quỹ Bình ổn giá theo hướng dẫn của Thông tư liên tịch số 39/2014/TTLT-BCT-BTC ngày 29 tháng 10 năm 2014 của liên Bộ Tài chính và Bộ Công thương.

5. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

a. Chứng khoán kinh doanh	Số cuối năm			Số đầu năm		
	VND Giá gốc	VND Giá trị hợp lý	VND Dự phòng	VND Giá gốc	VND Giá trị hợp lý	VND Dự phòng
Tổng giá trị cổ phiếu	33.414.563	93.331.850	(36.197)	797.639.327	1.130.359.200	(5.924.643)
Công ty Cổ phần Thép Pomina (i)	168.047	131.850	(36.197)	18.839.843	12.915.200	(5.924.643)
Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú (i)	1.128.000	2.640.000	-	648.318.000	818.444.000	-
Tổng Công ty Việt Thắng - Công ty Cổ phần (i)	32.118.516	90.560.000	-	130.481.484	299.000.000	-

b. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND Giá gốc	VND Giá trị ghi sổ	VND Giá gốc	VND Giá trị ghi sổ
Tiền gửi có kỳ hạn (ii)	7.925.630.375.722	7.925.630.375.722	5.921.578.732.887	5.921.578.732.887

- i. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư chứng khoán kinh doanh này được xác định dựa trên giá trị niêm yết của cổ phiếu trên sàn giao dịch chứng khoán tại ngày kết thúc năm kế toán.
- ii. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn thể hiện các khoản tiền gửi tại các ngân hàng bằng Đồng Việt Nam có kỳ hạn gốc trên 3 tháng và kỳ hạn còn lại không quá 12 tháng từ thời điểm báo cáo và hưởng lãi suất từ 3,5% đến 6%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020: 4,85% đến 7,1%/năm).

6. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Phải thu ngắn hạn của khách hàng		
Vitol Asia Pte Ltd	872.496.099.678	-
Chevron U.S.A Inc Singapore Branch	511.900.518.721	-
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Ninh Bình	300.322.010.800	258.588.970.219
Công ty Cổ phần Dầu khí và Chất đốt Miền Bắc	124.164.578.894	124.164.578.894
Chi nhánh Công ty Cổ phần Vật tư -TKV - XN Vật tư Hòn Gai	122.107.366.506	69.009.786.531
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Xăng dầu Tiền Phong	118.524.357.430	118.524.357.430
Công ty Cổ phần Thương mại Vận tải Quảng Đông	87.946.610.123	87.946.610.123
Công ty Cổ phần Đầu tư Phú Lâm	77.865.356.829	77.865.356.829
Công ty Cổ phần Xăng dầu Quốc tế Việt Nam	69.638.325.811	69.638.325.811
Công ty Cổ phần Xe khách Sài Gòn	55.835.953.922	47.509.243.392
Công ty Cổ phần Thương mại Dầu Khí Vũ Anh	43.257.741.001	43.257.741.001
Chi nhánh Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam - Xí nghiệp Đầu máy Sài Gòn	31.472.425.045	-
Công ty Cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn (i)	26.633.159.847	14.563.295.218
Liên doanh Việt - Nga Vietsovpetro	15.245.629.544	14.036.116.892
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Thái Bình Dương	13.004.944.000	-
Công ty Cổ phần Dầu khí Thái Bình Dương	12.277.340.615	11.972.879.655
Tổng Công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí	10.155.652.621	31.340.755.698
Công ty Cổ phần Vật tư - Xăng dầu	7.772.460.000	-
Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Than Uông Bí	2.054.669.099	12.841.630.804
SK Energy International Pte Ltd	-	614.481.798.440
Công ty Cổ phần Dầu khí Dương Đông Kiên Giang	-	41.434.776.646
Các khách hàng khác	1.774.944.252.054	1.521.700.929.565
	4.277.619.452.540	3.158.877.153.148
b. Phải thu dài hạn của khách hàng		
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Xuất nhập khẩu Tân Đĩnh Phong	12.839.699.605	12.839.699.605
Công ty TNHH Hương Giang	6.315.000.000	6.315.000.000
Công ty Cổ phần Itasco Lâm Đồng	2.169.153.465	4.616.066.901
Các khách hàng khác	564.554.868	565.554.868
	21.888.407.938	24.336.321.374
<i>Trong đó: Phải thu khách hàng là các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 41)</i>	435.677.857.644	380.958.950.473

- (i) Phản ánh khoản phí ủy thác và tiền dầu thô phải thu từ Công ty Cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn liên quan đến việc thực hiện các hoạt động mua, nhập khẩu ủy thác và bán hàng cho Công ty Cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn.

7. PHẢI THU KHÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Phải thu ngắn hạn khác		
Thu hộ, trả hộ tiền dầu thô xuất khẩu ủy thác	3.305.468.257.964	1.973.221.045.540
Thu hộ, trả hộ tiền dầu thô nhập khẩu ủy thác	24.509.682.717	15.571.147.640
Phải thu khác Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	172.131.795.269	172.131.795.269
- <i>Phải thu khác Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (i)</i>	169.785.513.359	169.785.513.359
- <i>Lợi nhuận tạm phân phối Tập đoàn Dầu khí Việt Nam</i>	2.346.281.910	2.346.281.910
Thuế tiêu thụ đặc biệt chờ khấu trừ, thuế bảo vệ môi trường và thuế nhập khẩu ưu đãi chờ hoàn (ii)	7.687.919.694	29.993.409.429
Phải thu về cổ phần hóa (iii)	5.755.479.545	5.755.479.545
Hợp đồng BCC số 13/2021/PVGAS/TT-PVOIL/D4 (iv)	387.558.110.831	-
Thuế xuất khẩu dầu thô thu hộ, trả hộ	37.469.894	1.652.137.894
Phải thu khác	292.242.720.438	319.913.593.002
	<u>4.195.391.436.352</u>	<u>2.518.238.608.319</u>

b. Phải thu dài hạn khác		
Phải thu về chuyển nhượng dự án Petroland	15.458.071.200	21.254.847.900
Ký quỹ, ký cược dài hạn	2.722.438.000	2.502.750.000
Chi phí phân bổ tài sản dùng để hợp tác kinh doanh	460.347.905	497.673.425
Cảng cá Ba Tri - Bến Tre	4.260.918.637	4.323.977.958
Phải thu khác dài hạn	2.121.890.754	296.988.010
	<u>25.023.666.496</u>	<u>28.876.237.293</u>

Trong đó: Phải thu khác từ các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 41)

	3.536.644.622.072	1.867.288.900.463
--	-------------------	-------------------

- (i) Phải thu khác Tập đoàn Dầu khí Việt Nam thể hiện khoản lỗ lũy kế đến ngày 18 tháng 5 năm 2011 - là thời điểm Tổng Công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư ("PETEC" - Công ty con của Tổng Công ty) chính thức chuyển sang loại hình công ty cổ phần với số tiền là 169.785.513.359 đồng. Khoản phải thu này phát sinh từ việc xác định phần vốn nhà nước tại PETEC tại ngày 18 tháng 5 năm 2011 nhưng chưa được Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và các cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt quyết toán.
- (ii) Phản ánh số thuế tiêu thụ đặc biệt của nguyên vật liệu condensate và hàng pha chế chờ được khấu trừ, thuế bảo vệ môi trường và thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt chờ hoàn từ Ngân sách Nhà nước.
- (iii) Phản ánh các khoản chi phí phát sinh liên quan đến quá trình cổ phần hóa. Giá trị này có thể được điều chỉnh lại khi có phê duyệt cuối cùng của cơ quan có thẩm quyền.
- (iv) Phản ánh khoản phải thu liên quan đến Hợp đồng Hợp tác Kinh doanh Số 13/2021/PVGAS/TT-PVOIL/D4 giữa Tổng Công ty và Tổng Công ty Khí Việt Nam – CTCP ("PVGAS").

8. NỢ XẤU

	Giá gốc	Số cuối năm		Số đầu năm	
		VND	Giá trị có thể thu hồi	VND	Giá trị có thể thu hồi
Các khoản phải thu khó đòi theo đối tượng					
Công ty Cổ phần Dầu khí và Chất đốt Miền Bắc	124.164.578.894	-	-	124.164.578.894	-
Công ty Cổ phần ĐT và PT Xăng dầu Tiên Phong	118.524.357.430	-	-	118.524.357.430	-
Công ty Cổ phần Thương mại Vận tải Quảng Đông	87.946.610.123	-	-	87.946.610.123	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Phú Lâm	77.865.356.829	-	-	77.865.356.829	-
Công ty Cổ phần Xăng dầu Quốc tế Việt Nam	69.538.325.811	-	-	69.538.325.811	-
Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí Vũ Anh	43.257.741.001	-	-	43.257.741.001	-
Công ty Cổ phần Song Phát	26.371.285.621	-	-	26.371.285.621	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Cẩm Giàng	20.010.740.366	-	-	20.010.740.366	-
Công ty TNHH MTV Công nghiệp Tàu thủy Cái Lân	19.576.761.700	-	-	19.576.761.700	-
Công ty Cổ phần Điều Phú Yên	16.604.952.041	-	-	17.604.952.041	-
Công ty TNHH Sản xuất & Thương mại Xuất nhập khẩu Tân Đĩnh Phong	12.839.699.605	-	-	12.839.699.605	-
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Dầu khí Anh Thủy	12.047.043.901	-	-	12.047.043.901	-
Công ty TNHH Nhiên liệu Sinh học Phương Đông	10.206.785.688	-	-	10.206.785.688	-
Công ty TNHH Thương mại & Dịch vụ Dầu khí Ninh Bình	8.906.024.795	-	-	8.906.024.795	-
Khách hàng nợ Chi nhánh Công ty Cổ phần Dầu khí Mê Kông tại Kiên Giang chờ xử lý	7.839.154.020	-	-	7.839.154.020	-
Công ty Cổ phần TMHD Nam Sông Hậu	7.799.179.244	-	-	7.799.179.244	-
Công ty TNHH Xây dựng thương mại và Dịch vụ 1932	6.875.172.043	-	-	6.875.172.043	-
Công ty TNHH Hương Giang	6.315.000.000	6.315.000.000	-	6.315.000.000	6.315.000.000
Công ty Cổ phần Dầu khí Kiên Giang	4.412.890.390	-	-	4.412.890.390	-
Công ty Cổ phần Vận tải Thành Phát	4.270.513.122	-	-	4.270.513.122	-
Tổng Công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí	3.681.404.379	3.681.404.379	-	3.681.404.379	3.681.404.379
Công ty Cổ phần Thương mại Phương Hoàng	3.287.903.374	-	-	3.287.903.374	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Dầu khí Hồng Việt	3.145.082.500	-	-	3.145.082.500	-
Công ty TNHH Công nghiệp Ngôi sao xanh	2.700.000.000	2.700.000.000	-	2.700.000.000	2.700.000.000
Công ty Cổ phần Trung Nam	2.516.000.000	-	-	2.516.000.000	-
Công ty TNHH Thương mại & Dịch vụ Hưng Nghiệp	2.255.318.300	836.000.000	-	2.255.318.300	836.000.000
Công ty Cổ phần Itasco Lâm Đồng	2.169.153.465	-	-	4.616.066.901	-
Đỗ Văn Trực	2.066.082.640	-	-	2.066.082.640	-
Công ty TNHH Kumho Samco Buslines	1.712.601.433	1.712.601.433	-	-	-
Võ Hữu Thuyền	1.104.148.576	-	-	1.104.148.576	-
Công ty Cổ phần Dầu khí Dương Đông Kiên Giang	-	-	-	41.434.776.646	-
Khách hàng khác	137.472.384.606	-	-	-	-
		<u>13.590.763.630</u>	<u>148.012.989.757</u>	<u>25.298.246.740</u>	
	847.482.251.897	28.835.769.442	901.191.945.697	38.830.651.119	

Chuẩn mực kế toán Việt Nam cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị có thể thu hồi của các khoản phải thu. Theo đó, tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đánh giá thận trọng và xác định giá trị có thể thu hồi của các khoản phải thu như sau:

Dựa trên giá trị sổ sách trừ giá trị dự phòng phải thu khó đòi đã trích lập đối với những khoản phải thu không có tài sản đảm bảo.

Đối với các khoản công nợ phải thu có giá trị tài sản đảm bảo lớn hơn giá trị phải thu, giá trị có thể thu hồi xác định bằng giá gốc của khoản phải thu. Đối với các khoản công nợ có tài sản đảm bảo nhỏ hơn giá trị phải thu, giá trị có thể thu hồi được xác định bằng giá trị sổ sách trừ giá trị của tài sản đảm bảo và trừ dự phòng phải thu khó đòi đã trích lập.

9. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi đường	122.371.537.818		151.953.156.293	-
Nguyên liệu, vật liệu	452.687.455.503	(1.014.618.341)	302.951.209.865	(1.014.618.341)
Công cụ, dụng cụ	12.824.858.645		12.759.009.450	-
Thành phẩm tồn kho	156.837.458.917		189.211.923.671	-
Hàng hóa	1.831.080.811.128	(78.361.150)	1.172.349.096.664	(734.206.893)
Hàng gửi đi bán	3.562.515.982		22.509.769	-
	2.579.364.637.993	(1.092.979.491)	1.829.246.905.712	(1.748.825.234)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã đánh giá giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho và đã trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho với số tiền là 1.092.979.491 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020: 1.748.825.234 đồng) đối với các mặt hàng có giá trị thuần thấp hơn giá gốc tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Trong năm, Tổng Công ty đã hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho với số tiền là 734.206.893 đồng (năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020: hoàn nhập 24.435.770 đồng).

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Ngắn hạn		
Chi phí trả trước về thuê hoạt động tài sản cố định	4.977.219.523	4.406.139.259
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	1.012.470.632	1.197.240.195
Các khoản trả trước ngắn hạn khác	27.118.790.194	24.715.472.002
	33.108.480.349	30.318.851.456
b. Dài hạn		
Chi phí trả trước về thuê hoạt động	423.172.265.521	394.292.946.638
Giá trị thương hiệu và lợi thế vị trí địa lý (i)	263.497.684.069	242.876.845.531
Lợi thế kinh doanh	-	36.653.911.311
Chi phí san lấp mặt bằng	17.936.068.702	18.544.071.034
Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	23.897.816.566	21.916.397.157
Chi phí sửa chữa, bảo dưỡng chờ phân bổ	28.567.182.145	13.657.634.132
Chi phí trả trước dài hạn khác	92.171.703.935	109.790.770.506
	849.242.720.938	837.732.576.309

- i. Bao gồm giá trị thương hiệu và lợi thế vị trí địa lý đối với đất thuê trả tiền hàng năm ghi nhận vào giá trị Tổng Công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư - CTCP ("PETEC" - một công ty con của Tổng Công ty) khi cổ phần hóa ngày 18 tháng 5 năm 2011 với số tiền tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 198.162.166.312 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020: 201.191.937.846 đồng).



11. THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG ĐƯỢC KHẤU TRỪ

Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là phần thuế giá trị gia tăng đầu vào mà Tổng Công ty chưa thực hiện khấu trừ. Việc khấu trừ khoản thuế này trong năm tiếp theo sẽ phụ thuộc vào việc kê khai của Tổng Công ty và sự kiểm tra, phê duyệt của cơ quan thuế địa phương.

12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số được khấu trừ/đã thực nộp trong năm	Số cuối năm
	VND	VND	VND	VND
Các khoản thuế phải thu Nhà nước	59.532.310.803	22.847.842.319	68.384.827.689	105.069.296.173
Thuế GTGT hàng bán nội địa	657.550.192	3.637.889.287	3.229.886.388	249.547.293
Thuế tiêu thụ đặc biệt	36.930.013.723	-	51.874.798.306	88.804.812.029
Thuế thu nhập doanh nghiệp	21.735.897.164	8.416.413.396	812.807.984	14.132.291.752
Thuế thu nhập cá nhân	169.019.499	60.976.565	375.056.070	483.099.004
Thuế nhà đất	39.830.225	10.666.169.692	12.024.885.514	1.398.546.047
Các loại thuế khác	-	66.393.379	67.393.427	1.000.048
	59.532.310.803	22.847.842.319	68.384.827.689	105.069.296.173
Các khoản thuế phải trả, phải nộp Nhà nước	734.134.888.460	10.261.292.712.735	9.921.500.210.411	1.073.927.390.784
Thuế GTGT hàng bán nội địa	76.937.613.867	1.157.503.001.793	1.130.969.530.696	103.471.084.964
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	76.011.803.735	76.011.803.735	-
Thuế xuất, nhập khẩu	872.181.039	1.070.490.678.599	1.071.362.859.638	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	19.880.728.094	146.641.628.350	112.069.921.128	54.452.435.316
Thuế thu nhập cá nhân	3.362.143.439	17.408.201.254	15.731.301.946	5.039.042.747
Thuế tài nguyên	37.290.000	570.738.000	566.778.000	41.250.000
Thuế nhà đất	-	11.155.542.380	11.077.542.380	78.000.000
Thuế môn bài	-	524.175.335	524.175.335	-
Các loại thuế khác	633.044.932.021	7.780.986.943.289	7.503.186.297.553	910.845.577.757
Các khoản phải nộp khác	410.437.867	11.113.601.799	11.113.493.799	410.545.867
Các khoản phí, lệ phí	410.437.867	11.113.601.799	11.113.493.799	410.545.867
	734.545.326.327	10.272.406.314.534	9.932.613.704.210	1.074.337.936.651

Trong đó: chi tiết các khoản phải thu/phải trả

với cơ quan thuế tại nước ngoài như sau:

Các khoản thuế phải thu	656.750.192	656.750.192	-	-
Các khoản thuế phải trả	22.313.959.822	1.274.215.452.473	1.291.753.650.437	4.775.761.858

13. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	Thiết bị quản lý	Tài sản cố định hữu hình khác	Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ						
Số dư đầu năm	4.368.655.402.444	1.317.230.545.331	443.453.380.616	100.193.322.249	44.121.322.568	6.273.653.973.208
Tăng trong năm	15.743.568.155	21.482.812.219	25.698.096.961	9.911.145.791	171.502.803	73.007.125.929
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	124.604.280.696	68.813.138.330	2.748.530.182	193.939.392	321.805.000	196.681.693.600
Thanh lý, nhượng bán	(11.947.936.327)	(4.558.546.148)	(4.769.892.310)	(2.381.796.614)	(870.845.137)	(24.529.016.536)
Giảm khác	(26.872.866.158)	(15.509.685.867)	(4.421.708.684)	(2.130.870.962)	(1.369.766.026)	(50.304.897.697)
Số dư cuối năm	4.470.182.448.810	1.387.458.263.865	462.708.406.765	105.785.739.856	42.374.019.208	6.468.508.878.504
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Số dư đầu năm	2.625.219.727.953	981.599.446.713	339.743.119.743	80.291.370.639	37.948.447.981	4.064.802.113.029
Khấu hao trong năm	202.234.364.781	76.759.150.763	25.372.621.136	5.783.118.932	1.700.671.355	311.849.926.967
Thanh lý, nhượng bán	(9.952.349.572)	(4.558.546.148)	(4.769.892.310)	(209.534.545)	(500.557.407)	(19.990.879.982)
Giảm khác	(20.100.000.742)	(13.076.467.841)	(4.663.858.660)	(2.129.031.395)	(1.224.916.855)	(41.194.275.493)
Số dư cuối năm	2.797.401.742.420	1.040.723.583.487	355.681.989.909	83.735.923.631	37.923.645.074	4.315.466.884.521
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày đầu năm	1.743.435.674.491	335.631.098.618	103.710.260.873	19.901.951.610	6.172.874.587	2.208.851.860.179
Tại ngày cuối năm	1.672.780.706.390	346.734.680.378	107.026.416.856	22.049.816.225	4.450.374.134	2.153.041.993.983

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình bao gồm các tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 776.788.291.181 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020: 648.652.550.050 đồng).

Như trình bày tại Thuyết minh số 23 và Thuyết minh số 26, các tài sản cố định hữu hình được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 341.775.722.390 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020: 324.759.560.615 đồng).

14. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Tài sản cố định vô hình khác	Tổng
	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ				
Số dư đầu năm	1.678.489.149.268	87.356.777.058	1.373.735.751	1.767.219.662.077
Tăng trong năm	90.492.009.495	6.804.660.504	-	97.296.669.999
Đầu tư xây dựng cơ bản	16.328.440.773	9.025.000.000	-	25.353.440.773
hoàn thành				
Thanh lý, nhượng bán	(1.501.820.058)	-	-	(1.501.820.058)
Tăng, giảm khác	(26.909.659.202)	288.000.000	-	(26.621.659.202)
Số dư cuối năm	1.756.898.120.276	103.474.437.562	1.373.735.751	1.861.746.293.589
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Số dư đầu năm	177.745.960.099	60.132.253.934	994.984.438	238.873.198.471
Khấu hao trong năm	25.540.931.057	4.899.318.950	59.706.224	30.499.956.231
Thanh lý, nhượng bán	(352.339.176)	-	-	(352.339.176)
Tăng, giảm khác	(806.086.507)	816.028.231	76.106.580	86.048.304
Số dư cuối năm	202.128.465.473	65.847.601.115	1.130.797.242	269.106.863.830
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày đầu năm	1.500.743.189.169	27.224.523.124	378.751.313	1.528.346.463.606
Tại ngày cuối năm	1.554.769.654.803	37.626.836.447	242.938.509	1.592.639.429.759

Nguyên giá của tài sản cố định vô hình bao gồm các tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 17.324.093.385 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020: 12.111.285.425 đồng).

Như trình bày tại Thuyết minh số 23 và số 26, giá trị quyền sử dụng đất của Tổng Công ty và các công ty con với tổng giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 105.148.890.701 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020: 117.253.295.966 đồng) được dùng để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, chi tiết các lô đất chưa được cấp/sang tên và chưa được gia hạn quyền sử dụng đất cho Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Sài Gòn (PVOIL Sài Gòn - Công ty con của Tổng Công ty) như sau:

STT	Lô đất	Địa chỉ	Chủ sở hữu	Nguyên giá tại ngày 31/12/2021	Ghi chú
				VND	
1	CHXD số 5	Ấp Tân Bình 1, xã Long Phú, huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang	Chưa được cấp quyền sử dụng đất	334.915.334	Tổng diện tích lô đất là 1.154,5m ² . Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Sài Gòn đã thực hiện xong việc xin cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất đối với phần diện tích 854,5m ² , còn lại 300m ² nằm trong phạm vi hành lang an toàn đường thủy nên không được cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất.
2	CHXD số 40	Ấp Nàng Rền, thị trấn Phú Lộc, huyện Thạch Trị, tỉnh Sóc Trăng	Xí nghiệp Xăng dầu Dầu khí Sài Gòn	1.918.019.831	Hiện nay, lô đất này đang đứng tên Xí nghiệp Xăng dầu Dầu khí Sài Gòn (đơn vị tiền thân của Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Sài Gòn).
3	CHXD số 63	5/4, ấp 1B, Bến Lức, Long An	Ông Nguyễn Văn Chúng	384.695.116	Tổng diện tích lô đất là 1.632m ² , trong đó chỉ còn 300m ² đất ở, 200m ² đất trồng lúa chưa sang tên cho Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Sài Gòn. CHXD hoạt động trên 1.132m ² đất sản xuất kinh doanh đã sang tên.
4	Lô đất Cần Giờ	Thành phố Hồ Chí Minh	Xí nghiệp Xăng dầu Dầu khí Sài Gòn	14.950.957.950	Hiện nay, Lô đất này đang đứng tên Xí nghiệp XDDK Sài Gòn (đơn vị tiền thân của Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Sài Gòn). Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Sài Gòn đã nộp hồ sơ xin cấp lại giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất.
5	Lô đất Ba Láng	Cần Thơ	Bà Hoàng Hải Hà	10.592.491.299	Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Sài Gòn chưa hoàn thiện việc chuyển mục đích sử dụng đất. Tổng diện tích lô đất là 1.967,8m ² . Trong đó mới chỉ đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được 618,3m ² , bao gồm 300m ² đất ở và 318,3m ² đất sản xuất kinh doanh.
6	CHXD số 31	Tỉnh lộ 38, ấp Thào Lạng, xã Vĩnh Thạnh, thị xã Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu		1.521.855.500	Quyền sử dụng đất hết hạn tháng 12/2016, chưa gia hạn quyền sử dụng đất.
				29.702.935.030	

15. TĂNG, GIẢM BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ CHO THUÊ

	Nhà xưởng và vật kiến trúc	Khác	Tổng
	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ			
Số dư đầu năm	138.601.406.545	771.255.889	139.372.662.434
Giảm trong năm	(57.810.184)	-	(57.810.184)
Số dư cuối năm	138.543.596.361	771.255.889	139.314.852.250
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư đầu năm	26.034.972.012	771.255.889	26.806.227.901
Khấu hao trong năm	3.965.051.736	-	3.965.051.736
Số dư cuối năm	30.000.023.748	771.255.889	30.771.279.637
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày đầu năm	112.566.434.533	-	112.566.434.533
Tại ngày cuối năm	108.543.572.613	-	108.543.572.613

Trong năm, Tổng Công ty thu được từ việc cho thuê bất động sản đầu tư (toàn bộ bất động sản đầu tư được cho thuê theo hình thức thuê hoạt động) là 27.452.506.572 đồng (năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020: 20.985.226.514 đồng). Chi phí trực tiếp cho hoạt động kinh doanh phát sinh từ bất động sản đầu tư trong năm là 14.978.587.035 đồng (năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020: 9.400.331.448 đồng).

Nguyên giá của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 bao gồm các bất động sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn cho thuê với giá trị là 886.142.245 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020: 886.142.245 đồng).

Theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 05 - *Bất động sản đầu tư*, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 cần được trình bày. Tuy nhiên, Tổng Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý này nên giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 chưa được trình bày trên Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất. Để xác định được giá trị hợp lý này, Tổng Công ty sẽ phải thuê một công ty tư vấn độc lập đánh giá giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư. Hiện tại, Tổng Công ty chưa tìm được công ty tư vấn phù hợp để thực hiện công việc này

16. CHI PHÍ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
Kho cảng Xăng dầu Cái Mép - Tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu (i)	56.164.171.321	56.164.171.321
Đầu tư xây dựng các cửa hàng xăng dầu	29.282.481.081	25.857.515.858
Kho Trung chuyển xăng dầu Hợp Thịnh - Kỳ Sơn, Hòa Bình (ii)	5.683.769.124	11.683.769.124
Kho xăng dầu Nghi Sơn	-	111.508.151.581
Dự án mở rộng kho xăng dầu Nghi Sơn - giai đoạn 1	-	20.262.054.022
Dự án nâng cấp và mở rộng nhà máy chế biến Condensate Phú Mỹ	-	7.258.066.196
Công trình khác	17.856.381.511	17.047.922.052
	<u>108.986.803.037</u>	<u>249.781.650.154</u>

- i. Thể hiện giá trị san lấp mặt bằng giai đoạn 02 của Kho cảng Xăng dầu Cái Mép - Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Theo Thông báo số 7524/TB-DKVN ngày 25 tháng 9 năm 2012 của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, Tổng Công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư - CTCP ("PETEC"- một công ty con của Tổng Công ty) đã tạm dừng đầu tư và đang chờ quyết định về việc tiếp tục triển khai dự án này trong thời gian tới.
- ii. Theo Quyết định số 46/QĐ-SKHĐT ngày 23 tháng 4 năm 2021 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hòa Bình, Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Phú Thọ ("PV Oil Phú Thọ" - một công ty con của Tổng Công ty) đã chấm dứt việc tiếp tục triển khai dự án này để tìm đối tác chuyển nhượng. Tại ngày 22 tháng 6 năm 2021, PV Oil Phú Thọ cùng Công ty TNHH Petro Bình Minh và Ủy ban nhân dân Xã Thịnh Minh, Thành phố Hòa Bình, Tỉnh Hòa Bình đã thực hiện bàn giao đất trên thực địa.

17. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN DOANH, LIÊN KẾT

a. Đầu tư vào công ty liên kết

	<u>Năm nay</u> VND	<u>Năm trước</u> VND
Số dư đầu năm	668.958.734.421	693.143.806.812
Phần lãi/(lỗ) phát sinh trong năm	22.818.354.615	(13.894.781.608)
Cổ tức được chia trong năm	(6.075.606.000)	(14.377.832.000)
Các khoản trích quỹ và điều chỉnh khác trong năm	(4.492.640.653)	4.087.541.217
Phần lãi phát sinh do thanh lý công ty liên kết trong năm	2.405.480.000	-
Phần (lỗ) phát sinh do giảm tỷ lệ sở hữu tại công ty liên kết trong năm	(58.615.450.713)	-
Số dư cuối năm (*)	<u>624.998.871.670</u>	<u>668.958.734.421</u>

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, giá trị khoản đầu tư của Tổng Công ty vào Công ty Cổ phần Hóa dầu và Nhiên liệu Sinh học Dầu khí (công ty liên kết của Tổng Công ty) được phản ánh

theo phương pháp vốn chủ sở hữu trên báo cáo tài chính hợp nhất với giá trị là 272.915.527.557 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020: 273.373.642.647 đồng). Theo Thông báo số 385/TB-VPCP ngày 02 tháng 10 năm 2018 của Văn phòng Chính phủ, Công ty Cổ phần Hóa dầu và Nhiên liệu Sinh học Dầu khí được đề nghị xem xét phương án giải thể, phá sản theo quy định pháp luật. Ngày 24 tháng 10 năm 2018, Hội đồng Quản trị Tổng Công ty đã gửi văn bản trình Tập đoàn Dầu khí Việt Nam về việc triển khai phương án phá sản Công ty Cổ phần Hóa dầu và Nhiên liệu Sinh học Dầu khí. Ngày 10 tháng 12 năm 2018, Tổng Công ty đã gửi Công văn số 211/DVN-TCKT cho Tập đoàn Dầu khí Việt Nam để đề xuất được xác định lại khoản đầu tư này về mức không đồng (0 đồng) khi thực hiện quyết toán cổ phần hóa và trong quá trình thực hiện thủ tục phá sản dự án, nếu có phát sinh thu hồi từ thanh lý tài sản tại Nhà máy nhiên liệu sinh học Phú Thọ, Tổng Công ty sẽ nộp toàn bộ về Quỹ Hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp. Vấn đề này đã được Tập đoàn Dầu khí Việt Nam xin ý kiến xử lý của Ủy Ban Quản lý vốn Nhà nước tại doanh nghiệp trong Công văn số 3540/DKVN-HĐTV ngày 01 tháng 7 năm 2019 về sắp xếp lại, xử lý nhà đất và khó khăn vướng mắc trong quyết toán cổ phần hóa PVOIL. Tại ngày phát hành báo cáo tài chính hợp nhất này, Tổng Công ty vẫn chưa nhận được phản hồi từ Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, Ủy Ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp và các cơ quan có thẩm quyền về việc triển khai phương án phá sản Công ty Cổ phần Hóa dầu và Nhiên liệu Sinh học Dầu khí.

Thông tin tài chính tóm tắt về các công ty liên kết của Tổng Công ty được trình bày như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tổng tài sản	5.148.338.862.279	5.972.523.952.248
Tổng công nợ	3.973.252.402.563	4.501.101.095.779
Tài sản thuần	1.175.086.459.716	1.471.422.856.469
Phần tài sản thuần của Tổng Công ty trong công ty liên kết	624.998.871.670	668.958.734.421
	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Doanh thu	7.270.964.815.886	10.443.245.189.720
(Lỗ) thuần	(73.168.707.412)	(101.630.485.987)
Phần lãi/(lỗ) thuần của Tổng Công ty trong công ty liên kết	22.818.354.615	(13.894.781.608)

b. Góp vốn liên doanh

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Số dư đầu năm	38.639.257.647	32.245.772.734
Phần lãi phát sinh trong năm	48.219.849.007	6.118.820.270
Cổ tức được chia trong năm	(1.971.202.500)	-
Các khoản trích quỹ và điều chỉnh khác trong năm	(1.447.442.638)	274.664.643
Số dư cuối năm	83.440.461.516	38.639.257.647

Thông tin tài chính tóm tắt về các công ty liên doanh của Tổng Công ty được trình bày như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tổng tài sản	2.322.976.531.396	1.909.533.238.827
Tổng công nợ	2.883.019.018.307	2.618.329.961.483
Tài sản thuần	(560.042.486.911)	(708.796.722.655)
Phần tài sản thuần của Tổng Công ty trong công ty liên doanh	83.440.461.516	38.639.257.647
	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Doanh thu	3.709.624.507.738	609.271.569.965
Lãi/(lỗ) thuần	172.962.092.487	(121.718.779.140)
Phần lãi thuần của Tổng Công ty trong công ty liên doanh	48.219.849.007	6.118.820.270

18. ĐẦU TƯ GÓP VỐN VÀO ĐƠN VỊ KHÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau (i)	47.556.518.371	-
Công ty Cổ phần Phát triển Đông Dương Xanh	7.263.016.037	7.263.016.037
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương	9.753.141.763	9.753.141.763
Công ty Cổ phần Khách sạn Lam Kinh	10.549.395.047	10.549.395.047
Công ty Cổ phần Âu Lạc	26.482.144.914	26.482.144.914
Công ty Cổ phần Nhiên liệu Sài Gòn	4.736.610.000	4.736.610.000
Công ty Cổ phần Vận tải Việt Tín	7.000.000.000	7.000.000.000
Đầu tư dài hạn khác	5.638.738.529	5.678.738.529
	118.979.564.661	71.463.046.290
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	(26.088.349.230)	(25.107.093.547)
	92.891.215.431	46.355.952.743

(i) Ngày 23 tháng 3 năm 2021, Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau đã có công văn số 24/2021/BC-TNCM gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh và Trung tâm lưu ký chứng khoán TP. Hồ Chí Minh về việc báo cáo kết quả chào bán cổ phiếu ra công chúng, theo đó Tổng Công ty đã từ chối quyền mua thêm cổ phần của Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau trong đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng lần này. Theo đó, tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, tỷ lệ vốn góp của Tổng Công ty tại Công ty Cổ phần Thương Nghiệp Cà Mau



là 16,30% (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 24,48%), khoản đầu tư này được phân loại sang khoản mục “Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác”.

Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chưa thu thập được thông tin để xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác nên giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 chưa được trình bày trên Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

19. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

	<u>Giá trị</u> <u>VND</u>
NGUYÊN GIÁ	
Số dư đầu năm	223.644.147.290
Tăng do sáp nhập công ty con	3.274.100.000
Số dư cuối năm	226.918.247.290
HAO MÒN	
Số dư đầu năm	214.537.216.295
Phân bổ lợi thế thương mại trong năm	6.272.603.990
Số dư cuối năm	220.809.820.285
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
Số dư đầu năm	9.106.930.995
Số dư cuối năm	6.108.427.005

20. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Số có khả năng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Số có khả năng</u>
	<u>VND</u>	<u>trả nợ</u>	<u>VND</u>	<u>trả nợ</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Công ty Cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn	2.365.350.973.092	2.365.350.973.092	944.265.324.925	944.265.324.925
Chi nhánh Phân phối Sản phẩm Lọc dầu Nghi Sơn - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	1.806.200.083.832	1.806.200.083.832	786.001.646.472	786.001.646.472
Brunei Shell Petroleum Company Sdn Bhd	495.227.255.954	495.227.255.954	-	-
Premier Oil Vietnam Offshore B.V	263.368.204.760	263.368.204.760	-	-
Santos Petroleum Ventures B.V	158.020.069.499	158.020.069.499	-	-
Tổng Công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí	111.922.794.103	111.922.794.103	153.671.700.393	153.671.700.393
Gazprom EP International B.V	83.374.458.284	83.374.458.284	-	-
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	47.420.381.577	47.420.381.577	70.767.827.739	70.767.827.739
Tổng Công ty Khí Việt Nam - CTCP	4.127.817.392	4.127.817.392	2.224.215.174	2.224.215.174
Công ty TNHH Dầu khí Việt Nhật	4.584	4.584	53.348.861.167	53.348.861.167
Các đối tượng khác	1.064.012.064.436	1.064.012.064.436	386.073.026.362	386.073.026.362



	<u>6.399.024.107.514</u>	<u>6.399.024.107.514</u>	<u>2.396.352.602.232</u>	<u>2.396.352.602.232</u>
<i>Trong đó: Phải trả người bán ngắn hạn là các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 41)</i>	4.352.810.652.946	4.352.810.652.946	1.967.726.238.441	1.967.726.238.441

21. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Chi phí mua hàng trích trước	8.296.731.600	106.608.957.369
Chi phí trích trước tạm tính giá vốn hàng hóa, chi phí kinh doanh	1.916.419.330	363.480.253
Chi phí lãi vay	7.345.113.135	4.020.258.765
Các khoản chi phí phải trả khác	31.131.435.772	23.872.428.636
	48.689.699.837	134.865.125.023
<i>Trong đó: Chi phí phải trả cho các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 41)</i>	9.253.261.611	72.433.530.915

22. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Thu hộ, trả hộ tiền dầu thô xuất khẩu ủy thác	3.816.547.115.093	3.084.096.897.922
Thu hộ, trả hộ tiền dầu nhập khẩu ủy thác	228.409.628	14.604.280.132
Thuế xuất khẩu dầu thô thu hộ, trả hộ	54.774.371.679	4.149.656.832
Phải trả về cổ phần hóa (i)	5.078.241.760	124.763.746.767
Phải trả tiền thu từ bán cổ phần (ii)	6.508.956.732	6.508.956.732
Phải trả, phải nộp khác	34.489.159.984	81.928.298.826
	3.917.626.254.876	3.316.051.837.211
<i>Trong đó: Phải trả ngắn hạn khác là các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 41)</i>	1.836.172.573.859	1.731.578.882.702

- i. Phản ánh khoản phải trả về cổ phần hóa sau khi ghi nhận đủ số vốn điều lệ của Tổng Công ty sau cổ phần hóa là 10.342.295.000.000 đồng theo Quyết định số 1979/QĐ-TTg ngày 08 tháng 12 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ. Giá trị này có thể được điều chỉnh lại khi có phê duyệt cuối cùng của Cơ quan có thẩm quyền. Trong năm, Tổng Công ty đã chuyển 119.996.417.768 đồng về Quỹ hỗ trợ và sắp xếp doanh nghiệp theo hướng dẫn tại Nghị định số 126/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2017 của Chính phủ và Thông tư số 41/2018/TT-BTC ngày 04 tháng 5 năm 2018 của Bộ Tài chính.
- ii. Phản ánh số tiền Tổng Công ty thu được khi thực hiện chào bán cổ phần ra công chúng và phải trả cho chủ sở hữu số tiền thu từ việc chào bán cổ phần này. Khoản tiền thu về cổ phần hóa này sẽ được quyết toán và có thể được điều chỉnh khi có phê duyệt cuối cùng của Cơ quan có thẩm quyền.

23. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	Số đầu năm		Trong năm		Số cuối năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn	3.973.723.091.648	3.973.723.091.648	22.333.827.760.162	21.701.111.836.145	4.606.439.015.665	4.606.439.015.665
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 26)	27.279.363.325	27.279.363.325	29.980.395.116	30.127.760.215	27.131.998.226	27.131.998.226
Nợ thuê tài chính dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 26)	-	-	1.003.914.430	1.003.914.430	-	-
	<u>4.001.002.454.973</u>	<u>4.001.002.454.973</u>	<u>22.364.812.069.708</u>	<u>21.732.243.510.790</u>	<u>4.633.571.013.891</u>	<u>4.633.571.013.891</u>

Vay ngắn hạn thể hiện các khoản vay từ các ngân hàng và các cá nhân để bổ sung vốn lưu động của Tổng Công ty và Công ty con. Các khoản vay từ các ngân hàng có thể rút bằng Đồng Việt Nam, KIP Lào hoặc Đô la Mỹ theo từng hạn mức tín dụng ký kết với các ngân hàng. Các khoản vay từ các ngân hàng chịu lãi suất quy định theo từng lần nhận nợ, dao động từ 2,6% đến 3,0%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020: từ 1,15% đến 1,2%/năm) đối với Đô la Mỹ, dao động từ 1,75% đến 9,5%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020: từ 1,25% đến 9,2%/năm) đối với Đồng Việt Nam và 8%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020: từ 7,2% đến 8%/năm) đối với đồng KIP Lào. Các khoản vay có số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 384.186.459.455 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020: 402.593.811.068 đồng) được đảm bảo bằng tài sản cố định, các khoản vay còn lại được bảo đảm bằng tín chấp.

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn của Tổng Công ty theo đồng tiền giải ngân như sau:

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
Vay bằng VND	4.293.539.371.743	3.649.415.121.271
Vay bằng LAK	292.713.309.922	217.118.869.293
Vay bằng USD	20.186.334.000	107.189.101.084
	<u>4.606.439.015.665</u>	<u>3.973.723.091.648</u>

Các khoản vay ngắn hạn của Tổng Công ty phân loại theo loại hình đảm bảo như sau:

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
Vay tín chấp	4.248.244.554.436	3.571.129.280.580
Vay có tài sản đảm bảo của Tổng Công ty	358.194.461.229	402.593.811.068
	<u>4.606.439.015.665</u>	<u>3.973.723.091.648</u>

Các khoản vay ngắn hạn của Tổng Công ty được ký hợp đồng theo lãi suất thả nổi. Các khoản vay ngắn hạn được phân loại theo lãi suất vay như sau:

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
Vay theo lãi suất cố định	4.606.439.015.665	3.973.723.091.648
	<u>4.606.439.015.665</u>	<u>3.973.723.091.648</u>

24. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
Quỹ dự phòng rủi ro và bồi thường thiệt hại môi trường (i)	44.737.637.099	27.302.545.880
Dự phòng phải trả ngắn hạn khác	1.715.816.472	-
	<u>46.453.453.571</u>	<u>27.302.545.880</u>

- (i) Ngày 20 tháng 6 năm 2016, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 86/2016/TT-BTC (“Thông tư 86”) hướng dẫn một số nội dung về quỹ dự phòng rủi ro, bồi thường thiệt hại về môi trường theo quy định tại Nghị định số 19/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành luật bảo vệ môi trường. Tổng Công ty đã áp dụng Thông tư này và trích lập quỹ dự phòng rủi ro, bồi thường thiệt hại về môi trường với số dư lũy kế đến ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 44.737.637.099 đồng.



25. QUỸ BÌNH ỔN GIÁ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Số dư đầu năm	438.962.299.436	(198.578.419.135)
Trích quỹ trong năm	119.681.213.700	1.136.409.785.318
Lãi phát sinh	149.653.418	435.688.829
Sử dụng quỹ trong năm	(1.335.483.344.809)	(497.043.946.838)
Lãi tính trên số dư Quỹ bình ổn giá âm	-	(2.260.808.738)
Số dư cuối năm	(776.690.178.255)	438.962.299.436
<i>Trong đó:</i>		
Số dư đã chuyển tiền gửi ngân hàng	-	524.881.731.236
Số dư tài khoản Quỹ Bình ổn chưa được kết chuyển	(776.690.178.255)	(85.919.431.800)

Việc trích lập và sử dụng Quỹ bình ổn giá xăng dầu được thực hiện theo các quy định của Bộ Tài chính tại các thời điểm khác nhau (như trình bày chi tiết tại Thuyết minh số 3 - Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu, mục “Quỹ bình ổn giá xăng dầu”). Trong năm, Tổng Công ty thực hiện trích lập và sử dụng quỹ bình ổn giá xăng dầu theo các quy định hiện hành. Phần chênh lệch trích và sử dụng quỹ bình ổn giá xăng dầu phát sinh sẽ được thực hiện theo các hướng dẫn của Bộ Tài chính trong thời gian tiếp theo.

26. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Số đầu năm		Trong năm		Số cuối năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a. Các khoản vay dài hạn (i)	120.946.450.070	120.946.450.070	69.164.330.924	60.108.155.331	130.002.625.663	130.002.625.663
Trong đó:						
Số phải trả trong vòng 12 tháng (Thuyết minh số 23)	27.279.363.325	27.279.363.325	29.980.395.116	30.127.760.215	27.131.998.226	27.131.998.226
Số phải trả sau 12 tháng	93.667.086.745	93.667.086.745	39.183.935.808	29.980.395.116	102.870.627.437	102.870.627.437
b. Nợ thuê tài chính dài hạn (ii)	-	-	3.456.517.157	2.007.828.860	1.448.688.297	1.448.688.297
Trong đó:						
Số phải trả trong vòng 12 tháng (Thuyết minh số 23)	-	-	1.003.914.430	1.003.914.430	-	-
Số phải trả sau 12 tháng	-	-	2.452.602.727	1.003.914.430	1.448.688.297	1.448.688.297
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	93.667.086.745	93.667.086.745	41.636.538.535	30.984.309.546	104.319.315.734	104.319.315.734
Số phải trả trong vòng 12 tháng (Thuyết minh số 23)	27.279.363.325	27.279.363.325	30.984.309.546	31.131.674.645	27.131.998.226	27.131.998.226
	120.946.450.070	120.946.450.070	72.620.848.081	62.115.984.191	131.451.313.960	131.451.313.960

Chi tiết các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn như sau:

- i. Các khoản vay dài hạn cho mục đích tài trợ các dự án đầu tư mở rộng kho xăng dầu tại Tổng Công ty và các Công ty con. Các khoản vay chịu lãi suất từ 6,0% đến 11,0%/năm (năm 2020 từ 7% đến 10,65%/năm) đối với các khoản vay bằng Đồng Việt Nam. Các khoản vay này được bảo đảm bằng: (i) tài sản hình thành từ dự án Tổng kho xăng dầu Vũng Áng và các tài sản cố định khác; (ii) tài sản hình thành từ dự án Kho trung chuyển tại Nam Định, Giá trị quyền sử dụng đất CHXD Giao Thủy, Quyền sử dụng đất CH Nhân Chính; (iii) tài sản của cửa hàng xăng dầu Thanh Quang; (iv) công trình khu bồn chứa xăng dầu Phú Thọ; (v) một xe ô tô và một phần tài sản thuộc Dự án “Kho xăng dầu Nghi Sơn”; (vi) quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền trên đất và các tài sản cố định khác của các Công ty con.



- ii. Khoản nợ thuê tài chính dài hạn cuối năm là khoản vay có thời hạn 36 tháng của Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Sài Gòn và khoản vay có thời hạn 48 tháng của Tổng Công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư – CTCP đối với Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam, lãi suất theo thỏa thuận tại hợp đồng thuê tài chính.

Chi tiết các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn của Tổng Công ty theo đồng tiền giải ngân như sau:

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
Vay và nợ thuê tài chính bằng VND	131.451.313.960	120.946.450.070
	<u>131.451.313.960</u>	<u>120.946.450.070</u>

Các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn của Tổng Công ty phân loại theo loại hình đảm bảo như sau:

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
Vay tín chấp	7.897.000.000	2.192.000.000
Vay có tài sản đảm bảo	123.554.313.960	118.754.450.070
	<u>131.451.313.960</u>	<u>120.946.450.070</u>

Các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn của Tổng Công ty được ký hợp đồng theo lãi suất thả nổi. Các khoản vay và nợ thuê tài chính được phân loại theo lãi suất vay như sau:

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
Vay và nợ thuê tài chính theo lãi suất thả nổi	12.952.312.118	72.265.255.570
Vay và nợ thuê tài chính theo lãi suất cố định	118.499.001.842	48.681.194.500
	<u>131.451.313.960</u>	<u>120.946.450.070</u>

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
Trong vòng một năm	27.131.998.226	27.279.363.325
Trong năm thứ hai	34.592.838.649	23.702.943.502
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	56.440.734.014	54.074.755.101
Sau năm năm	13.285.743.071	15.889.388.142
	<u>131.451.313.960</u>	<u>120.946.450.070</u>
Trừ: Số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần Vay dài hạn đến hạn trả - Thuyết minh số 23)	27.131.998.226	27.279.363.325
Số phải trả sau 12 tháng	<u>104.319.315.734</u>	<u>93.667.086.745</u>



27. THUẾ THU NHẬP HOÃN LẠI PHẢI TRẢ

Dưới đây là thuế thu nhập hoãn lại phải trả ghi nhận trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày kết thúc niên độ kế toán và thu nhập/chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị thuế thu nhập hoãn lại phải trả	20%	20%
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế	130.346.505.498	140.206.299.008
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	<u>130.346.505.498</u>	<u>140.206.299.008</u>
Kết chuyển vào kết quả kinh doanh trong năm	(9.859.793.510)	31.843.522.540

28. VỐN CHỦ SỞ HỮU:

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu:

	Vốn góp của chủ sở hữu	Chênh lệch đánh giá lại tài sản (i)	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Lỗi lũy kế	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	Vốn khác của chủ sở hữu	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<i>Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020</i>										
Số dư đầu năm	10.342.295.000.000	(167.017.350.614)	199.418.329.107	(10.231.793.325)	8.604.488.811	(750.642.854.533)	5.959.092.576	(1.782.841.473)	1.218.623.471.283	10.845.225.541.832
Lỗi trong năm	-	-	-	-	-	(166.119.310.667)	-	-	-	(166.119.310.667)
Trích các quỹ trong năm	-	-	9.572.483.935	-	-	(33.749.800.081)	-	-	(9.158.757.908)	(33.336.074.054)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông không kiểm soát	-	-	-	-	-	53.926.715.718	-	-	(53.926.715.718)	-
Điều chỉnh cho cổ đông không kiểm soát	-	-	(3.608.889.961)	-	(4.494.827.259)	12.767.647.869	-	-	-	4.663.930.649
Chênh lệch do chuyển đổi báo cáo tài chính	-	-	-	-	6.548.792.532	-	-	-	4.494.827.259	11.043.619.791
Thay đổi do chuyển PVOIL Ninh Bình thành công ty liên kết	-	-	(136.738.101)	(92.603)	-	2.897.557.710	-	-	(44.952.124.567)	(42.191.397.561)
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	-	-	(37.203.649.214)	(37.203.649.214)
Khác	-	-	1.287.548.664	-	-	(17.897.296.758)	-	-	382.122.234	(16.227.625.860)
Số dư cuối năm	10.342.295.000.000	(167.017.350.614)	206.532.733.644	(10.231.885.928)	10.658.454.084	(898.817.340.742)	5.959.092.576	(1.782.841.473)	1.078.259.173.369	10.565.855.034.916
<i>Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021</i>										
Số dư đầu năm	10.342.295.000.000	(167.017.350.614)	206.532.733.644	(10.231.885.928)	10.658.454.084	(898.817.340.742)	5.959.092.576	(1.782.841.473)	1.078.259.173.369	10.565.855.034.916
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	772.863.367.054	-	-	-	772.863.367.054
Trích các quỹ trong năm	-	-	7.397.735.814	-	-	(126.675.539.817)	-	-	(26.418.808.994)	(145.696.612.997)
Phân loại lại giữa các quỹ	-	-	-	8.641.050.778	-	(8.641.050.778)	-	-	-	-
Tặng do sáp nhập công ty con	-	-	-	21.396.832.623	-	-	-	-	-	21.396.832.623
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông không kiểm soát	-	-	-	-	-	(168.042.382.874)	-	-	168.042.382.874	-
Điều chỉnh cho cổ đông không kiểm soát	-	-	(2.432.646.270)	-	9.736.431.944	28.851.455.264	-	-	-	36.155.240.938
Chênh lệch do chuyển đổi báo cáo tài chính	-	-	-	-	(41.508.051.369)	-	-	-	(9.736.431.944)	(51.244.483.313)
Tặng vốn công ty con bằng cổ tức	-	-	-	-	-	(2.765.183.252)	-	2.765.183.252	-	-
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	-	-	(30.474.486.541)	(30.474.486.541)
Khác	-	3.035.904.464	(39.882.945)	-	(452.922)	1.314.632.037	(632.232.633)	17.985.460.000	(5.376.485.832)	16.286.942.169
Số dư cuối năm	10.342.295.000.000	(163.981.446.150)	211.457.940.243	19.805.997.473	(21.113.618.263)	(401.912.043.108)	5.326.859.943	18.967.801.779	1.174.295.342.932	11.185.141.834.849



- (i) Chênh lệch đánh giá lại tài sản thể hiện khoản điều chỉnh hợp nhất cho khoản chênh lệch giữa giá trị của các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết phát sinh từ việc điều chỉnh giá trị doanh nghiệp theo kết quả của Kiểm toán Nhà nước và đã được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt cho mục đích xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa với giá trị vốn chủ sở hữu tại các công ty nhận đầu tư.

Cổ phiếu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	200.445.036	200.445.036
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>200.445.036</i>	<i>200.445.036</i>
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.034.229.500	1.034.229.500
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>1.034.229.500</i>	<i>1.034.229.500</i>
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu.

Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 17 ngày 01 tháng 8 năm 2018, vốn điều lệ của Tổng Công ty sau khi chuyển thành công ty cổ phần là 10.342.295.000.000 VND. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, vốn điều lệ đã được cổ đông góp đủ như sau:

	<u>Số lượng</u>	<u>Tỷ lệ</u> <u>%</u>	<u>Số vốn góp</u> <u>VND</u>
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	832.803.564	80,52%	8.328.035.640.000
Các cổ đông khác	201.425.936	19,48%	2.014.259.360.000
	<u>1.034.229.500</u>	<u>100%</u>	<u>10.342.295.000.000</u>



29. LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG KHÔNG KIỂM SOÁT

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Vốn góp của chủ sở hữu	1.077.895.869.664	1.083.485.480.080
Thặng dư vốn cổ phần	22.444.504.530	14.241.337.135
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	(8.731.275.350)	1.005.591.753
Quỹ đầu tư phát triển	127.697.912.715	125.239.989.629
(Lỗ) lũy kế	(47.099.382.003)	(147.168.705.971)
Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	2.087.713.376	1.455.480.743
	1.174.295.342.932	1.078.259.173.369

30. CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Đơn vị tính	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công			
- Xăng Ron 95	Lít	38.525.490	10.351.178
- Xăng Ron 92	Lít	20.790.629	36.808.647
- Xăng E5	Lít	2.656.503	815.937
- Dầu DO 0,05%	Lít	71.366.947	127.542.734
- Dầu FO	Kg	365.520	5.224.178
- Jet A1	Kg	8.907.489	8.440.774
- Xăng E100	Lít	135.025	56.051
- Phụ gia CN 120	Lít	-	166.027
- Dung môi	Lít	112.550	-
2. Ngoại tệ các loại			
- Đô la Mỹ (USD)	USD	34.903.215	19.676.424
- Đồng Euro (EUR)	EUR	331	295
- Đô la Singapore (SGD)	SGD	173.774	279.905
- KIP Lào (KIP)	KIP	26.089.044.869	17.372.635.361
- Bath Thái (THB)	THB	1.007.307	367.076

31. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Tổng Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh do hoạt động của Tổng Công ty chủ yếu là hoạt động xuất nhập khẩu và kinh doanh dầu thô, xăng dầu.

Bộ phận theo khu vực địa lý

Tổng Công ty hoạt động tại khu vực nội địa và nước ngoài.

Dưới đây là phân tích doanh thu của Tổng Công ty theo khu vực địa lý, không tính đến xuất xứ của hàng hóa, dịch vụ.

	Năm nay VND	Năm trước VND
Nội địa	38.729.539.017.310	26.285.191.780.234
Quốc tế	19.106.438.841.052	23.743.095.726.324
	57.835.977.858.362	50.028.287.506.558

Dưới đây là phân tích về giá trị còn lại, tăng tài sản cố định hữu hình và vô hình theo khu vực địa lý, nơi đặt các tài sản đó.

	Giá trị còn lại của tài sản bộ phận		Tăng tài sản cố định hữu hình và vô hình	
	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND	Năm nay VND	Năm trước VND
Nội địa	3.676.187.701.932	3.643.264.819.301	390.391.518.379	150.789.004.262
Quốc tế	69.493.721.810	93.933.504.484	1.947.411.922	8.861.740.451
	3.745.681.423.742	3.737.198.323.785	392.338.930.301	159.650.744.713

32. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	57.848.309.273.527	50.033.857.003.272
- Doanh thu bán hàng	57.440.228.905.098	49.627.662.226.967
- Doanh thu cung cấp dịch vụ và hoạt động khác	298.792.011.497	270.177.309.776
- Doanh thu từ ủy thác xuất khẩu dầu thô	109.288.356.932	136.017.466.529
Các khoản giảm trừ doanh thu	(12.331.415.165)	(5.569.496.714)
- Chiết khấu thương mại	(12.331.415.165)	(5.569.496.714)
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	57.835.977.858.362	50.028.287.506.558
<i>Trong đó: Doanh thu với các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 41)</i>	<i>4.614.389.092.944</i>	<i>7.278.258.213.973</i>

33. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn hàng bán	54.484.679.623.418	47.941.770.460.819
Giá vốn dịch vụ cung cấp	172.997.962.149	128.912.813.550
	54.657.677.585.567	48.070.683.274.369

34. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	4.231.751.456.434	4.263.767.013.615
Chi phí nhân công	1.065.817.831.915	870.076.302.805
Chi phí khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	346.471.338.897	377.936.450.533
Chi phí dịch vụ mua ngoài	816.937.114.147	656.233.030.827
Chi phí khác bằng tiền	465.698.439.349	460.905.512.865
	6.926.676.180.742	6.628.918.310.645

35. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	381.782.147.908	361.033.236.880
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	18.734.026.038	16.727.186.052
Cổ tức được chia	4.035.215.678	1.569.314.581
Lãi bán hàng trả chậm	2.088.863.065	5.320.075.889
Lãi thanh lý các khoản đầu tư tài chính	2.405.480.000	59.123.642.760
Doanh thu hoạt động tài chính khác	3.687.858.884	7.926.849.290
	412.733.591.573	451.700.305.452

36. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí lãi vay	144.565.099.296	146.206.620.298
Lỗ chênh lệch tỷ giá	40.170.177.631	39.714.963.236
Trích lập/(Hoàn nhập) dự phòng giảm giá đầu tư tài chính	988.128.960	(1.980.124.682)
Lỗ do giảm tỷ lệ sở hữu tại công ty liên kết và bán chứng khoán kinh doanh	9.415.955.804	1.187.658.318
Chi phí tài chính khác	5.915.592.475	25.643.236.181
	201.054.954.166	210.772.353.351

37. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí bán hàng	1.833.758.314.419	1.606.741.748.359
Chi phí nhân viên bán hàng	683.649.770.118	551.069.086.842
Chi phí dụng cụ, đồ dùng và vật liệu văn phòng	76.626.992.876	57.991.377.870
Chi phí vận chuyển	137.176.022.624	136.333.497.204
Chi phí dịch vụ mua ngoài	433.712.537.354	293.476.788.833
Chi phí khấu hao tài sản cố định	246.373.119.216	259.159.991.290
Các khoản dự phòng	17.395.091.219	3.098.623.633
Các khoản chi phí bán hàng khác	238.824.781.012	305.612.382.687
Chi phí quản lý doanh nghiệp	728.224.901.968	721.381.472.971
Chi phí nhân viên quản lý	343.132.441.582	287.122.534.695
Chi phí dụng cụ, đồ dùng và vật liệu văn phòng	21.622.698.623	46.694.972.495
Chi phí khấu hao tài sản cố định	38.941.579.854	45.684.391.598
(Hoàn nhập)/Trích lập các khoản dự phòng	(44.894.213.923)	4.281.071.180
Chi phí dịch vụ mua ngoài	94.939.156.170	96.421.609.938
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	274.483.239.662	241.176.893.065
	2.561.983.216.387	2.328.123.221.330

38. LỢI NHUẬN KHÁC

	Năm nay VND	Năm trước VND
Thu nhập khác	49.849.048.626	60.899.648.340
Thu từ thanh lý tài sản cố định	9.692.897.642	41.436.196.897
Tiền bồi thường nhận được	1.788.108.912	3.752.797.007
Thu nhập từ kiểm kê thừa hàng tồn kho	5.498.458.629	3.574.089.766
Vận chuyển nhân sự các lô dầu	10.308.960.378	-
Phí lưu tàu	6.230.726.288	-
Các khoản thu nhập khác	16.329.896.777	12.136.564.670
Chi phí khác	21.037.786.992	34.417.619.860
Phí lưu tàu	-	20.314.444.461
Các khoản tiền phạt	643.087.989	776.102.403
Các khoản chi phí khác	20.394.699.003	13.327.072.996
Lợi nhuận khác	28.811.261.634	26.482.028.480

39. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập tính thuế năm hiện hành	164.841.585.527	23.390.818.229
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	164.841.585.527	23.390.818.229

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 là số liệu tạm tính. Số thuế thu nhập doanh nghiệp chính thức phải nộp sẽ phụ thuộc vào kết quả quyết toán thuế với cơ quan thuế.

40. LỖ/LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
Lợi nhuận/(lỗ) kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty mẹ (VND)	604.820.984.180	(112.192.594.949)
- Trích các quỹ từ nguồn lợi nhuận (VND)	(80.286.492.000)	(19.970.238.823)
Lợi nhuận/(lỗ) để tính lãi/(lỗ) cơ bản trên cổ phiếu (VND)	524.534.492.180	(132.162.833.772)
Số cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong năm (cổ phiếu)	1.034.229.500	1.034.229.500
Lãi/(lỗ) cơ bản trên cổ phiếu (VND)	507	(128)

Tổng Công ty thực hiện tính toán lại (lỗ) cơ bản trên cổ phiếu năm trước để phản ánh khoản thực trích các quỹ từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2020 theo các Nghị Quyết Đại hội đồng cổ đông của các công ty con, chi tiết như sau:

	Năm trước VND	Năm trước (Trình bày lại) VND
(Lỗ) kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty mẹ (VND)	(112.192.594.949)	(112.192.594.949)
- Trích các quỹ từ nguồn lợi nhuận (VND)	-	(19.970.238.823)
(Lỗ) để tính (lỗ) cơ bản trên cổ phiếu (VND)	(112.192.594.949)	(132.162.833.772)
Số cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong năm (cổ phiếu)	1.034.229.500	1.034.229.500
(Lỗ) cơ bản trên cổ phiếu (VND)	(108)	(128)



41. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có giao dịch và số dư trọng yếu trong năm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	Chủ sở hữu
Các công ty trong cùng Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	Công ty cùng Tập đoàn
Các công ty liên kết	Công ty cùng Tập đoàn

Trong năm, Tổng Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Bán hàng, cung cấp dịch vụ	4.614.389.092.944	7.278.258.213.973
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Ninh Bình	2.060.346.629.707	621.297.542.901
Công ty Cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn	1.157.067.600.960	5.319.280.381.697
Công ty Cổ phần Vật tư - Xăng dầu	925.089.681.820	704.197.134.593
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Thái Bình Dương	177.872.307.277	110.677.739.928
Tổng Công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí	90.926.138.050	112.353.447.671
Liên doanh Việt - Nga Vietsovetro	57.850.717.742	64.611.241.832
Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	49.039.443.205	276.972.463.033
Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi PTSC	30.821.759.088	20.714.240.905
Chi nhánh Phân phối Sản phẩm Lọc dầu Nghi Sơn - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	20.617.287.150	-
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	11.656.990.067	9.981.883.061
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Khảo sát và Công trình ngầm PTSC	8.106.880.094	3.424.975.812
Tổng Công ty Khí Việt Nam - CTCP	3.898.761.797	3.813.825.571
Công ty Cổ phần Kết cấu kim loại và Lắp máy Dầu khí	3.097.509.820	3.298.900.188
Chi nhánh Tập đoàn Dầu khí Việt Nam - Công ty Điều hành Dầu khí Biển Đông	3.067.133.185	-
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - CTCP	2.773.595.364	2.453.845.733
Công ty Cổ phần Kinh doanh khí hóa lỏng Miền Bắc	2.274.872.375	1.393.652.675
Công ty Cổ phần Vận tải sản phẩm khí quốc tế	2.056.363.636	328.909.091
Công ty Cổ phần Kinh doanh khí hóa lỏng Miền Nam	-	17.989.442.544
Các đối tượng khác	7.825.421.607	5.468.586.738
	Năm nay VND	Năm trước VND
Mua hàng, sử dụng dịch vụ	34.110.245.265.231	21.596.549.894.376
Công ty Cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn	16.069.038.029.231	8.295.798.853.241
Chi nhánh Phân phối Sản phẩm Lọc dầu Nghi Sơn - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	14.682.286.709.476	8.148.471.206.652
Tổng Công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí	2.833.742.244.899	4.453.834.170.250
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	432.972.029.564	393.152.211.949
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Ninh Bình	44.823.141.637	827.745
Công ty Cổ phần Giám định năng lượng Việt Nam	15.631.234.322	13.625.382.494
Tổng Công ty Khí Việt Nam - CTCP	14.849.260.894	95.711.491.453
Liên doanh Việt - Nga Vietsovetro	6.189.884.094	7.348.373.466
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	5.228.747.513	52.957.945.355
Công ty TNHH Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Biển PVD	2.377.629.928	-
Công ty TNHH MTV Chế biến Khí Vũng Tàu	1.384.284.853	-



Chi nhánh Tập đoàn Dầu khí Việt Nam - Công ty	-	130.863.380.478
Điều hành Dầu khí Biển Đông		
Các đối tượng khác	1.722.068.820	4.786.051.293

Tiền lương, phụ cấp và thù lao của các thành viên Hội đồng Quản trị bao gồm Tổng Giám đốc; tiền lương của Ban Kiểm soát, của các Phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng được hưởng trong năm tại Công ty Mẹ như sau:

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Tiền lương, phụ cấp và thù lao của Hội đồng Quản trị/Hội đồng Thành viên (bao gồm Tổng Giám đốc)	7.519.426.390	4.649.461.759
Tiền lương của Ban Kiểm soát	3.143.627.510	2.184.732.138
Tiền lương của các Phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng	7.327.874.100	5.617.306.103



Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	435.677.857.644	380.958.950.473
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Ninh Bình	300.322.010.800	258.588.970.219
Công ty Cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn	26.633.159.847	14.563.295.218
Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	25.497.452.652	215.556.260
Liên doanh Việt - Nga Vietsovpetro	15.245.629.544	14.036.116.892
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Thái Bình Dương	13.004.944.000	-
Tổng Công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí	10.155.652.621	31.340.755.698
Chi nhánh Tập đoàn Dầu khí Việt Nam - Công ty Điều hành Dầu khí Biển Đông	9.785.831.739	6.562.131.813
Công ty Cổ phần Vật tư - Xăng dầu	7.772.460.000	-
Chi nhánh Phân phối Sản phẩm Lọc dầu Nghi Sơn - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	7.762.133.610	-
Công ty Cổ phần Vận tải sản phẩm khí quốc tế	5.636.562.660	1.621.004.840
Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi PTSC	3.111.867.305	2.836.847.245
Công ty TNHH Nhiên liệu Sinh học Phương Đông	2.553.770.086	2.160.324.960
Ban Quản lý Dự án Nhà máy lọc dầu Dung Quất	1.362.230.984	1.362.230.984
Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Đình Vũ	1.203.192.950	1.019.624.710
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	1.194.271.997	1.379.454.399
Công ty Cổ phần Kết cấu kim loại và Lắp máy Dầu khí	796.504.130	1.975.811.850
Công ty Cổ phần Dầu khí Dương Đông Kiên Giang	-	41.434.776.646
Các đối tượng khác	3.640.182.719	1.862.048.739
Phải thu ngắn hạn khác	3.536.644.622.072	1.867.288.900.463
Công ty Cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn	3.310.104.646.789	1.626.201.945.080
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	172.287.240.951	172.131.795.269
Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí	22.978.080.279	27.768.049.087
Liên doanh Việt - Nga Vietsovpetro	17.927.132.472	36.021.807.639
Tổng Công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí	10.239.032.046	7.121.383
Các đối tượng khác	3.108.489.535	5.158.182.005



	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Phải trả nhà cung cấp ngắn hạn	4.352.810.652.946	1.967.726.238.441
Công ty Cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn	2.365.350.973.092	944.265.324.925
Chi nhánh Phân phối sản phẩm Lọc dầu Nghi Sơn - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	1.806.200.083.832	786.001.646.472
Tổng Công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí	111.922.794.103	153.671.700.393
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	47.420.381.577	70.767.827.739
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí	5.414.895.656	4.991.026.528
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Ninh Bình	4.800.000.000	-
Tổng Công ty Khí Việt Nam - CTCP	4.127.817.392	2.224.215.174
Công ty Cổ phần Giám định năng lượng Việt Nam	2.879.786.850	2.465.929.786
Ban Quản lý dự án Nhà máy lọc dầu Dung Quất	1.954.237.323	1.954.237.323
Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi PTSC	1.739.107.502	-
Công ty Cổ phần Kết cấu kim loại và Lắp máy Dầu khí	-	220.714.963
Các đối tượng khác	1.000.575.619	1.163.615.138
Phải trả ngắn hạn khác	1.836.172.573.859	1.731.578.882.702
Liên doanh Việt - Nga Vietsovpetro	1.640.353.495.391	1.481.102.436.233
Tổng Công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí	195.594.690.666	208.058.350.803
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	224.387.802	224.387.802
Tổng Công ty Khí Việt Nam - CTCP	-	42.193.707.864
Vay dài hạn	11.829.300.352	14.195.160.422
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	11.829.300.352	14.195.160.422
Chi phí phải trả ngắn hạn	9.253.261.611	72.433.530.915
Chi nhánh Phân phối sản phẩm Lọc dầu Nghi Sơn - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	4.431.885.502	2.103.834.577
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	2.616.728.119	30.356.467.439
Tổng Công ty Cổ phần vận tải Dầu khí	1.916.419.330	2.929.452.934
Chi nhánh Tập đoàn Dầu khí Việt Nam - Công ty Điều hành Dầu khí Biển Đông	-	26.870.304.027
Tổng Công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí	-	10.110.254.916
Các đối tượng khác	288.228.660	63.217.022

42. SỰ KIỆN QUAN TRỌNG TRONG NĂM


Sự lây lan của dịch bệnh do chủng virus Corona mới gây ra (“Covid-19”) đã và đang tác động đến nền kinh tế thế giới và trong nước. Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty cũng chịu ảnh hưởng gián tiếp từ diễn biến của đại dịch Covid-19 ở Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc đã đánh giá ảnh hưởng của Covid-19 đối với tình hình tài chính và hoạt động sản xuất kinh doanh, đồng thời, theo dõi các chính sách hỗ trợ của Chính phủ để thực hiện tất cả các biện pháp thích hợp nhằm hạn chế tác động tiêu cực của dịch bệnh tới hoạt động của Tổng Công ty trong năm. Ban Tổng Giám đốc cũng tin tưởng rằng Covid-19 không ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Tổng Công ty.



Phùng Tố Vân
Người lập biểu



Nguyễn Ngọc Ninh
Kế toán trưởng



Đoàn Văn Nhuộm
Tổng Giám đốc

Ngày 16 tháng 3 năm 2022